



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2888** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **28** tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh trên địa bàn thành phố Biên Hòa (đợt 4)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ;*

*Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 12162/TTr-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Tờ trình số 12266/TTr-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 224/TTr-LĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh trên địa bàn các phường: An Bình, Bửu Hòa, Hiệp Hòa, Hòa Bình, Long Bình Tân, Long Bình, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Quyết Thắng, Tân Biên, Tân Hạnh, Tân Hiệp, Tân Hòa, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Vạn, Trung Dũng, Trảng Dài,



Bình Đa, Tân Mai của thành phố Biên Hòa gồm 7.110 đối tượng là người lao động tự do với chi phí hỗ trợ là: 10.665.000.000 đồng (mười tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

*(Danh sách đính kèm theo Quyết định).*

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Phi**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG  
BỊ MẤT VIỆC LÀM DO ĐẠI DỊCH COVID - 19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ (ĐỢT 4)

(Kèm theo Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| STT                      | Họ và tên      | Năm sinh   | CM/ND     | Địa chỉ thường trú/tạm trú | Công việc trước khi mất việc làm | Địa điểm làm việc            | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ và tên | Ghi chú |
|--------------------------|----------------|------------|-----------|----------------------------|----------------------------------|------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------|
| <b>I. Phường An Bình</b> |                |            |           |                            |                                  |                              |                    |                              |                           |                             |         |
| 1                        | Lâm Văn Nam    | 01/01/1984 | 365367437 | 31/11 KP 12,               | bốc vắc Không HDLED              | Nhà máy Đường Biên Hoà KCN-1 | 01/05/2021         | 0                            | 1.500.000                 |                             |         |
| 2                        | Tạ Thị Nhanh   | 01/01/1984 | 365363268 | 31/11 KP 12,               | Phụ quán com (không tên)         | Tổ 6 KP 12,                  | 01/05/2021         | 0                            | 1.500.000                 |                             |         |
| 3                        | Vũ Văn Thế     | 24/05/1983 | 272583659 | 31/11 KP 12,               | Cắt tóc                          | 176/2, tổ 7, KP 11,          | 01/05/2021         | 0                            | 1.500.000                 |                             |         |
| 4                        | Trần Thị Lương | 20/09/1958 | 170549704 | 31/11 KP 12,               | Phụ quán com (không tên)         | Tổ 6 KP 12,                  | 01/05/2021         | 0                            | 1.500.000                 |                             |         |
| 5                        | Võ Thị Loan    | 1984       | 271671567 | 44/5 tổ 5 KP 12,           | Bán vé số dạo                    | Ngã tư Vũng Tàu              | 01/05/2021         | 0                            | 1.500.000                 |                             |         |
| 6                        | Phan Thị Loan  | 01/01/1964 | 272143702 | 57/16 tổ 11B KP 12,        | Giúp việc gia đình               | Khu vực KP12 Phường An Bình  | 01/05/2021         | 0                            | 1.500.000                 |                             |         |
| 7                        | Lê Thị Bông    | 21/03/1988 | 273564975 | 147 tổ 10B KP 12,          | Thợ làm tóc                      | 147 tổ 10B KP 12,            | 01/05/2021         | 0                            | 1.500.000                 |                             |         |



|    |                    |            |              |                    |                            |                                        |            |   |           |  |  |
|----|--------------------|------------|--------------|--------------------|----------------------------|----------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 8  | Huỳnh Công Thành   | 22/07/1952 | 210121952    | 70/51 tổ 3 KP 12,  | Chạy xe ôm                 | Không cố định                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 9  | Phạm Thị Lang      | 28/06/1955 | 270779605    | 370/51 tổ 3 KP 12, | Nhặt ve chai               | Không cố định                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 10 | Trần Duy Gia Luật  | 13/09/1995 | 272368807    | 85B tổ 1A KP 12,   | Phụ quán trà sữa           | Trà sữa Paradise 60A P Tam Hòa         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 11 | Trần Duy Gia Khánh | 25/03/2002 | 272799519    | 85B tổ 1A KP 12,   | Phụ quán                   | Quán Phong ký, cầu sập phường Tân Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 12 | Phạm Duy Phong     | 15/03/1973 | 272274952    | 85B tổ 1A KP 12,   | Phụ quán                   | Quán Phong ký, cầu sập phường Tân Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 13 | Trương Thị Ánh     | 01/01/1971 | 271940500    | 079E tổ 11 KP 12,  | Phụ quán ăn gia đình (com) | KP 12 P An Bình                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 14 | Nguyễn Thị Mai     | 15/05/1998 | 272599961    | 41A tổ 8B KP 12,   | Thợ làm tóc                | 80/398A, KP 1, phường Tân Mai          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 15 | Nguyễn Thị Huyền   | 20/05/1998 | 241726031    | 41A tổ 8B KP 12,   | Phụ quán cà phê lưu động   | Không cố định                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 16 | Lại Thị Hồng Hạnh  | 04/04/1999 |              | 47A tổ 9C KP 3,    | Phụ vụ quán karaoke        | Karaoke 108 P Bình Đa                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 17 | Lại Văn Luyện      | 24/04/1964 | 001064024897 | 47A tổ 9C KP 3,    | Bán vé số dạo              | Không cố định                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 18 | Nguyễn Thị Kén     | 01/01/1955 | 342010586    | 56 tổ 9 KP 12,     | Bán vé số dạo              | Không cố định                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 19 | Nguyễn Thị Ai      | 01/01/1957 | 320365279    | 56 tổ 9 KP 12,     | Bán vé số dạo              | Không cố định                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 20 | Nguyễn Văn Quang   | 12/09/1956 | 371657707    | 56 tổ 9 KP 12,     | Bán vé số dạo              | Không cố định                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|    |                      |            |              |                         |                                |                                  |            |   |           |  |  |
|----|----------------------|------------|--------------|-------------------------|--------------------------------|----------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 21 | Lê Bun Thiong        | 18/11/1984 | 272388669    | 93 tổ 8B KP 12,         | Chạy xe ba gác                 | Không có định                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 22 | Hoàng Thị Trị        | 10/02/1958 | 272577833    | 93 tổ 8B KP 12,         | Giữ trẻ tại gia                | 93 tổ 8B KP 12,                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 23 | Lê Đình Tâm          | 10/09/1953 | 272610943    | 93 tổ 8B KP 12,         | Phụ giúp giữ trẻ               | 93 tổ 8B KP 12,                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 24 | Nguyễn Thị Ngọc Thu  | 25/10/1973 | 271408797    | 147/12 tổ 11B<br>KP 12, | Phụ quán cơm<br>không tên      | KP4 Phường<br>Tam Hiệp           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 25 | Vô Hoàng Mông        | 03/12/1987 | 352415423    | 54D tổ 4 KP 12,         | bốc vắc Không<br>HDLD          | Không có định                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 26 | Vô Minh Bảo          | 20/10/1975 | 271408450    | 95/16 tổ 11 KP<br>12,   | Chạy xe ôm                     | Không có định                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 27 | Vô Ngọc Tuyết Phương |            | 272798674    | 147/12 tổ 11B<br>KP 12, | Phụ quán<br>Kikichi            | 1096 Phạm văn<br>Thuận P tân mai | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 28 | Nguyễn Thị Kim Liên  | 21/09/1980 | 271453556    | 23/12 tổ 10D<br>KP 12,  | Phụ quán cơm                   | Quán ăn Thạc<br>Hương            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 29 | Phùng Bá Hoàn        | 09/03/1995 |              | 27A, KP 12,             | Phụ quán cơm<br>Quán văn Hương | 104/106 đường<br>Hàn Thuyên      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 30 | Đào Ngọc Anh         | 07/06/1986 | 092086001155 | 88/4C tổ 3, KP<br>12,   | bốc vắc Không<br>HDLD          | Không có định<br>P An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 31 | Nguyễn Anh Tuấn      | 26/12/1998 | 272926051    | KP 12, P. An<br>Bình,   | bốc vắc Không<br>HDLD          | Không có địa điểm<br>có định     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 32 | Danh Dục             | 01/01/1967 | 371097116    | KP 12, P. An<br>Bình,   | bốc vắc Không<br>HDLD          | Không có địa điểm<br>có định     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 33 | Danh Hên             | 01/01/1962 | 371401656    | 88/4C tổ 3, KP<br>12,   | bốc vắc Không<br>HDLD          | Khu vực P. An<br>Bình, KCN 2     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|    |                     |            |           |                       |                    |                                                |            |   |           |  |  |
|----|---------------------|------------|-----------|-----------------------|--------------------|------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 34 | Trần Văn Tiến       | 01/01/1957 | 370940111 | KP 12, P. An Bình,    | bốc vắc Không HDLD | Khu vực P. An Bình, Không cố định              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 35 | Nguyễn Thị Tuyến    | 19/06/1975 | 271769191 | 141 tổ 10D, KP 12,    | Giữ trẻ            | 141 tổ 10D, KP 12,                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 36 | Nguyễn Thiên Trúc   | 01/07/1989 | 271960502 | tổ 2, KP1,            | Chạy grab          | Không cố định                                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 37 | Đỗ Thị Thủy         | 06/10/1981 | 276110908 | 56/9 tổ 9, KP 12,     | Bán rau dạo        | Khu vực chợ KP12                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 38 | Bế Văn Vũ           | 13/10/1995 | 272479285 | 209/12 tổ 1B, KP 12,  | bốc vắc Không HDLD | Không cố định                                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 39 | Phạm Thị Thanh Tâm  | 12/06/1960 | 270666252 | 34/5, tổ 5, KP 12,    | Phụ nấu ăn         | Nấu ăn Thanh Tâm 34/5, tổ 5, KP 12, P. An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 40 | Lê Thị Ngọc Ánh     | 1962       |           | 92/5, KP3,            | Bán bún tươi dạo   | Khu vực Chợ An Bình                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 41 | Nguyễn Thị Tố Trinh | 13/07/1992 | 272190977 | 1/20 tổ 8B, KP 12,    | Giữ trẻ            | 1/20 tổ 8B, KP 12,                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 42 | Nguyễn Oanh Đài     | 17/06/1983 | 381268255 | 1/20 tổ 8B, KP 12,    | bốc vắc Không HDLD | Không cố định                                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 43 | Trần Thị Giang      | 01/01/1976 | 381348527 | 1/20 tổ 8B, KP 12,    | Giữ trẻ            | 1/20 tổ 8B, KP 12,                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 44 | Lương Hoàng Dũ      | 1980       | 221171758 | Tổ 8B, KP 12,         | bốc vắc Không HDLD | Không cố định khu vực P. An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 45 | Trương Thuyết       | 20/07/1974 | 191336903 | 57B3/18 tổ 11, KP 12, | Bán chả giò        | 57B3/18 tổ 11 KP 12,                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 46 | Nguyễn Bảo Chiến    | 11/03/1991 | 272140288 | 59A, tổ 11, KP 12,    | Cắt tóc            | Tổ 11, KP 12,                                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|    |                     |            |              |                        |                               |                                       |            |   |           |  |  |
|----|---------------------|------------|--------------|------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 47 | Hoàng Thị Huyền     | 03/12/1972 | 272598486    | 84/4 tổ 5, KP 12,      | Giúp việc gia đình            | Khu vực KP12 Phường An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 48 | Nguyễn Khoa Nam     | 12/03/1982 | 334133249    | Tổ 4C, KP 12,          | Bốc vắc không HDLD            | Xi măng Thuận Thới Hòa KP12 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 49 | Lê Thị Ánh          | 09/02/1987 | 272757038    | 95/7, tổ 11, KP 12,    | Bán vé số dạo                 | Không có định P. An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 50 | Nguyễn Thị Kim Hằng | 24/09/1997 | 272526105    | 286/12 tổ 4A, KP 12,   | Làm tóc                       | 286/12 tổ 4A, KP 12,                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 51 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 10/10/1961 | 272224041    | Tổ 4C, KP 12,          | Phụ quán phở không tên        | KP3 P Hiệp Hòa                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 52 | Châu Thái Thanh     | 01/01/1994 | 092094000919 | Tổ 4C, KP 12,          | Bốc vắc không HDLD            | Cảng Nhứt nam KCN 1- số 9 đường 1     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 53 | Nguyễn Thị Mai      | 01/01/1961 | 272669346    | 1/25, tổ 11, KP 12,    | Giúp việc gia đình            | Khu vực KP12 Phường An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 54 | Nguyễn Duy Chức     | 12/01/1965 | 037085000635 | 161/29/42 tổ 1, KP 12, | Cắt tóc                       | 25D tổ 1, KP 12,                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 55 | Nguyễn Văn Thực     | 03/05/1969 | 031069002000 | 35B tổ 1, KP 12,       | Xe ôm                         | Không có định                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 56 | Ngô Văn Hoàng       | 02/11/1977 | 036077006152 | 27B, tổ 1, KP 12,      | Vận chuyển hàng hóa xe 2 bánh | không có định                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 57 | Lê Thị Hợp          | 26/07/1990 | 261142379    | Tổ 4C, KP 12,          | Uốn tóc                       | Tổ 4C, KP 12,                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 58 | Lê Thị Hải          | 20/11/1967 | 272377065    | 20 tổ 1, KP 12,        | Bán bún, xôi dạo              | Không có định P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 59 | Châu Thị Màng       | 01/04/1976 | 351972423    | 123 tổ 9, KP 12,       | Giúp việc gia đình            | Nhà chi Thủy KP12 P. An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|    |                     |            |              |                        |                             |                                                    |            |   |           |  |  |
|----|---------------------|------------|--------------|------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 60 | Vũ Văn Nghiêm       | 25/07/1988 | 037088006439 | 74 tổ 11, KP 12,       | Phụ Lâm bếp                 | Bê thui Bảo Trang<br>5/10 P Tân mai                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 61 | Phạm Thị Mỹ Hòa     | 29/09/1992 | 264345677    | 75 tổ 11, KP 12,       | Bán vé số dạo               | Không cố định                                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 62 | Bùi Thị Hương       | 23/11/1997 | 174607375    | 95/7 tổ 11, KP<br>12,  | Bán xôi dạo                 | Không cố định                                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 63 | Lương Ngọc Chi      | 12/11/1988 | 250728592    | 95/7 tổ 11, KP<br>12,  | Phụ quán gà                 | Quán gà Quang<br>Trung tổ 15D2,<br>KP2, P. Bình Đa | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 64 | Nguyễn Thị Oanh     | 10/11/1958 | 272378612    | 31/9 tổ 8B, KP<br>12,  | Giữ trẻ tại nhà             | 31/9 tổ 8B, KP 12,                                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 65 | Nguyễn Anh Ngọc     | 29/04/1992 | 272207588    | 31/9 tổ 8B, KP<br>12,  | chạy xe công<br>nghệ 2 bánh | 31/9 tổ 8B, KP 12,                                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 66 | Huỳnh Thị Thơi      | 05/04/1969 | 272178307    | 19C/4, tổ 5, KP<br>12, | Bán bún, hủ tiu             | 19C/4, tổ 5, KP 12,                                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 67 | Thiên Nào Bảo An    | 24/07/1991 | 264328683    | 179A tổ 10, KP<br>12,  | bốc vác Không<br>HDLĐ       | KCN Biên Hoà 1                                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 68 | Nguyễn Thị Mộng Đào | 16/08/1981 | 271422957    | 86 tổ 1A, KP 12,       | Cắt tóc                     | 86 tổ 1A, KP 12,                                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 69 | Huỳnh Phú Thành     | 06/10/2003 | 276022936    | 87 tổ 1A, KP 12,       | Phụ quán                    | Quán ăn Tạ Hiền<br>11D8, P. Thống<br>nhất,         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 70 | Phạm Duy Hoàng vũ   | 29/06/1997 | 272479348    | 85B tổ 1A, KP<br>12,   | Phụ quán                    | Quán nước<br>Paradise tại Đồng<br>Khởi             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 71 | Dương Xuân Lượng    | 01/01/1973 | 272466187    | 3A tổ 5, KP 12,        | Cắt tóc                     | 3A tổ 5, KP 12,                                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 72 | Ngô Thị Kim Phương  | 09/11/1969 | 270784942    | 314 tổ 5, KP 12,       | Phụ làm nail                | 316 tổ 5, KP 12,                                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|    |                       |            |              |                               |                               |                                                 |            |   |           |  |  |
|----|-----------------------|------------|--------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 73 | Lê Thị Mai            | 17/12/1961 | 270607607    | 87/4C, KP 3,                  | Giữ trẻ                       | 87/4C, KP 3,                                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 74 | Bùi Thị Thu Hà        | 10/08/1973 | 271258601    | 23/3 tổ 10D, KP 12,           | Bán vé số dạo                 | Không có định                                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 75 | Bùi Văn Hậu           | 12/01/1962 | 270126802    | 83/6 tổ 5, KP 12,             | Xe ôm                         | Khu vực Ngã ba P. An Bình                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 76 | Nguyễn Thị Tím        | 14/07/1960 | 331241172    | 63B tổ 8, KP 12,              | giúp việc nhà                 | 63A tổ 8B, KP 12,                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 77 | Dương Thị Trinh       | 25/09/1979 | 370882019    | 63A tổ 8B, KP 12,             | Bán cà phê (không tên)        | 63A tổ 8B, KP 12,                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 78 | Mai Xuân Hùng         | 01/10/1959 | 271073887    | 137 tổ 10D, KP 12,            | Xe ôm                         | Không có định                                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 79 | Chu Thị Loan          | 23/04/1983 | 272378827    | 65/3, KP 12,                  | Làm nail                      | Tiền IDOL 219 Phạm Văn Thuần, Tân Tiến, BH, ĐN  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 80 | Nguyễn Quốc Huy       | 25/12/1980 | 271629974    | 80/5 tổ 6, KP 12,             | Bốc vắc không HDLD            | Công ty Grobest Số 9 P Long Bình Tân            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 81 | Nguyễn Thị Mộng Thu   | 01/01/1985 | 092185003074 | 80/5 tổ 6, KP 12,             | Thu gom rác                   | Không có định                                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 82 | Trần Hồng Thor        | 17/07/1993 | 301465229    | 111/13, tổ 1A, KP 12, An Bình | Thợ nail                      | Nail Thu Phạm, 87D, Phạm văn Thuận p. Bình Đa   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 83 | Nguyễn Thị Kiều Trang | 23/09/2001 | 245380940    | 128D, tổ 8C, KP 12, An Bình   | Thợ nail tại nhà              | 128D, tổ 8C, KP 12, An Bình, Biên Hoà, Đồng Nai | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 84 | Vũ Ngọc Khánh Tường   | 12/02/1994 | 272282887    | 66, tổ 9B, KP 12, An Bình     | Vận chuyển hàng hóa xe 2 bánh | Địa điểm không có định                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 85 | Mặc Thị Xuân          | 22/04/1990 | 245286114    | 128D, tổ 8C, KP 12, An Bình   | Thợ nail tại nhà              | 128D, tổ 8C, KP 12, An Bình, Biên Hoà, Đồng Nai | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|    |                  |            |           |                                 |                             |                         |            |   |           |  |  |
|----|------------------|------------|-----------|---------------------------------|-----------------------------|-------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 86 | Trương Văn Zê    | 05/06/1974 | 27280608  | 95/31/30, tổ 11, KP 12, An Bình | bán kem dạo                 | Địa điểm không cố định  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 87 | Đình Tuấn Kiệt   | 23/08/1995 | 272566703 | 165, KP 12, An Bình             | Chạy xe Grap (xe máy)       | Không cố định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 88 | Trương Thị Thoa  | 16/03/1982 | 197410824 | tổ 4C, KP 12, An Bình           | Bán vé số dạo               | Không cố định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 89 | Nguyễn Văn Nghĩa | 26/06/1991 | 187017255 | 149/9, tổ 10, KP 12, An Bình    | Xe ôm                       | Không cố định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 90 | Phạm Văn Nguyễn  | 16/11/1993 | 371605925 | A12/7, tổ 1, KP12, An Bình      | Lái xe công nghệ 2 bánh     | Không cố định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 91 | Phạm Thị Bé Hai  | 1957       | 341511229 | 72/5, tổ 11A, KP 12, An Bình    | Giữ trẻ                     | tổ 11A, KP12, An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 92 | Huỳnh Thị Thía   | 01/01/1958 | 372010537 | 370/33, tổ 3, KP 12, An Bình    | Bán vé số dạo               | Không cố định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 93 | Nguyễn Nhớ       | 20/07/1995 | 264456041 | 109, tổ 1B, KP 12, An Bình      | bốc vắc Không HDLD          | Không cố định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 94 | Vô Thị Dung      | 07/08/1968 | 190944930 | 268, KP 12, An Bình             | luyện ve chai               | Không cố định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 95 | Lâm Văn Dá       | 01/01/1971 | 341823369 | 111/13, tổ 1A, KP 12, An Bình   | bốc vắc Không HDLD          | Không cố định P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 96 | Nguyễn Văn Cao   | 30/07/1997 | 352409066 | 209/12, tổ 1B, KP12, An Bình    | bốc vắc Không HDLD          | Không cố định P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 97 | Trần Thị Liễu    | 1975       | 365129932 | Tổ 1, KP12, An Bình             | Phụ quán cà phê (không tên) | KP12, An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 98 | Phạm Văn Tùng    | 01/01/1984 | 352638044 | 16, tổ 39B, KP4, An Bình        | bốc vắc Không HDLD          | Không cố định P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                          |            |             |                              |                        |                                            |            |   |           |  |  |
|-----|--------------------------|------------|-------------|------------------------------|------------------------|--------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 99  | Nguyễn Hồng Yến          | 12/08/1977 | 271349899   | 56/2, KP2, An Bình           | Bán vé số dạo          | Không có định P An Bình                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 100 | Đỗ Thị Phương Lan        | 09/09/1971 | 352516979   | Tổ 11, KP12, An Bình         | Giúp việc nhà          | Cô Nhung tổ 11 KP12 P An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 101 | Trần Hoàng Tuấn          | 10/05/1970 | 351189955   | Tổ 11, KP12, An Bình         | bốc vắc Không HDLED    | khư vực Chợ Tam Hiệp                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 102 | Tô Thị Hai               | 02/02/1964 | 250336292   | 98, tổ 1, KP12, An Bình      | Giúp việc nhà          | tổ 1, KP12, An Bình                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 103 | Nguyễn Thị Thuý Phương   | 25/09/1985 | 271752687   | 2A,, tổ 1, KP12, An Bình     | Bán đồ ăn sáng hủ tiếu | 2A,, tổ 1, KP12, An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 104 | Nguyễn Thu Em            | 01/01/1966 | 385848305   | Tổ 3, KP12, An Bình          | Bán vé số dạo          | Không có định P An Bình                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 105 | Đỗ Thị Vân               | 10/07/1966 | 270730072   | A9, tổ 1, KP12, An Bình      | Bán vé số dạo          | Không có định P An Bình                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 106 | Nguyễn Đỗ Trường         | 01/06/1980 | 172219332   | 149/9, tổ 10, KP 12, An Bình | bốc vắc Không HDLED    | Không có định P An Bình                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 107 | Lại Thị An               | 19/12/1967 | 34167001472 | 149/12, An Bình              | Nấu ăn không HDLED     | Trường MN tư thực Nàng Hồng KP12 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 108 | Nguyễn Trương Nhật Hoàng | 05/06/2003 | 321803338   | 72/6, tổ 11A, KP12, An Bình  | Xe ôm                  | Không có định P An Bình                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 109 | Nguyễn Thị Sen           | 12/04/1974 | 35174002483 | 29/B, KP12, An Bình          | Bán vé số dạo          | Không có định P An Bình                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 110 | Cao Văn Trung            | 10/05/1982 | 351852347   | 72/9, tổ 11A, KP12, An Bình  | Bốc xếp                | Không có định P An Bình                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 111 | Huỳnh Thị Tha            | 10/08/1976 | 89176000687 | 72/9, tổ 11A, KP 12, An Bình | Bán vé số dạo          | Không có định P An Bình                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |             |                                 |                               |                                     |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|-------------|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 112 | Thái Văn Bình         | 05/09/1974 | 271586146   | 95/31/29, tổ 11, KP 12, An Bình | Chạy xe ba gác                | Không cổ định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 113 | Bùi Vũ Tân            | 1991       | 363637020   | 55/3, tổ 1B, KP 12, An Bình     | Vận chuyển hàng hóa xe 2 bánh | Không cổ định                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 114 | Nguyễn Thị Điệp       | 01/01/1959 | 365861869   | 96/3, KP1, An Bình              | Bán vé số dạo                 | Không cổ định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 115 | Nguyễn Thanh Cường    | 30/12/1979 | 272437679   | 106, tổ 1, KP 12, An Bình       | Vận chuyển hàng hóa xe 2 bánh | Không cổ định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 116 | Bành Phú An           | 21/11/1999 | 09409900525 | 82, tổ 1A, KP 12, An Bình       | Phụ quán ăn cơm               | Quán ăn Thiên Nhiên 205B P Tân Tiến | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 117 | Võ Thành Hiếu         | 02/05/2000 | 366231970   | 55, KP 12, An Bình              | Phục vụ Karaoke               | Karaoke Bảo Bảo Gia KP1 P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 118 | Nguyễn Thị Thanh Tiên | 20/08/1989 | 382053865   | 23A3, KP 1, An Bình             | Giúp việc không HDLD          | Nhà trẻ Mai Hoa Kp12 P an Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 119 | Trần Trọng            | 01/11/1993 | 264402318   | 386, tổ 6, KP 12, An Bình       | Làm tiệm tóc nam              | 386, tổ 6, KP 12, An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 120 | Trần Thị Thu Ván      | 1957       | 340153827   | 66/4, tổ 4C, KP 12, An Bình     | Bán vé số dạo                 | Không cổ định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 121 | Sơn Hồng Thoảng       | 1993       | 385547047   | 66, tổ 9B, KP 12, An Bình       | bốc vác Không HDLD            | Không cổ định P Long Bình Tân       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 122 | Sơn Hồng Thịnh        | 1993       | 385560697   | 66, tổ 9B, KP 12, An Bình       | bốc vác Không HDLD            | Không cổ định P Long Bình Tân       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 123 | Nguyễn Thị Hồng Ván   | 16/06/1964 | 271476772   | 113A, tổ 1B, KP12, An Bình      | Giúp việc nhà                 | Quán ăn Gia Đình KP12 P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 124 | Vân Ngọc Tốt          | 12/10/1982 | 327370410   | 20B, tổ 11B, KP 12, An Bình     | bốc vác Không HDLD            | tổ 11B, KP 12, An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                   |            |              |                             |                      |                                   |            |   |           |  |  |
|-----|-------------------|------------|--------------|-----------------------------|----------------------|-----------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 125 | Phạm Thị Dương    | 28/08/1965 | 264185475    | 20B, tổ 11B, KP 12, An Bình | Giúp việc không HDLD | Trường Mầm non Đồ Rê Mí           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 126 | Nguyễn Ngọc Thị   | 1956       | 364001729    | 55/3, tổ 1B, KP 12, An Bình | Bán vé số dạo        | Không cổ định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 127 | Nguyễn Thị Nhung  | 02/02/1969 | 44169001105  | Tổ 1B, KP 12, An Bình       | Bán nước mía         | Không cổ định KP 12               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 128 | Lê Minh Khương    | 09/01/1996 | 264475878    | 93C, tổ 1B, KP 12, An Bình  | Làm tóc (Không tên)  | KP 12 P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 129 | Nguyễn Văn Hoà    | 01/01/1980 | 371926506    | Tổ 1B, KP 12, An Bình       | Xe ôm                | Không cổ định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 130 | Bùi Văn Nhiều     | 1962       | 364009741    | 55/3, tổ 1B, KP 12, An Bình | Bán vé số dạo        | Không cổ định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 131 | Phạm Thị Hiệp     | 01/01/1972 | 058172002969 | 93C, tổ 1B, KP 12, An Bình  | Giúp việc nhà        | Không cổ định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 132 | Nguyễn Thành Tân  | 25/04/1994 | 264461072    | 55, KP 12, An Bình          | Phục vụ Karaoke      | Karaoke Bảo Bảo Giữa P An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 133 | Phan Thị Thu Hà   | 1971       | 351022990    | 68A, tổ 1B, KP 12, An Bình  | Bán vé số dạo        | Không cổ định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 134 | Nguyễn Văn Việt   | 07/01/1994 | 352194653    | 113A, tổ 1B, KP 12, An Bình | Giữ xe               | quán cà phê số 50/3, P Thống Nhất | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 135 | Nguyễn Hoàng Khen | 1997       | 366165999    | 55/3, tổ 1B, KP 12, An Bình | bốc vắc Không HDLD   | không cổ định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 136 | Bùi Thị Ngợi      | 01/01/1980 | 365723707    | 55/3, tổ 1B, KP 12, An Bình | Bán vé số dạo        | Không cổ định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 137 | Nguyễn Văn Thống  | 1975       | 365723476    | 55/3, tổ 1B, KP 12, An Bình | bốc vắc Không HDLD   | An Bình, Biên Hoà                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                   |            |              |                                |                          |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|-------------------|------------|--------------|--------------------------------|--------------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 138 | Thạch Thị Si Hên  | 21/06/1987 | 385511165    | 93/6, KP 1, An Bình            | Bán vé số dạo            | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 139 | Nguyễn Duy Vương  | 17/09/1991 | 079091007279 | 119B, tổ 9C, KP 12, An Bình    | bốc vé số Không HDLD     | Không cố định<br>KV Long Thành  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 140 | Nguyễn Văn Hải    | 18/09/1997 | 264467065    | 54, tổ 1, KP 12, An Bình       | Làm tóc salon Hoàng Phúc | 132, đường 30/4, Trung Dũng     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 141 | Nguyễn Thị Hương  | 20/04/1985 | 264270888    | 54, tổ 1, KP 12, An Bình       | Làm nail                 | 54, tổ 1, KP 12, An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 142 | Nguyễn Thành Sinh | 01/01/1987 | 381379553    | 23A3, KP 1, An Bình            | Bảo vệ không HDLD        | Nhà trẻ Mai Hoa Kp 12 P an Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 143 | Lê Ngọc Dũng      | 10/02/1964 | 071481131    | 199/12, tổ 10B, KP 12, An Bình | Xe ôm                    | Không cố định                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 144 | Nguyễn Thị Nhị    | 1978       | 331785076    | 87/4H, tổ 3, KP 12, An Bình    | Bán vé số dạo            | Không cố định                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 145 | Đỗ Thị Tâm        | 1963       | 342081216    | 87/4H, tổ 3, KP 12, An Bình    | Bán vé số dạo            | Không cố định                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 146 | Thái Thị Liễu     | 1959       | 371524020    | 87/4H, tổ 3, KP 12, An Bình    | Bán vé số dạo            | Không cố định                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 147 | Phan Thành Công   | 01/01/1972 | 365272721    | 143, tổ 10, KP 12, An Bình     | Xe ôm                    | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 148 | Bùi Minh Phụng    | 15/03/1988 | 371349394    | 68B/5, tổ 4C, KP 12, An Bình   | Xe ôm                    | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 149 | Nguyễn Văn Mau    | 01/01/1973 | 381325075    | 141, tổ 10B, KP 12, An Bình    | Bốc xếp                  | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 150 | Nguyễn Minh Đang  | 01/01/1979 | 381034224    | 141, tổ 10B, KP 12, An Bình    | bốc vé số Không HDLD     | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                    |            |              |                             |                         |                                   |            |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------------|--------------|-----------------------------|-------------------------|-----------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 151 | Trần Thị Hồng Vân  | 1964       | 340537005    | Tổ 8, KP 12, An Bình        | Bán vé số dạo           | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 152 | Nguyễn Bảo Quí     | 1965       | 340878906    | Tổ 8, KP 12, An Bình        | Bán vé số dạo           | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 153 | Vũ Huy Phúc        | 20/07/1986 | 023831367    | 106, tổ 1B, KP 12, An Bình  | Lái xe công nghệ 2 bánh | Không có định                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 154 | Trương Công Vững   | 13/11/1965 | 270725511    | 85A/2, tổ 5, KP 12, An Bình | Lái xe công nghệ 2 bánh | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 155 | Nguyễn Thị Hồng    | 1956       | 271617193    | 48/10, KP 12, An Bình       | Bán vé số dạo           | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 156 | Dương Thị Kim Ngân | 18/11/1990 | 272035828    | 48/10, KP 12, An Bình       | Bán vé số dạo           | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 157 | Thạch Kim Minh     | 07/05/1982 | 092082005467 | 48, tổ 4C, KP 12, An Bình   | Bốc vắc không HDLD      | Nhà máy Xi măng Trắng Xi Kô KCN I | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 158 | Châu Kim Phụng     | 1970       | 361601019    | 48, tổ 4C, KP 12, An Bình   | Bốc vắc không HDLD      | Nhà máy Xi măng Trắng Xi Kô KCN I | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 159 | Trần Văn Hiền      | 1987       | 271735691    | 48/10, KP 12, An Bình       | Bán vé số dạo           | không có địa điểm cố định         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 160 | Lê Thành Long      | 1972       | 270970041    | 97, tổ 1, KP 12, An Bình    | Giúp việc không HDLD    | Nhóm trẻ Mai Hoa KP 12 P An Bình  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 161 | Nguyễn Văn Long    | 03/03/1994 | 174569634    | 85B, tổ 9C, KP 12, An Bình  | Phụ việc                | Nhà hàng Tokyô F232 P Thống Nhất  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 162 | Phan Thuý Linh     | 09/10/2002 | 038304008665 | 85B, tổ 9C, KP 12, An Bình  | Phụ việc                | Nhà hàng Tokyô F232 P Thống Nhất  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 163 | Phan Hào           | 05/12/2002 | 264559725    | 108, tổ 1B, KP 12, An Bình  | bốc vắc Không HDLD      | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |              |                              |                        |                              |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|--------------|------------------------------|------------------------|------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 164 | Đinh Thị Liễu        | 17/08/1960 | 270034102    | 35/5, tổ 5, KP 12, An Bình   | Phụ bán kem            | 2/6, KP 3, Tân Mai, Biên Hoà | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 165 | Nguyễn Thị Lê Na     | 16/10/1983 | 044183004795 | 103, tổ 1B, KP 12, An Bình   | Bán bánh mì dạo        | Không có định khu vực KP12   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 166 | Huỳnh Thị Bạch tuyết | 20/01/1958 | 272123606    | 3A, tổ 8C, KP 12, An Bình    | Giúp việc gia đình     | Khu vực KP12 Phường An Bình  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 167 | Nguyễn Thị Minh Thư  | 05/06/2001 | 272875910    | 89, tổ 1, KP 12, An Bình     | Bán cà phê (không tên) | 89, tổ 1, KP 12, An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 168 | Nguyễn Thị Xuân      | 25/03/1965 | 270720046    | 72B, tổ 11A, KP 12, An Bình  | Giúp việc nhà          | K9, tổ 11A, KP 12, An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 169 | Trần Vĩ Dũng         | 20/11/1975 | 271241660    | 93/5, tổ 3, KP 12, An Bình   | bốc vắc Không HDLD     | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 170 | Lê Thị Duyên         | 10/02/1974 | 272717623    | 629, KP 12, An Bình          | lượm ve chai           | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 171 | Lê Thị Mỹ Hiền       | 28/08/1961 | 270949420    | 55/3, tổ 1, KP 12, An Bình   | Giúp việc nhà          | Khu vực P Long Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 172 | Huỳnh Văn Lộc        | 27/08/1962 | 021397592    | 72B, tổ 11A, KP 12, An Bình  | bốc vắc Không HDLD     | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 173 | Lưu Thiện dũng       | 25/10/1976 | 272600802    | 149/4, KP 12, An Bình        | bốc vắc Không HDLD     | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 174 | Lê Hồ Thái Lai       | 01/08/1983 | 272026899    | 93/1, tổ 9C, KP 12, An Bình  | bốc vắc Không HDLD     | Tổ 1, KP12, An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 175 | Nguyễn Thị Hải Vân   | 06/03/1981 | 182440388    | 93/1, tổ 9C, KP 12, An Bình  | Giúp việc nhà          | KP 11, An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 176 | Trương Văn Sang      | 17/08/1988 | 271871644    | 95/25, tổ 11, KP 12, An Bình | bốc vắc Không HDLD     | Không có định                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                     |            |           |                              |                         |                                   |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-----------|------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 177 | Cao Thị Thanh Thủy  | 13/07/1967 | 270995054 | 117, tổ 1 A, KP 12, An Bình  | Bản đồ ăn sáng bún, cơm | 117, tổ 1 A, KP 12, An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 178 | Trần Thị Chuột      | 14/01/1982 | Không có  | 85B, tổ 9C, KP 12, An Bình   | Bán vé số dạo           | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 179 | Nguyễn Văn Sáng     | 26/08/1966 | 270705304 | 22/5, tổ 5, KP 12, An Bình   | Xe ôm                   | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 180 | Phạm Thị Hồng Thanh | 24/02/1961 | 270139193 | 84/1, tổ 1, KP 12, An Bình   | Bán vé số dạo           | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 181 | Hoàng Tấn Tài       | 08/05/2003 | 281425658 | 55, KP 12, An Bình           | Phục vụ Karaoke         | Karaoke Bảo Bảo Gia KP1 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 182 | Vô Thành Trung      | 1991       | 365860391 | 55, KP 12, An Bình           | Phục vụ Karaoke         | Karaoke Bảo Bảo Gia KP1 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 183 | Thân Thị Mơ         | 12/12/1991 | 122004364 | 13, tổ 1, KP 12, An Bình     | Làm tóc (không tên)     | 1A, KP 3, An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 184 | Vô Quang Tân        | 1955       | 271712714 | 44/5, tổ 5, KP 12, An Bình   | Xe ôm                   | Ngã tư Vũng Tàu                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 185 | Nguyễn Thị Út       | 05/03/1957 | 272011070 | 32/5, tổ 5, KP 12, An Bình   | Bán vé số dạo           | An Bình, Biền Hoà                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 186 | Nguyễn Thị Thêm     | 1955       | 270590371 | 22, KP 5, An Bình            | Giúp việc Không HDLD    | Nhà trẻ Mai Hoa Kp12 P an Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 187 | Phạm Thị Liễu       | 13/02/1960 | Không có  | 95/25, tổ 11, KP 12, An Bình | Bán vé số dạo           | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 188 | Trương Công Sùng    | 01/02/1958 | 270870104 | 95/25, tổ 11, KP 12, An Bình | Bán vé số dạo           | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 189 | Nguyễn Thị Thảo     | 29/09/1967 | 270772870 | 48, tổ 1B, KP 12, An Bình    | Giúp việc nhà           | Không có định P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                    |            |           |                              |                    |                                                     |            |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------------|-----------|------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 190 | Huỳnh Thị Vàng     | 01/01/1948 | 272259172 | 128, KP 12, An Bình          | Bán vé số dạo      | Không có định P An Bình                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 191 | Nguyễn Thị Vinh    | 28/03/1973 | 271104080 | 20/A4, KP 12, An Bình        | Bán cá dạo         | Không có địa điểm cố định                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 192 | Ngô Thị Kim Hoa    | 19/08/1962 | 272437650 | 37/5, KP 12, An Bình         | Giữ trẻ            | Chung cư Sơn An, 77, Đồng Khởi, Biên Hoà            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 193 | Lưu Thị Mỹ Quý     | 27/11/1986 | 341266350 | Tổ 3, KP12, An Bình          | Bán vé số dạo      | Không có định P An Bình                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 194 | Trần Thị Bích Thuý | 25/10/1962 | Không có  | 98, tổ 1B, KP12, An Bình     | Giúp việc nhà      | KP12 P An Bình                                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 195 | Nguyễn Thị Tam     | 01/12/1964 | 186313525 | 169/2, tổ 10, KP 12, An Bình | Bán vé số dạo      | Không có định P An Bình                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 196 | Trương Văn Liên    | 01/10/1963 | 186313524 | 169/2, tổ 10, KP 12, An Bình | Bán vé số dạo      | Không có định P An Bình                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 197 | Nguyễn Tấn Phong   | 02/08/1984 | 272398576 | 85B, tổ 11A, KP 12, An Bình  | Phụ giữ trẻ        | KP12 P An Bình                                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 198 | Đoàn Thị Chua      | 01/01/1985 | 276079138 | 85B, tổ 11A, KP 12, An Bình  | giữ trẻ tại nhà    | Tổ 10 KP12 P An Bình                                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 199 | Vương Thị Minh Thư | 23/02/2004 | Không có  | 57B6/18, KP 12, An Bình      | Phụ Bán cà phê     | Cửa hàng cà phê số 22, Phan Trung P Tân Mai         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 200 | Nguyễn Thị Xanh    | 19/08/1968 | 271401403 | 33, tổ 1, KP 12, An Bình     | Phụ quán ăn        | Quán gà vịt Quang Trung, tổ 15D1, K3, KP 2, Bình Đa | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 201 | Đỗ Tiến Dũng       | 03/05/2002 | 272918192 | 28, tổ 4A, KP 12, An Bình    | Phụ quán ăn        | Quán ăn gà Sugar Cake, đường 5                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 202 | Lê Đình Trường     | 14/08/1999 | 272716656 | 26/4, KP 12, An Bình         | bốc vác Không HDLD | Không có định P An Bình                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                     |            |            |                                |                       |                              |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|------------|--------------------------------|-----------------------|------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 203 | Nguyễn Công Hậu     | 05/12/2002 | 276012024  | 71B, tổ 11A,<br>KP 12, An Bình | Bán rau dạo           | Không có định<br>tại Chợ Dồi | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 204 | Vũ Văn Hải          | 29/06/1968 | 270761319  | 29B/10, KP 12,<br>An Bình      | Bán vé số dạo         | Không có địa điểm<br>cố định | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 205 | Trần Thị Hương      | 01/01/1971 | Không có   | 29B/10, KP 12,<br>An Bình      | Thu gom rác           | Không có định<br>P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 206 | Đặng Thị Phương Mai | 20/08/1954 | Không có   | Tổ 4B, KP 12,<br>An Bình       | Bán vé số dạo         | Không có định<br>P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 207 | Trương Thị Xuân     | 01/01/1962 | 380335670  | 81/1, tổ 5, KP<br>12, An Bình  | Bán vé số dạo         | Không có định<br>P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 208 | Vương Minh Phương   | 31/12/1969 | 270893948  | 57B6/18, KP<br>12, An Bình     | Bán vé số dạo         | Không có định<br>P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 209 | Tiết Hoài           | 01/01/1988 | 365690009  | 88/4C, KP 12,<br>An Bình       | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 210 | Đào Thanh Khang     | 11/04/2003 | Không có   | 88/4C, KP 12,<br>An Bình       | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 211 | Nguyễn Văn Linh     | 01/01/1979 | 351857854  | KP 12, An Bình                 | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 212 | Thạch Huỳnh         | 1977       | 365147694  | 88/4C, KP 12,<br>An Bình       | bốc vắc Không<br>HDLD | An Bình, Biên Hoà            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 213 | Trần Văn Tùng       | 01/01/1972 | 3508503003 | 88/4C, KP 12,<br>An Bình       | Bán vé số dạo         | Không có định<br>P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 214 | Huỳnh Văn Tâm       | 20/11/1988 | 352125984  | KP 12, An Bình                 | bốc vắc Không<br>HDLD | An Bình, Biên Hoà            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 215 | Lê Văn Số           | 10/10/1977 | 351195659  | KP 12, An Bình                 | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |           |                                |                       |                                       |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|-----------|--------------------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 216 | Trần Văn Hồng         | 01/01/1982 | 381133981 | 141/45B, tổ 10, KP 12, An Bình | bốc vắc Không HDLD    | Không cố định P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 217 | Phạm Tấn Dũng         | 19/10/1969 | Không có  | 40C/5, KP 12, An Bình          | Phụ việc không HDLD   | KS Đồng Khởi KP12 P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 218 | Phạm Phương Duyên     | 07/11/1999 | 272735374 | 40C/5, KP 12, An Bình          | Bán vé số dạo         | Không cố định P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 219 | Lê Thị Chiêu          | 10/12/1937 | 272419450 | 286/6, tổ 4, KP 12, An Bình    | Bán vé số dạo         | Không cố định P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 220 | Phạm Văn Năm          | 03/10/1974 | 271241803 | 286/6, tổ 4, KP 12, An Bình    | Xe ôm                 | Không cố định P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 221 | Phạm Tuấn Sỹ          | 19/11/1972 | 271104067 | 40B/5, tổ 4, KP 12, An Bình    | Xe ôm                 | Không cố định P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 222 | Nguyễn Thị Ngọc Thảo  | 15/08/1981 | 272205096 | Tổ 4, KP 12, An Bình           | Phụ việc              | Cơ sở nhóm trẻ An Bình KP12 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 223 | Phạm Tấn Hùng         | 24/01/1965 | 270746687 | Tổ 4, KP 12, An Bình           | Xe ôm                 | Không cố định P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 224 | Nguyễn Thị Khanh      | 05/11/2001 | 272831774 | 56/9, tổ 9, KP 12, An Bình     | Phụ quán cơm          | Tổ 9 Kp 12 P An Bình                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 225 | Nguyễn Văn Danh       | 10/06/1964 | 270034499 | 61A/11, tổ 1B, Kp 12, An Bình  | Bán vé số dạo         | Không cố định P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 226 | Nguyễn Thị Kiều Duyên | 05/11/1984 | 271645841 | 116E tổ 10, KP 12,             | Nhân viên cty du lịch | công ty Nụ Cười việt KP7 P Tân Tiến   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 227 | Danh Cu               | 1986       | 371097114 | 88/4C, KP 12,                  | bốc vắc Không HDLD    | Không cố định P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 228 | Nguyễn Trung Tín      | 16/11/1985 |           | 1/25, tổ 11, KP 12,            | Giữ xe                | Giữ xe nhà hàng Cát Tường P Tam Hiệp  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                      |            |           |                                  |                                      |                                     |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|-----------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 229 | Nguyễn Đức Hạnh      | 19/05/1969 | 272387714 | 149/10 KP 12,                    | Bán vé số dạo                        | Không có định<br>Phường An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 230 | Nguyễn Văn Phúc      | 01/02/1991 | 272207154 | 22/5 KP 12,                      | Vận chuyển<br>hàng hóa xe 02<br>bánh | Lưu động                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 231 | Nguyễn Văn Thái      | 1980       | 381038647 | 104 tổ 1B KP<br>12,              | Vận chuyển<br>hàng hóa xe 02<br>bánh | Lưu động                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 232 | Lê Văn Xanh          | 1997       | 272630337 | 104 tổ 1B KP<br>12,              | bốc vác Không<br>HDLD                | Không có định                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 233 | Nguyễn Lê Sơn        | 09/05/2004 | 382027525 | 104 tổ 1B KP<br>12,              | Vận chuyển<br>hàng hóa xe 02<br>bánh | Lưu động                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 234 | Lê Văn Thắm          | 20/03/1996 | 272440506 | 104 tổ 1B KP<br>12,              | bốc vác Không<br>HDLD                | Không có định                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 235 | Bùi Văn Linh         | 1987       | 363510301 | 55/3 tổ 1B KP<br>12,             | bốc vác Không<br>HDLD                | Không có định                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 236 | Dương Thuý Loan      | 24/09/1983 | 271545208 | 66/3E, tổ 9, KP<br>12, An Bình   | Bán vé số dạo                        | Không có định<br>P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 237 | Lê Thị Minh Nhỏ      | 28/10/1957 | 270112159 | 15, tổ 1B, KP<br>12, An Bình     | Phụ bán cần tin                      | Trưởng THPT Lê<br>Quý Dôn P Tân Mai | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 238 | Lê Bá Thắng          | 19/04/1984 | 272889336 | 72/6, tổ 11 A,<br>KP 12, An bình | Phụ xe tải                           | Không có định                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 239 | Lê Thị Định          | 04/01/1959 | 270048585 | 85, tổ 11, KP<br>12, An Bình     | Giúp việc gia<br>đình                | E4 tổ 11B KP12<br>P an Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 240 | Nguyễn Thị Mỹ        | 03/09/1955 | 271097882 | 92, tổ 11, KP<br>12, An Bình     | Bán xôi dạo                          | Trong Khu công<br>nghiệp BH-1,2     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 241 | Lê Thân Thuý Mỹ Hạnh | 02/10/1975 | 201245205 | 113, tổ 1B,<br>KP12, An Bình     | Giúp việc gia<br>đình                | 199/38 xóm 1 P<br>Tam Hiệp          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |             |                               |                                |                              |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|-------------|-------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 242 | Lê Thị Út            | 01/01/1968 | 320936117   | 111/13, tổ 1, KP 12, An Bình  | phụ quán cơm                   | Quán Thu Thảo KP12 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 243 | Nguyễn Ngọc Loan     | 29/12/1983 | 363892280   | 111/13, tổ 1A, KP 12, An Bình | Bán vé số dạo                  | Không cổ định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 244 | Trần Thị Lệ Hằng     | 08/01/1977 | 92177000081 | 36C, tổ 10, KP 12, An Bình    | Bán vé số dạo                  | Không cổ định tại P An Bình  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 245 | Nguyễn Minh Trường   | 08/11/1976 | 92076002299 | 36C, tổ 10, KP 12, An Bình    | Bán vé số dạo                  | Không cổ định tại P An Bình  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 246 | Ngô Thị Ngọc Anh     | 29/11/1978 | 023604109   | 92, tổ 1B, KP 12, An Bình     | Giúp việc gia đình             | không cổ định                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 247 | Lê Văn Tươi          | 09/09/1995 | 272630335   | Tổ 1B, KP 12, An Bình         | Bán vé số dạo                  | Không cổ định                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 248 | Lê Hùng              | 15/07/1974 | 197055164   | tổ 4C, KP 12, An Bình         | bốc vác Không HDLD             | Không cổ định                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 249 | Nguyễn Quang Long    | 01/01/1968 | 201046139   | 113, tổ 1B, KP12, An Bình     | Vận chuyển hàng hóa xe 02 bánh | Không cổ định                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 250 | Ngô Văn Hùng         | 18-04-57   | 270645156   | 1/7B- tổ 1- KP8               | Lái xe ôm                      | Ngã tư Vũng Tàu              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 251 | Nguyễn Thị Hồng Liêm | 18/06/1976 | 271290554   | 1/6B- tổ 1- KP8               | Phụ quán bún bò                | Kp8 PAn Bình (không tên)     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 252 | Nguyễn Thanh Nhân    | 05/12/1967 | 270746993   | 1/6, tổ 1- KP8                | Lái xe ôm                      | Ngã tư Vũng Tàu              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 253 | Nguyễn Thị Nguyệt    | 23/07/1958 | 270160525   | 1/7B, tổ 1- KP8               | Bán nước dạo                   | Không cổ định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 254 | Ngô Anh Quốc         | 12/06/1993 | 272247384   | 1/7B, tổ 1- KP8               | Lái xe ôm                      | Ngã tư Vũng Tàu              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                       |            |            |                    |                      |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|------------|--------------------|----------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 255 | Nguyễn Hoàng Dân Sinh | 16/02/1976 | 271241906  | 1/7, tổ 1 - KP8    | Lái xe ôm            | Ngã tư Vũng Tàu                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 256 | Nguyễn Thị Hương      | 20/10/1978 | 271290407  | A11/52, tổ 1 - KP8 | Làm móng (không tên) | A11/52, tổ 1 - KP8              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 257 | Nguyễn Thị Thúy Liễu  | 08/07/1981 | 271416328  | 1/8B, tổ 1 - KP8   | Làm móng (không tên) | 1/8B, tổ 1 - KP8                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 258 | Vân Thị Thi           | 27/06/1986 | 271916950  | 1/29, tổ 1 - KP8   | Làm tóc (không tên)  | 1/29, tổ 1 - KP8                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 259 | Nguyễn Văn Thành      | 1983       | 341136301  | 74B, tổ 1 - KP8    | Bán cơm tại nhà      | 74B, tổ 1 - KP8                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 260 | Trương Anh Hùng       | 07/02/1985 | 271789055  | 1/5, tổ 1 - KP8    | Xe ôm                | Không cố định P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 261 | Nguyễn Thị Bông       | 24/02/1955 | 2700417232 | 1/5, tổ 1 - KP8    | Bán bánh mì dạo      | Không cố định P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 262 | Phạm Công Trí         | 22/06/1993 | 272247211  | 73, tổ 1 - KP8     | Lái xe ôm            | Không cố định P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 263 | Nguyễn Thị Thu Thủy   | 1976       | 271290528  | Lô 33, tổ 1A - KP8 | Phụ quán cơm         | Quán Bờ Sông KP 8               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 264 | Trần Thị Diễm         | 13/09/1987 | 271914219  | Lô 10, tổ 1A - KP8 | Cắt, uốn tóc         | Salon Thảo Trần Phường Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 265 | Đặng Lê Mỹ            | 07/07/1971 |            | Tổ 1A - KP8        | Phụ quán bún bò      | KP 8 P An Bình                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 266 | Phạm Ngọc Hậu         | 11/12/1971 | 272339720  | Tổ 1A - KP8        | Lái xe ôm            | Không cố định P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 267 | Nguyễn Văn Dũng       | 03/06/1989 | 272049353  | Lô 28, tổ 1A - KP8 | Lái xe ôm            | Không cố định P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |            |                     |                       |                                          |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|------------|---------------------|-----------------------|------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 268 | Vũ Đình Lượm         | 10/04/1953 | 270046234  | Tổ 1A- KP8          | Lái xe ôm             | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 269 | Nguyễn Thị Hồng Sang | 02/03/1993 | 365916336  | Tổ 1A- KP8          | Phụ quán lẩu<br>Hồng  | Lô 1 KP 8<br>P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 270 | Huỳnh Thị Oanh Em    | 15/07/1983 | 385119302  | Tổ 1A- KP8          | Phụ quán lẩu<br>Hồng  | Lô 1 KP 8<br>P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 271 | Vô Văn Tạo           | 05/05/1955 | 270029626  | 2/26-Tổ 2- Kp 8     | Lái xe ôm             | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 272 | Vô Minh Tân          | 28/04/1986 | 271812513  | 2/26-Tổ 2- Kp 8     | Lái xe ôm             | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 273 | Đặng Xuân Vinh       | 18/08/1955 | 270629629  | 1/47-Tổ 2- Kp 8     | Lái xe ôm             | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 274 | Bùi Thị Ngọc         | 1973       |            | 1/71-Tổ 2- Kp 8     | Bán vé số dạo         | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 275 | Nguyễn Văn An        | 1970       | 272311281  | 1/45B-Tổ 2- Kp<br>8 | Phụ quán ăn           | Lẩu dê Sáu Rếp,<br>1/45<br>Kp8 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 276 | Vũ Thị Kim Phượng    | 07/01/1976 | 271266491  | 1/44-Tổ 2- Kp 8     | Giúp việc<br>gia đình | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 277 | Sơn Thị Dương        | 1986       | 3657433306 | Tổ 2- Kp 8          | Phụ quán ăn           | Hủ tiếu Thùy Tú<br>KP8 P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 278 | Trần Thị Vương       | 20/04/1978 | 272359893  | 1/53D-Tổ 2- Kp<br>8 | Giúp việc<br>gia đình | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 279 | Nguyễn Thị Thanh     | 03/05/1963 | 270029604  | 1/50-Tổ 2- Kp 8     | Giữ trẻ tại nhà       | 1/50-Tổ 2- Kp 8                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 280 | Nguyễn Đắc Hòa       | 1977       |            | 2/62-Tổ 3- Kp 8     | Lái xe ôm             | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                      |            |           |                      |                          |                                              |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|-----------|----------------------|--------------------------|----------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 281 | Lưu Thị Hiền         | 12/11/1951 | 270046301 | 1/72-Tổ 3- Kp 8      | Bán vé số dạo            | Không có định<br>P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 282 | Vô Văn Bình          | 21/06/1957 | 021073729 | 1/25 - Tổ 3- Kp 8    | Lái xe ôm                | khư vực<br>chợ An Hảo                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 283 | Nguyễn Thị Loan      | 10/11/1977 |           | Tổ 3- Kp 8           | Bán vé số dạo            | Không có định<br>P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 284 | Phạm Thanh Long      | 1968       | 270891320 | 2/53B- KP8           | Xe ôm                    | Không có định<br>P Long Bình Tân             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 285 | Huỳnh Thị Thanh Mai  | 30/3/1993  | 272229772 | 1/71A-Tổ 5B-<br>Kp 8 | Tiệm tóc                 | Tiệm Tươi Tấn<br>712, Tổ 1 Kp4, P<br>An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 286 | Lê Văn Năng          | 1/1/1971   | 271001792 | 2/20- Kp 8           | Bốc vắc<br>không HDLED   | Cty Ajimoto<br>KP8 P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 287 | Huỳnh Thị Kim Ngân   | 1/1/1989   | 276119406 | 2/46B- KP 8          | Đẩy xe nước<br>giải khát | Không có định<br>P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 288 | Vô Thị Thu Sương     | 29/10/1977 | 271414046 | 2/28B- KP 8          | Phụ bán bún bò<br>Cô Mai | KP8 P An Bình                                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 289 | Phạm Thị Mai         | 21/7/1964  | 270029499 | 2/78 A- Kp8          | Phụ bán bún bò<br>Cô Mai | KP8 P An Bình                                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 290 | Phạm Thị Ngọc Dung   | 30/3/1970  | 270891724 | 2/28B- KP 8          | Phụ việc quán<br>cơm     | (Không tên)<br>KP8 P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 291 | Nguyễn Ngọc Bông     | 06/09/1964 | 270891246 | 2/92B- KP 8          | Giúp việc gia<br>đình    | Tổ 1 KP Long Điền<br>P Long Bình Tân         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 292 | Huỳnh Thị Phương Lan | 30/07/1962 | 270032606 | 2/4-4- KP8           | Giúp việc gia<br>đình    | 90/9B tổ 15 KP2<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 293 | Sơn Quỳn             | 1/1/1991   | 365850268 | 5 B- Kp8             | bốc vắc Không<br>HDLED   | Không có định<br>P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |            |              |                |                       |                                         |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|--------------|----------------|-----------------------|-----------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 294 | Bùi Tà Quốc Thái    | 08/9/2004  | 075204001519 | Tổ 1A- KP8     | Phụ tiệm Billiards    | Biliards Anh Vũ<br>Kp1, P An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 295 | Nguyễn Thị Lãnh     | 01/12/1957 | 270538760    | Tổ 1A- KP8     | Giúp việc gia<br>đình | Lê Hồng Hải<br>Phường Tân Vạn           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 296 | Lưu Hồng Quang      | 10/11/1971 | 365985481    | 2/14- T6- Kp 8 | bốc vắc Không<br>HDLD | Không cố định<br>Huyện Long Thành       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 297 | Nguyễn Thị Ngọc Thu | 29/09/1959 | 270029737    | 2/18- Kp8      | Phụ căn tin           | Sân banh Biên Hoà<br>79 P Quang Vinh    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 298 | Dương Chí Lâm       | 30/11/1975 | 371431960    | Kp8            | Chạy xe ôm            | Không cố định<br>P An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 299 | Lê Văn Tâm          | 01/01/1950 | 270029678    | T5- Kp8        | bán chuối dạo         | Không cố định<br>P An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 300 | Nguyễn Quốc Trường  | 30/08/1990 | 272239169    | 2R/17- Kp8     | bốc vắc Không<br>HDLD | Không cố định<br>P An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 301 | Đinh Thị Xinh       | 01/01/1948 |              | 8/59- T5- Kp8  | Bán cháo              | Tổ 5 KP8, P An<br>Bình                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 302 | Phạm Thị Nu         | 01/01/1985 | 272222805    | 87/65- T5- Kp8 | Phụ quán cà phê       | Cà phê Út nữ Kp10<br>P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 303 | Nguyễn Văn Tài      | 01/01/1968 | 331553073    | T4-Kp 8        | Bốc vắc<br>không HDLD | Nhà thầu Minh<br>Phường Đạt tổ 4<br>KP8 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 304 | Phan Văn Nhanh      | 01/01/1961 | 310104368    | T4-Kp 8        | Bốc vắc<br>không HDLD | Nhà thầu Hải Hùng<br>tổ 4 KP8           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 305 | Lê Văn Hùng         | 1971       | 270970286    | 1/86- Kp8      | bốc vắc Không<br>HDLD | Kho Long Bình                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 306 | Phùng Mỹ An         | 01/01/1974 | 311527756    | Kp8            | Bán vé số dạo         | Không cố định<br>P An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                     |            |           |                      |                            |                                |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-----------|----------------------|----------------------------|--------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 307 | Trình Thị Minh Hằng | 20/10/1971 | 285836492 | 2/126-T6- KP 8       | Bản Hủ tiếu<br>(không tên) | lô 6 KP8 P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 308 | Nguyễn Thanh Nhom   | 16/03/1967 | 270752055 | 2/5B-T6- KP 8        | Cải Túc                    | 2/5B-T6- KP 8                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 309 | Lê Phát Trung       | 08/02/1963 | 270029708 | 2/16-T6- KP 8        | Chạy Xe ôm                 | Bến xe Vũng Tàu                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 310 | Trần Văn Tánh       | 15-12-63   | 321411341 | 2/2A-T6- KP 8        | Chạy Xe ôm                 | Không có định<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 311 | Lư Thị Nhung        | 01/01/1946 | 270029495 | 268/35-T6- KP<br>8   | Bán bánh mì dạo            | Không có định<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 312 | Lê Thị Đình Nguyệt  | 06/09/1977 | 271241993 | 2/11-T6- KP 8        | Giúp việc gia<br>đình      | Khu vực KP8<br>Phường An Bình  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 313 | Đào Mạnh Hùng       | 06/12/2001 | 272885482 | 2/67-T6- KP8         | Phụ quán nhậu              | Tổ 6 KP8, P An<br>Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 314 | Đỗ Thị Dậu          | 29/06/1957 | 270041333 | Kp8                  | Bán gói cuốn               | Không có định<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 315 | Lê Thị Kim Tuyết    | 12/05/1981 |           | B35 - Tổ 3- KP<br>8  | Phụ quán cơm               | Quán Bểng Mập<br>KP8 p An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 316 | Nguyễn Thị Thảo     | 12/3/1971  | 272866783 | 5 B- Kp8             | Bán nước<br>giải khát      | Ngã Tư vũng tàu                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 317 | Nguyễn Thị Bích Hoa | 1955       | 270045404 | 2/34- Tổ 5 B-<br>Kp8 | Bán nước<br>giải khát      | Không có định<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 318 | Nguyễn Thiên Kim    | 29/12/1961 | 270029418 | T5- Kp8              | Bán xôi, chè               | Không có định<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 319 | Nguyễn Thị Ngọc Huy | 01/01/1966 | 270705332 | 2/2A-T6- KP 8        | Bán cơm<br>(không tên)     | 2/2A-T6- KP 8                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                   |            |           |                    |                                    |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|-------------------|------------|-----------|--------------------|------------------------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 320 | Ngô Thị Bích Hồng | 01/01/1971 | 270891459 | 268/35-T6- KP<br>8 | bán hũ tiêu                        | Không cố định<br>Chợ an Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 321 | Nguyễn Thị Thảo   | 27/10/1988 | 271919550 | 122A- tồ4- Kp8     | Giúp việc gia<br>đình              | Khu vực KP8<br>Phường An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 322 | Ngô Thị Bích Ngọc | 30/05/1963 | 270029476 | 268/35-T6- KP<br>8 | Bán cháo lòng                      | Không cố định<br>Chợ an Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 323 | Nguyễn Ngọc Nghĩa | 01/01/1970 | 330840180 | 2B/89-T5- Kp8      | bốc vác Không<br>HDLD              | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 324 | Nguyễn Văn Bình   | 03/09/1971 | 270963987 | 2/37B- KP8         | Chạy xe ôm                         | Không trong<br>quy định         |            |   | 1.500.000 |  |  |
| 325 | Trần Văn Minh     | 1957       | 365041222 | Tổ 10A KP1         | Bốc vác<br>không HDLD              | Cty Cầm con cò<br>KP2 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 326 | Bùi Văn Nghĩa     | 1959       | 021421255 | Tổ 10A KP1         | bốc vác Không<br>HDLD              | Bãi cát KP1<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 327 | Phan Văn Huệ      | 1972       | 271385230 | Tổ 10A KP1         | Xe ôm                              | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 328 | Mai Thị Thủy Linh | 1975       | 271241746 | Tổ 10A KP1         | làm nail                           | Tổ 10 A KP1<br>P AN Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 329 | Ngô Quốc Phong    | 1979       | 271364085 | Tổ 10A KP1         | Xe ôm                              | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 330 | Trương Văn Nhiên  | 1962       | 270032541 | Tổ 10A KP1         | Bốc vác<br>không HDLD              | Cty Cầm con cò<br>KP2 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 331 | Lê Thị Thu Sương  | 1973       | 271128769 | Tổ 10A KP1         | Giúp việc<br>massage<br>Không HDLD | Cơ sở massage An<br>Bình KP1    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 332 | Ngô Thị Yến       | 1965       | 270747033 | Tổ 10A KP1         | Giúp việc nhà                      | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                      |      |            |            |                               |                                     |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------|------------|------------|-------------------------------|-------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 333 | Trần Anh Tuấn        | 2002 | 272799771  | Tổ 10A KP1 | Phụ quán ăn                   | Cháo lòng bò sông KP1 P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 334 | Trần Thị Tuyết Nhung | 1970 | 272309170  | Tổ 10A KP1 | Nấu ăn không HDLD             | Cty CP Hòa Việt KP8 P Long Bình Tân | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 335 | Hoàng Thị Do         | 1961 |            | Tổ 10A KP1 | Giúp việc không có HDLD       | Cty tư nhân Đại Bảo Đan P Tân Mai   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 336 | Trương Vũ Ngọc Linh  | 1986 | 271789178  | Tổ 1 KP1   | Làm nail dạo                  | Không cố định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 337 | Vũ Việt Mẫu          | 1972 | 271103667  | Tổ 1 KP1   | Xe ôm                         | Không cố định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 338 | Nguyễn Thị Hà        | 1971 | 272098852  | Tổ 1 KP1   | Phụ quán bán mứt              | c38, P Bình Đa (không tên)          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 339 | Trần Mạnh Hùng       | 1955 | 270676745  | Tổ 1 KP1   | Bán vé số dạo                 | Không cố định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 340 | Trần Hoàng Cường     | 1992 | 272156821  | Tổ 1 KP1   | Vận chuyển hàng hóa xe 2 bánh | Không cố định                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 341 | Trần Hoàng Huy       | 1990 | 272156772  | Tổ 1 KP1   | Bán xúc xích, cá viên         | 174/2 KP1 P An Bình tại nhà         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 342 | Bùi Thị Ngân         | 1964 | 1629956357 | Tổ 1 KP1   | Bán rau dạo                   | Không cố định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 343 | Tô Hoàng Sinh        | 1965 | 272169275  | Tổ 2 KP1   | Xe ôm                         | Không cố định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 344 | Nguyễn Thị Hiền      | 1964 | 270031713  | Tổ 2 KP1   | Giúp việc nhà                 | Không cố định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 345 | Sù A Sầu             | 1968 | 271142571  | Tổ 2 KP1   | bốc vác Không HDLD            | Không cố định P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |      |           |          |                      |                                  |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------|-----------|----------|----------------------|----------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 346 | Trương Hoài Tĩnh    | 1990 | 221280865 | Tổ 2 KP1 | bốc vắc Không HDLD   | Không cổ định P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 347 | Vũ Dương Long       | 1986 | 271747339 | Tổ 2 KP1 | bốc vắc Không HDLD   | Không cổ định P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 348 | Dương Thị Thủy      | 1959 | 276041855 | Tổ 2 KP1 | Phụ quán bún mọc, bò | Quán bún Phương Vy KP1 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 349 | Nguyễn Thị Bích Yến | 1960 | 272463038 | Tổ 2 KP1 | Phụ quán bún mọc, bò | Quán bún Phương Vy KP1 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 350 | Trần Hữu Thành      | 1959 | 270705199 | Tổ 2 KP1 | Bán vé số dạo        | Không cổ định P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 351 | Nhiêng Ngọc Châu    | 1992 | 272329812 | Tổ 2 KP1 | Bán nước dạo         | Không cổ định P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 352 | Phạm Ngọc Tĩnh      | 1966 | 161891161 | Tổ 2 KP1 | Xe ôm                | Không cổ định P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 353 | Hồ Thị Kim Chi      | 1972 | 271336221 | Tổ 2 KP1 | bán chả giò          | 164/5D tổ 1 KP1                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 354 | Mã Cao Cường        | 1989 | 271898794 | Tổ 2 KP1 | Xe ôm                | Không cổ định P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 355 | Nguyễn Văn Áo       | 1970 | 270891990 | Tổ 2 KP1 | bốc vắc Không HDLD   | Không cổ định P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 356 | Hồ A Ứng            | 1961 | 270031953 | Tổ 2 KP1 | Bán vé số dạo        | Không cổ định P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 357 | Nguyễn Thị Tĩnh     | 1952 | 270122432 | Tổ 2 KP1 | Bán vé số dạo        | Không cổ định P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 358 | Đặng Văn Sơn        | 1957 | 270684207 | Tổ 7 KP1 | Bán vé số dạo        | Không cổ định P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                    |      |              |          |                       |                            |            |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------|--------------|----------|-----------------------|----------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 359 | Đặng Thị Đan Khánh | 1986 | 271862353    | Tổ 7 KP1 | Bán vé số dạo         | Không có định<br>P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 360 | Bùi Thị Thanh Thủy | 1953 | 270048484    | Tổ 7 KP1 | Bán bún riêu          | 123/1A Tổ 7 KP1            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 361 | Lâm Mỹ Hoa         | 1941 | 270038220    | Tổ 7 KP1 | Bán bánh đúc          | 124/2 tổ 7 KP1             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 362 | Lâm Văn Cường      | 1965 | 270705348    | Tổ 7 KP1 | bốc vắc Không<br>HDLE | Không có định<br>P Hồ Nai  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 363 | Bùi Đức Hạnh       | 1977 | 271416251    | Tổ 7 KP1 | bốc vắc Không<br>HDLE | Không có định<br>P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 364 | Hồ Thị Hạnh        | 1958 | 270705341    | Tổ 8 KP1 | Giúp việc nhà         | KDC KP1<br>P An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 365 | Đinh Thị Ngươn     | 1963 | 075061000639 | Tổ 8 KP1 | Giúp việc nhà         | Kp2 P Tam Hòa              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 366 | Nguyễn Thị Thảo    | 1962 | 270048493    | Tổ 8 KP1 | Bán vé số dạo         | Không có định<br>P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 367 | Nguyễn Văn Hải     | 1966 | 272326659    | Tổ 8 KP1 | chạy xe ba gác        | Ngã tư Vũng tàu            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 368 | Trần Văn Hai       | 1961 | 270750246    | Tổ 8 KP1 | Xe ôm                 | Không có định<br>P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 369 | Đinh Thị Mến       | 1959 | 270771364    | Tổ 8 KP1 | Xe ôm                 | Không có định<br>P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 370 | Lê Hoàng My        | 1993 | 272269971    | Tổ 8 KP1 | Làm tóc               | 118/2 KP1<br>P. An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 371 | Lý Thị Sen         | 1966 | 271711143    | Tổ 8 KP1 | Bán bún mực           | KP1 P An bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |      |            |           |                       |                                   |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------|------------|-----------|-----------------------|-----------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 372 | Nguyễn Thị Kim Loan   | 1969 | 271416241  | Tổ 10 KP1 | Giúp việc nhà         | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 373 | Nguyễn Văn Hùng       | 1964 | 270370312  | Tổ 10 KP1 | Xe ôm                 | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 374 | Nguyễn Thị Ngọc Oanh  | 1972 | 331059084  | Tổ 10 KP1 | Giúp việc nhà         | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 375 | Sơn Hào               | 1972 | 3310559084 | Tổ 10 KP1 | bốc vác Không<br>HDLD | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 376 | Nguyễn Xuân Bình      | 1984 | 280814240  | Tổ 10 KP1 | bốc vác Không<br>HDLD | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 377 | Nguyễn Văn Thành      | 1983 | 272463326  | Tổ 10 KP1 | Xe ôm                 | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 378 | Nguyễn Hồng Tuyết Anh | 1978 | 271303162  | Tổ 10 KP1 | Làm tóc               | 103/3 Kp1 P An<br>Bình            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 379 | Nguyễn Văn Ảnh        | 1958 | 270038120  | Tổ 11 KP1 | Xe ôm                 | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 380 | Nguyễn Anh Quốc       | 1976 | 271160741  | Tổ 11 KP1 | Xe ôm                 | Cây xăng Suối<br>Linh P Long Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 381 | Trần Văn Đức          | 1964 | 270038367  | Tổ 11 KP1 | Xe ôm                 | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 382 | Trần Hồng Phúc        | 1988 | 272040933  | Tổ 11 KP1 | Xe ôm                 | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 383 | Trần Minh Dương       | 1993 | 270568899  | Tổ 11 KP1 | Xe ôm                 | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 384 | Lê Thị Hồng           | 1950 | 210226300  | Tổ 11 KP1 | Bán vé số dạo         | Không cố định<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                    |      |           |          |                          |                              |            |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------|-----------|----------|--------------------------|------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 385 | Hoàng Văn Lập      | 1976 | 271241674 | Tổ 3 KP1 | bốc vắc Không HDLED      | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 386 | Dăng Thị Kiều Oanh | 1965 | 271611433 | Tổ 3 KP1 | Giúp việc nhà            | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 387 | Dương Thất Múi     | 1965 | 271062475 | Tổ 3 KP1 | Nấu ăn không có HDLED    | MN Khởi Nguyên KP2 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 388 | Phan Văn Cảnh      | 1958 | 270038175 | Tổ 3 KP1 | Bán vé số dạo            | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 389 | Lý Anh Dũng        | 1968 | 270746943 | Tổ 3 KP1 | Lái xe công nghệ 02 bánh | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 390 | Hỷ A Pát           | 1966 | 270746980 | Tổ 3 KP1 | bốc vắc Không HDLED      | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 391 | Hồng Thị Mậu       | 1968 | 270740900 | Tổ 3 KP1 | Bán nước giải khát       | 157/2 Kp1 P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 392 | Lý Thị Diễm        | 1955 | 270031870 | Tổ 3 KP1 | Bán cà phê               | 157/1 Kp1 P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 393 | Hồng Cẩm Lân       | 1980 | 271358989 | Tổ 3 KP1 | Bán cà phê               | 157/1 Kp1 P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 394 | Quách Thị Hiều     | 1965 | 173334205 | Tổ 3 KP1 | Bán vé số dạo            | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 395 | Nguyễn Quốc Anh    | 1966 | 270681102 | Tổ 3 KP1 | bốc vắc Không HDLED      | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 396 | Lê Thị Cúc         | 1956 | 220228856 | Tổ 3 KP1 | Bán vé số dạo            | Không có định P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 397 | Bùi Thanh Tâm      | 1991 | 272087273 | Tổ 3 KP1 | bốc vắc Không HDLED      | Không có định P Phước Tân    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                   |      |              |                 |                            |                                                |            |   |           |  |  |
|-----|-------------------|------|--------------|-----------------|----------------------------|------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 398 | Hồng Mộc Kiu      | 1976 | 271432870    | Tổ 3 KP1        | Bán bún riêu               | Tại nhà 160/1 tổ 3 KP1, P An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 399 | Nguyễn Đức Thắng  | 1964 | 270692081    | Tổ 3 KP1        | Xe ôm                      | Không cố định P An Bình                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 400 | Phạm Thị Hồng Mến | 1965 | 271021995    | Chung cư C4 KP1 | Rửa chén                   | Nhà hàng Cát Tường P Tam Hiệp                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 401 | Châu Lệ Quân      | 1982 | 271545388    | Chung cư C4 KP1 | Giúp việc nhà              | Không cố định P An Bình                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 402 | Võ Văn Hai        | 1967 | 270746997    | 94/1 tổ 10A KP1 | bốc vác Không HDLD         | Không cố định P An Bình                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 403 | Tạ Đặng Dương     | 1995 | 001095004605 | Chung cư C3 KP1 | Phụ tiệm tóc               | Thế giới Tóc, 288 Phạm Văn Thuận, P Thống Nhất | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 404 | Hồ Thị Hương      | 1968 | 290391921    | Chung cư C6 KP1 | Giúp việc nhà              | Không cố định                                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 405 | Nguyễn Thị Lan    | 1965 | 190929627    | Chung cư D2 KP1 | Phụ quán bún cá rô đồng    | KP4 P Bình Đa                                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 406 | Hà Thị Thắm       | 1987 | 271812115    | Tổ 8 KP1        | Làm tóc                    | 108/5 KP1 P An Bình                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 407 | Nguyễn Thị Dung   | 1971 | 270891975    | Tổ 11 KP1       | Giúp việc nhà              | 138 tổ 51 KP4, P Bình Đa                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 408 | Dương Minh Tấn    | 1993 | 272247295    | Tổ 9 KP1        | Làm tóc                    | Tổ 9 KP1 P An Bình                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 409 | Phạm Công Luận    | 1991 | 272270598    | Tổ 9 KP1        | Nhân viên phòng chiếu phim | Rạp CGV Biên Hoà                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 410 | Phạm Đức Lộc      | 1985 | 271789064    | Tổ 9 KP1        | Nhân viên phòng chiếu phim | Rạp CGV Biên Hoà                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                      |      |              |                  |                              |                           |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------|--------------|------------------|------------------------------|---------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 411 | Phạm Thị Thanh Hằng  | 1978 | 272546393    | Tổ 9 KP1         | Làm nail                     | 110/1 KP1, P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 412 | Lê Thị Hồng Tâm      | 1972 | 270973358    | Tổ 9 KP1         | Làm tóc Hồng Tâm             | 108/5 KP1 P An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 413 | Trương Thị Yến Trang | 1975 | 271241594    | Tổ 9 KP1         | Phụ nấu ăn                   | Dịch vụ nấu ăn Thanh Thủy | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 414 | Trần Thị Thắm        | 1958 | 270038249    | Tổ 9 KP1         | Bán vé số dạo                | Không cố định P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 415 | Hồ Văn Hai           | 1997 | 352316693    | Tổ 10A KP1       | bóc vắc Không HDLD           | Không cố định P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 416 | Mai Thị Tư           | 1952 | 270038286    | Tổ 8 KP1         | bán rau dạo                  | khv vực Chợ Tam Hòa       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 417 | Đinh Thị Khả         | 1957 | 270241718    | Tổ 6 KP1         | Bán rau dạo                  | Không cố định P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 418 | Thái Thị Hằng        | 1977 | 272498634    | Chung cư A1 KP1  | bán phở bò                   | phủ Hàng 16A2 KP1         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 419 | Trần Lê Vy Giang     | 1990 | 056190000783 | Chung cư A5 KP1  | Làm nail                     | 27A5 KP1 P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 420 | Danh Huy Hùng        | 1979 | 271356165    | Chung cư A5 KP1  | Bán bánh mỳ dạo              | Khu vực chợ An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 421 | Lương Thị Hằng       | 1980 | 221007472    | Chung cư A9 KP1  | bán nước giải khát không tên | 29A8 KP1 P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 422 | Võ Thị Hồng Thủy     | 1975 | 371480137    | Chung cư A10 KP1 | Giúp việc Massage            | Massage An Bình KP1       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 423 | Huỳnh Thị Thùy Trang | 1987 | 272849852    | Chung cư A10 KP1 | Làm tóc                      | 39A10 KP1 P An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |      |            |                      |                            |                                       |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------|------------|----------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 424 | Mai Văn Viễn        | 1952 | 272436533  | Chung cư A10<br>KPI  | Bảo vệ Massage             | Massage An Bình<br>KPI                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 425 | Nguyễn Thị Gia Lâm  | 1974 | 264002630  | Chung cư A11<br>KPI  | Phụ quán<br>ăn bún, cơm    | 39A11 KPI<br>P An Bình                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 426 | Võ Thị Thắm Em      | 1976 | 3655142206 | Tổ 10A KPI           | Bán vé số dạo              | Không cố định<br>P An Bình            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 427 | Đinh Văn Huyền      | 1971 | 270881184  | 141/1G Tổ 6<br>KPI   | Giữ xe                     | Quán cà phê Vợt<br>KPI P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 428 | Đinh Phương Nam     | 2000 | 272921818  | 402/2/41 Tổ 6<br>KPI | Giữ xe                     | Quán cà phê Vợt<br>KPI P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 429 | Phạm Thị Thủy Hằng  | 1998 | 272738547  | 141/1F Tổ 6<br>KPI   | Phụ quán                   | Quán cà phê Vợt<br>KPI P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 430 | Phạm Thị Cúc        | 1974 | 271401806  | Tổ 6 KPI             | Bán trà sữa                | Trà sữa Bà Ủ<br>P. Tân Mai            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 431 | Bùi Thị Thu Sương   | 1982 | 271518726  | Tổ 6 KPI             | Bán trà sữa                | Trà sữa Chích Chò<br>P. Long Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 432 | Đinh Thị Lan        | 1970 | 270891185  | 141/1F Tổ 6<br>KPI   | Phụ quán                   | Quán cà phê Vợt<br>KPI P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 433 | Phạm Thị Minh Trang | 1996 | 272611446  | 141/1c tổ 6 KPI      | bán trà sữa                | Tú Tà Tựa KPI<br>P An Bình            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 434 | Hà Mai Anh          | 1981 | 271437288  | 388 tổ 3 KPI         | Giữ trẻ tại nhà            | 388 tổ 3 KPI                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 435 | Hà Thị Thu Trang    | 1988 | 270849835  | 155/4 KPI            | Bán cơm tấm<br>(không tên) | 2/3 Xa lộ Hà Nội<br>Dĩ An, Bình Dương | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 436 | Nguyễn Thị Tuyết    | 1942 | mất CMND   | Tổ 3 KPI             | Bán vé số dạo              | Không cố định<br>P An Bình            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                  |      |           |                      |                        |                                            |            |   |           |  |  |
|-----|------------------|------|-----------|----------------------|------------------------|--------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 437 | Vũ Sui Sáng      | 1966 | 270705358 | 95/4 KP1             | Xe ôm                  | Không cổ định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 438 | Lê Thị Yên       | 1970 | 27257655  | 94/4 KP1             | Phụ quán phở<br>Thảo   | Chung cư A11 KP1<br>P An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 439 | Đào Đình Vinh    | 1959 | 272377080 | 93/8 KP1             | Xe ôm                  | Không cổ định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 440 | Lê Hoàng Duy     | 1980 | 271358993 | 153/3 KP1            | Phụ Billiards          | Tiền Billiards Anh<br>Vũ<br>97/1 tổ 11 KP1 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 441 | Hoàng Thị Quý    | 1958 | 270041390 | 153/3 KP1            | Giúp việc gia<br>đình  | 1A10 KP1<br>P An Bình                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 442 | Võ Thanh Hải     | 1950 | 272993064 | tổ 3 KP1             | Xe ôm                  | Không cổ định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 443 | Nguyễn Thị Thư   | 1965 | 380547043 | 94/3bis tổ 10<br>KP1 | Bán vé số dạo          | Không cổ định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 444 | Đặng Thanh Hoàng | 1956 | 272118582 | Tổ 10A KP1           | bán chè dạo            | Không cổ định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 445 | Phạm Thị Mỹ Dung | 1975 |           | Tổ 10A KP1           | Bán xôi dạo            | Không cổ định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 446 | Trần Việt Dũng   | 1967 |           | Tổ 10A KP1           | Chạy xe ba gác         | Không cổ định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 447 | Bùi Thị Hiền     | 1984 | 271609804 | Tổ 3 KP1             | Bán xôi dạo            | Không cổ định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 448 | Nguyễn Thị Huệ   | 1961 | 271767473 | Tổ 3 KP1             | Xe ôm                  | Không cổ định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 449 | Hoàng Thị Oanh   | 1997 | 245323044 | KP2 P An Bình        | Bán com<br>(không tên) | 103C5 KP1                                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |      |             |           |                       |                                            |            |   |           |  |
|-----|----------------------|------|-------------|-----------|-----------------------|--------------------------------------------|------------|---|-----------|--|
| 450 | Phạm Thị Út          | 1982 | 272214447   | C107 KP1  | Làm tóc tại nhà       | 107C3 KP1                                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 451 | Tsần Bích Ngọc       | 1962 | 270031808   | 156/3 KP1 | Phụ quán cơm          | Quán Thiên<br>Hương, số 2 KP3 P<br>Tam Hòa | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 452 | Hoàng Đức Lộc        | 1958 | 271960026   | 72/5B kp1 | Xe ôm                 | Không cố định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 453 | Nguyễn Thị Đạo       | 1956 | 270038721   | 72/5B kp1 | Đẩy xe bán<br>bánh mì | Không cố định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 454 | Đặng Thị Ngọc Nhân   | 1976 | 46176001276 | Tổ 2 KP1  | Bán hủ tiếu gỗ        | 254 KP Tây A,<br>Dĩ An, Bình Dương         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 455 | Hoàng Văn Thanh Tâm  | 1972 | 271103658   | Tổ 2 KP1  | Bán bánh ướt dạo      | Chợ Xóm Chiếu<br>Thủ Đức                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 456 | Hoàng Thị Mỹ Phương  | 1967 | 270746816   | Tổ 2 KP1  | Bán bánh dúc          | Thuê sân nhà số<br>166/3<br>KP1 P An Bình  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 457 | Trương Thị Hương Lan | 1973 | 271105400   | Tổ 2 KP1  | Phu bán bánh ướt      | Chợ Xóm Chiếu<br>Thủ Đức                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 458 | Nguyễn Ngọc Tuyền    | 1982 | 271474418   | Tổ 2 KP1  | Bán nước<br>giải khát | Không cố định<br>P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 459 | Đieu Xuân Trang      | 1988 | 272010588   | Tổ 2 KP1  | Bán cơm tấm           | 23/1 tổ 2<br>P Hiệp Hòa                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 460 | Sỹ Sông Lâm          | 1984 | 271667472   | Tổ 2 KP1  | Bán xôi dạo           | Không cố định<br>P Hiệp Hòa                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 461 | Phạm Thị Như Thiện   | 1983 | 271777513   | Tổ 2 KP1  | Bán xôi dạo           | Khu vực<br>chợ Tam Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 462 | Nguyễn Thị Ngọc Anh  | 1962 | 270143067   | Tổ 2 KP1  | Bán xôi dạo           | Khu chung cư<br>An Bình KP1                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |





|     |                      |            |              |                  |                          |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|--------------|------------------|--------------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 463 | Đặng Thị Ánh Dương   | 1979       | 272856086    | Tổ 2 KP1         | Bán bánh ướt dạo         | Khu vực chợ Tam Hòa             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 464 | Lê Thị Bảo Châu      | 12/09/1990 | 276112545    | 144/4 KP1        | Tiền tức, nail tại nhà   | Tiền Bảo Châu 144/4 KP1 An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 465 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 24/05/1978 | 381217877    | 47/13- Tổ 8C-KP5 | Cấp dưỡng không có HDLĐ  | Trường MN Doremi KP5            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 466 | Quách Văn Toàn       | 19/9/1984  | 341288673    | D4- Tổ 8C-KP5    | Lồn tức                  | Tiền tức Trang KP5 P An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 467 | Mại Thị Thủy Vân     | 19/5/1990  | 272211751    | D29- Tổ 8C-KP5   | Phụ quán cơm (không tên) | T8c-KP5                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 468 | Lê Thị Tâm           | 6/1/1952   | 173836647    | D5- Tổ 8C-KP5    | Bán vé số dạo            | Không có định P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 469 | Nguyễn Thị Bình      | 10/10/1968 | 220788317    | D5- Tổ 8C-KP5    | Bán vé số dạo            | Không có định P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 470 | Thái Thị Mạnh        | 1/7/1963   | 186892683    | D5- Tổ 8C-KP5    | Bán bánh ướt dạo         | Không có định P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 471 | Ngô Thị Hồng         | 5/8/1959   | 079159008217 | 3D- Tổ 8C-KP5    | Giúp việc gia đình       | Khu vực KP5 Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 472 | Trần Thị Hời         | 8/3/1983   | 183314699    | E7- Tổ 8C-KP5    | Giúp việc gia đình       | Khu vực KP5 Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 473 | Ngô Thị Kim Ngân     | 20/6/1994  | 079194008856 | D6- Tổ 8C-KP5    | Giúp việc gia đình       | Khu vực KP5 Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 474 | Ngô Thị Cúc          | 4/2/1963   | 312625442    | D2- Tổ 8C-KP5    | Giúp việc gia đình       | Khu vực KP5 Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 475 | Phạm Văn Tới         | 1972       | 272207168    | 20B tổ 9 KP5     | làm tức (không tên)      | 20B tổ 9 KP5                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |            |                |                              |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|------------|----------------|------------------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 476 | Phạm Thị Hồng Hải    | 1973       | 271104014  | 20B tổ 9 Kp5   | Bán xôi dạo                  | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 477 | Nguyễn Thị Thắng     | 1956       | 186430596  | A14 tổ 8A Kp5  | Bán rau dạo                  | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 478 | Huỳnh Thị Kiều       | 1989       | 365729303  | 37A tổ 1 Kp5   | Giúp việc nhà                | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 479 | Hồ Thị Bê            | 1951       | 264282037  | 37A tổ 1 Kp5   | Bán vé số dạo                | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 480 | Nguyễn Thị Huyền     | 1985       | 341311480  | 37A tổ 1 Kp5   | Bán vé số dạo                | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 481 | Nguyễn Thị Thu Huyền | 1990       | 272754006  | 18A tổ 10 Kp5  | Giúp việc nhà                | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 482 | Lê Xuân Cảnh         | 1964       | 270869798  | 18A tổ 10 Kp5  | Xe ôm                        | Không cố định<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 483 | Huỳnh Thị Ánh Tuyết  | 1989       | 3315389918 | 5A tổ 10 Kp5   | làm tóc<br>(không tên)       | 6A tổ 10 Kp5                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 484 | Trần Danh Tuyên      | 1948       | 271627411  | 12B tổ 10 Kp5  | Giúp việc gia<br>đình        | KP2 P An Hòa                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 485 | Hoàng Thị Hiền       | 1975       |            | 5B tổ 10 Kp5   | bán cà phê tại<br>nhà        | 5B tổ 10 Kp5                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 486 | Bùi Thị Hoa          | 20/4/1968  | 271035840  | 51/2- T2- Kp2  | Bán vé số dạo                | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 487 | Trần Văn Cường       | 28/12/1956 | 270753504  | 52/1D- T2- Kp2 | Chạy xe công<br>nghệ 02 bánh | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 488 | Nguyễn Thị Thái      | 1947       | 272717689  | 51/24- T2- Kp2 | thu gom rác                  | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                  |            |              |                  |                                    |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|------------------|------------|--------------|------------------|------------------------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 489 | Trần Thị Nhung   | 7/3/1952   | 270041180    | 49/7B- T2- Kp2   | Giúp việc gia đình                 | Khu vực KP5 Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 490 | Hồ Ngọc Duy      | 16/6/1995  | 272389108    | 576/5/4- T2- Kp2 | Cắt tóc tại nhà                    | 576/5/4- T2- Kp2                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 491 | Lê Ngọc Loan     | 1/1/1979   | 272279505    | 52/3A- T2- Kp2   | Giúp việc gia đình                 | Tổ 1 Kp2 Phường An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 492 | Lâu Gia Phát     | 25/8/2001  | 272807931    | 51/3c- T2- Kp2   | Phụ Quán Mixchill                  | 32 D. Võ Thị Sáu, Thống Nhất    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 493 | Đặng Thị Miến    | 21/7/1955  | 271144600    | 52/5A- T2- Kp2   | Giúp việc gia đình                 | Khu vực KP2 Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 494 | Chánh Sau Vân    | 03/12/1999 | 272767571    | 50/1p- T2- Kp2   | Phụ làm bánh (tiệm bánh Hạnh Phúc) | 1377, Phạm Văn Thuận P Tân Tiến | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 495 | Sú Lợi Dương     | 04/01/1972 | 271073915    | 51/3c- T3- Kp2   | Chạy xe ba gác                     | Không có định Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 496 | Nguyễn Minh Sơn  | 20/11/1999 | 272697337    | T3- Kp2          | Phụ bán hải sản                    | Bigseafood Đường 1 KDC KP1      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 497 | Hồ Xuân Hậu      | 25/5/1994  | 272428332    | T3- Kp2          | Thợ cắt tóc (Không tên)            | 54/3 tổ 1 KP2 P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 498 | Lương Xuân Hòa   | 19/9/1995  | 037095003512 | 52/52- T3- Kp2   | Thợ cắt tóc (Không tên)            | 57 Nguyễn Văn Hoa P Thống Nhất  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 499 | Vũ Thị Hoa       | 01/01/1963 | 270031775    | 31/3- T3- Kp2    | Giúp việc gia đình                 | Khu vực KP2 Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 500 | Vũ Thị Ngọc Loan | 03/01/1982 | 271437061    | 31/3- T3- Kp2    | bóc vác Không HDLD                 | Không có định Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 501 | Trần Văn Mạnh    | 20/2/1977  | 381197085    | 31/3- T3- Kp2    | bóc vác Không HDLD                 | Không có định Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |           |              |                    |                                     |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|-----------|--------------|--------------------|-------------------------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 502 | Phạm Thị Quỳnh Mỹ     | 27/9/1997 | 272561550    | 31/3- T3- Kp2      | Làm nail<br>(Linh Trần)             | KDC KP 1<br>Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 503 | Trần Hữu Hiệp         | 1953      | 021382966    | 50/5B- T3A-<br>Kp2 | Xe ôm                               | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 504 | Nguyễn Thị Diệu Hương | 3/09/1989 | 191896605    | 57/6- T3A- Kp2     | Làm tóc<br>(Hương)                  | Tổ 3 Kp2 P An<br>Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 505 | Hà Thị Kiều           | 1990      |              | 50/2B- T3- Kp2     | Giúp việc gia<br>đình               | Khu vực KP2<br>Phường An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 506 | Nguyễn Thị Hào        | 1969      | 271511348    | 6461/24/29-kp2     | Phụ bún mọc,<br>giò tại nhà         | 6461/24/29-kp2                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 507 | Ngô Thị Ngọc Hân      | 1987      | 079187000627 | 6/15A-KP2          | Bán trà sữa<br>tại nhà              | 6/15A-KP2                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 508 | Nguyễn Thành Lộc      | 2000      | 272778859    | 56/2A-KP2          | Vận chuyển<br>hàng hóa xe 2<br>bánh | 172 KP4 P Tân<br>Tiến           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 509 | Nguyễn Thành Luân     | 1990      | 2721122112   | 56/2A-KP2          | Vận chuyển<br>hàng hóa xe 2<br>bánh | 173 KP4 P Tân<br>Tiến           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 510 | Nguyễn Thị Búp        | 1990      | 044190003870 | 32/26A-KP2         | Bán vé số dạo                       | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 511 | Nguyễn Tiến Dũng      | 1973      | 272140396    | 321/3- KP2         | Lái xe ôm                           | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 512 | Dương Thị Ngọc Thủy   | 1974      | 351068168    | 55/5- KP2          | Giữ trẻ                             | 26A12 KĐc KP1<br>P An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 513 | Huỳnh Chi Toàn        | 2004      | 382058982    | 55/5- KP2          | Bán vé số dạo                       | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 514 | Huỳnh Văn Nguyễn      | 1981      | 381067095    | 55/5- KP2          | Bán vé số dạo                       | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                       |            |              |            |                            |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|------------|----------------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 515 | Nguyễn Thanh Phương   | 1985       | 02541943394  | 55/3B- KP2 | Bán Nước giải khát tại nhà | 55/3B- KP2<br>P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 516 | Lê Quang Đức          | 1979       | 320990254    | 57/4- KP2  | bốc vắc Không HDLD         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 517 | Phan Ánh Nguyệt       | 1978       | 351155729    | 57/4- KP2  | Giúp việc gia đình         | KDC KP1<br>Phường An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 518 | Lâm Thị Trang         | 1976       | 981218250    | T4-KP2     | bốc vắc Không HDLD         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 519 | Bùi Thị Niên          | 1955       | 270048679    | 30/4-KP2   | Bán vé số dạo              | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 520 | Nguyễn Thị Thanh Trúc | 07/7/1989  | 271969394    | 58/2- KP2  | Uốn tóc tại nhà            | 58/2- KP2<br>Phường An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 521 | Lê Thanh Quốc Huy     | 18/10/1990 | 352189955    | KP2        | Phụ quán ăn "Gà nhảy"      | C4 KDC KP1<br>Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 522 | Trần Thị Nước         | 1964       | 350591118    | KP2        | Giúp việc gia đình         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 523 | Trần văn Diễm         | 02/9/1974  | 272937609    | KP2        | Bán cá dạo                 | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 524 | Hoàng Thị Thanh       | 06/6/1973  | 038173006043 | KP2        | Giúp việc gia đình         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 525 | Nguyễn Thị Thanh      | 1972       | 261490780    | KP2        | Bán cá dạo                 | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 526 | Nguyễn Ngọc Oanh      | 02/9/1978  | 271265526    | KP2        | Chạy xe ôm                 | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 527 | Lê Thị Nhiều          | 01/3/1966  | 270746906    | KP2        | lượn ve chai               | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |           |            |           |                     |                                       |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|-----------|------------|-----------|---------------------|---------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 528 | Nguyễn Hữu Tú         | 17/4/1999 | 272757195  | KP2       | Gao hàng xe 02 bánh | Không cố định Phường An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 529 | Nguyễn Ngọc Vũ        | 1999      | 264493098  | KP2       | Xe ôm               | Không cố định Phường An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 530 | Nguyễn Văn Đen        | 15/3/1959 | 270038453  | 55/4-KP2  | Phụ quán nhậu       | Tổ 4 KP 2 Phường An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 531 | Nguyễn Thị Ngọc Yến   | 20/4/1997 | 206178871  | 55/4-KP2  | Phụ quán nhậu       | Tổ 4 KP 2 Phường An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 532 | Nguyễn Thị Mai        | 20/7/1990 | 276071564  | 56/2-KP2  | Bán trà sữa         | Khu vực Bồn Nước, KP5, Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 533 | Thị Nhung             | 01/1/1993 | 371564469  | 55/4-KP2  | Thu gom rác         | Hẻm 524 KP2 Phường An Bình            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 534 | Nguyễn Thị Tân        | 1979      | 191503241  | 43/3-KP2  | Làm tóc tại nhà     | 43/3-KP2 Phường An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 535 | Nguyễn Văn Thắng      | 1973      | 3511942276 | 50/3A-KP2 | Cắt tóc tại nhà     | KP2, An Bình                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 536 | Nguyễn Lương Kính     | 1/1/1986  | 191617434  | 592/6-KP2 | Xe ôm               | Ngã Ba Vũng Tàu                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 537 | Trần Quốc Khánh       | 25/1/1984 | 341147761  | 54/3-KP2  | bốc vác Không HDLĐ  | Không cố định Long Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 538 | Trần Quang Nghiêm     | 1992      | 381853123  | 54/3-KP2  | bốc vác Không HDLĐ  | Không cố định Long Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 539 | Nguyễn Thị Thủy Chung | 13/4/1980 | 221372238  | 50/3-KP2  | Giúp việc nhà       | Chung cư KP1 P An Bình                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 540 | Nguyễn Tùng Anh       | 14/9/1995 | 122217119  | 554-KP2   | Bán bún mọc         | 554, KP2, An Bình                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                    |            |              |            |                    |                              |            |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------------|--------------|------------|--------------------|------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 541 | Võ Văn Đức         | 1975       | 363833102    | 50/2-KP2   | bốc vắc Không HDLD | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 542 | Trần Tự Do         | 8/5/1964   | 060064000002 | 50/3-KP2   | bốc vắc Không HDLD | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 543 | Mạc Thanh Phong    | 1972       | 260643070    | 50/3-KP2   | bốc vắc Không HDLD | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 544 | Lê Thị Tâm         | 1966       | 363813600    | 50/3-KP2   | Giúp việc nhà      | Chung cư KP1 P An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 545 | Võ Thạch Kỳ        | 1/1/1980   | 221379392    | 50/3-KP2   | Bán vé số dạo      | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 546 | Nguyễn Văn Ni      | 15/10/1984 | 334222144    | 52/1-KP2   | bốc vắc Không HDLD | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 547 | Trần Thị Phước     | 26/4/1976  | 194111976    | 50/3-B-KP2 | Uốn tóc tại nhà    | 50/3B Tổ 1, KP2, P An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 548 | Trần Thị Bích Thủy | 1979       | 363636880    | 50/3-B-KP2 | Bán bánh mì dạo    | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 549 | Vũ Thị Nguyệt      | 1969       | 162904050    | 53/2-KP2   | Giúp việc nhà      | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 550 | Phạm Ngọc Sương    | 1959       | 270046563    | 52/1-KP2   | Phụ quán cà phê    | Quán CNEsyBH Phường Bình Đa  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 551 | Phạm Văn Tâm       | 12/5/1968  | 366120041    | 50/3-KP2   | bốc vắc Không HDLD | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 552 | Võ Thị Liễu        | 25/5/1980  | 211698215    | 52/1-A-KP2 | Bán cà phê tại nhà | 52/1-A-KP2 Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 553 | Lê Kim Phụng       | 15/10/1977 | 364019852    | 58/3-KP2   | Giúp việc nhà      | Khu dân cư An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |            |            |            |                                |                                      |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|------------|------------|--------------------------------|--------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 554 | Lê Tấn Thắng        | 2/3/1964   | 270038397  | 52/1-KP2   | Xe ôm                          | Không cố định<br>Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 555 | Nguyễn Văn Hoàng    | 1960       | 310277636  | 576/6-KP2  | Xe ôm                          | Không cố định<br>Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 556 | Trần Thị Huệ        | 6/7/1988   | 163107309  | 52/3-KP2   | Buôn bán cà phê<br>tại nhà     | 52/3C-KP2, An<br>Bình                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 557 | Nguyễn Thị Cúc      | 11/10/1959 | 270044273  | 52/1-KP2   | Giúp việc nhà                  | Không cố định<br>Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 558 | Đặng Thanh Thảo     | 8/10/1972  | 271104245  | 576/38-KP2 | Xe ôm                          | Không cố định<br>Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 559 | Nguyễn Hồng Anh     | 1/1/1968   | 2711104089 | 57/3B-KP2  | bóc vác Không<br>HDLĐ          | Không cố định<br>Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 560 | Trần Đức Toàn       | 4/1/1971   | 271306396  | 588-KP2    | Cắt tóc tại nhà                | 588.KP2, An Bình                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 561 | Nguyễn Thị Bích Hoa | 29/4/1983  | 271563817  | 50/1Y-KP2  | Phụ bán trà sữa                | TocoToco, số 26,<br>Đi An Bình Dương | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 562 | Nguyễn Phi Hải      | 17/11/1997 | 27261939   | 57/3B-KP2  | Phụ quán cà phê<br>"Ngọc Taxi" | 98/3, phường<br>Tam Hòa              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 563 | Bùi Thị Ngọc Dung   | 17/11/1992 | 221297124  | 52/6-KP2   | Bán xôi, bánh mì               | Không cố định<br>Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 564 | Võ Thị Dật          | 1958       | 225043056  | 53/2-KP2   | Giúp việc nhà                  | Không cố định<br>Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 565 | Lê Văn Đôn          | 19/1/1945  | 211097268  | 53/2-KP2   | Bán vé số dạo                  | Không cố định<br>Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 566 | Nguyễn Thị Tâm      | 8/10/1954  | 210138684  | 52/1-KP2   | Bán vé số dạo                  | Không cố định<br>Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                   |            |              |                       |                       |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|-------------------|------------|--------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 567 | Nguyễn Thị Quý    | 11/11/1935 | 072135000150 | 52/3-KP2              | Bán vé số dạo         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 568 | Nguyễn Minh Châu  | 17/11/1966 | 270705182    | 50/1-A-KP2            | Xe ôm                 | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 569 | Nguyễn Ngọc Thanh | 23/4/1967  | 270743794    | 71/2 M-<br>Tổ 10- KP2 | Bán vé số dạo         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 570 | Nguyễn Thị Hương  | 14/1/1965  | 276069514    | 71/2 M-<br>Tổ 10- KP2 | Bán vé số dạo         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 571 | Chương Công Sáng  | 21/8/1965  | 270846049    | 70/3B-<br>Tổ 10- KP2  | Bán vé số dạo         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 572 | Võ Thị Mai        | 15/9/1972  | 270891891    | 91/4D-<br>Tổ 10- KP2  | Bán xôi dạo           | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 573 | Nguyễn Văn Thanh  | 1964       | 270234176    | 91/4D-<br>Tổ 10- KP2  | Chạy xe ôm            | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 574 | Huỳnh Thanh Phong | 2/12/1959  | 270034052    | 72/2-Tổ 10-<br>KP2    | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 575 | Huỳnh Thanh Thọ   | 12/11/1983 | 321205767    | 70/5-Tổ 10-<br>KP2    | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 576 | Lê Đình Thân      | 1979       | 351662902    | 70/5-Tổ 10-<br>KP2    | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 577 | Hà Thị Trang      | 1988       | 351819555    | 70/5-Tổ 10-<br>KP2    | Giúp việc gia<br>đình | Khu vực KP2<br>Phường An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 578 | Nguyễn Kim Xuyên  | 1966       | 385231781    | 70/5-Tổ 10-<br>KP2    | Giúp việc gia<br>đình | Khu vực KP2<br>Phường An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 579 | Huỳnh Văn Mộng    | 1970       | 371294539    | 77/3A-Tổ 10-<br>KP2   | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>Phường Tân Mai | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                    |           |              |                      |                            |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|--------------------|-----------|--------------|----------------------|----------------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 580 | Trần Ngọc Mai      | 24/5/1962 | 270029988    | 71/3D- Tổ 10-<br>KP2 | Phụ bán cà phê<br>"Bến dò" | Tổ 8 KP1<br>P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 581 | Võ Văn Hùng        | 6/2/1962  | 270029616    | 70/5C- Tổ 10-<br>KP2 | Chạy xe ôm                 | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 582 | Nguyễn Thị Hằng    | 8/9/1988  | 272600104    | 71/2G- Tổ 10-<br>KP2 | Uốn Tóc tại nhà            | 71/2G- Tổ 10- KP2               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 583 | Dương Văn Vũ       | 1960      | 272205742    | 66/1F- Tổ 9-<br>KP2  | Chạy xe ôm                 | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 584 | Nguyễn Thị Kim yến | 1991      | 079191005965 | 66/3C- Tổ 9-<br>KP2  | Bán cháo dạo               | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 585 | Võ Thị Thu Hà      | 1962      | 270034265    | 66/1B- Tổ 9-<br>KP2  | Bán sữa đậu<br>nành        | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 586 | Phạm Ngọc Sương    | 1966      | 270746973    | 66/1F- Tổ 9-<br>KP2  | Giúp Việc nhà              | nhà BS Thành<br>P Tam Hòa       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 587 | Nguyễn Thị Nam     | 1967      | 300587001    | 64/1A- Tổ 9-<br>KP2  | Bán bánh mì,<br>xôi dạo    | Khu vực<br>Phường An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 588 | Phan Văn Oí        | 1967      | 276128160    | 64/1A- Tổ 9-<br>KP2  | bốc vác Không<br>HDLĐ      | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 589 | Phan Phi Long      | 1955      | 270041977    | 63/5A- Tổ 7-<br>KP2  | Phụ nấu ăn<br>đám tiệc     | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 590 | Lê Công Bằng       | 22/6/1958 | 270041538    | 69/2B- Tổ 6-<br>KP2  | Bán vé số dạo              | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 591 | Lý Thuận Mười      | 20/3/1958 | 270034217    | 59/4- Tổ 6- KP2      | Chạy xe ôm                 | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 592 | Lưu Thị Sáng       | 2/1/1964  | 350263395    | 59/1A- Tổ 6-<br>KP2  | Bán vé số dạo              | Không cố định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                      |           |            |                      |                       |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|-----------|------------|----------------------|-----------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 593 | Trang Công Toại      | 2/1/1964  | 2700338118 | 69/2- Tở 6- KP2      | Bán vé số dạo         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 594 | Quách Thanh Minh     | 18/8/1979 | 271358991  | 59/4A- Tở 6-<br>KP2  | Bán vé số dạo         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 595 | Trang Ánh Nga        | 1956      | 271262080  | 69/2- Tở 6- KP2      | Uốn Tóc tại nhà       | 69/2- Tở 6- KP2                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 596 | Nguyễn Thị Kim Thanh | 1/6/1975  | 270746640  | 60/2B- Tở 6-<br>KP2  | Uốn Tóc tại nhà       | 60/2B- Tở 6- KP2                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 597 | Lê Thị Suong         | 1973      | 272579397  | 68/4/2- Tở 5-<br>KP2 | Làm móng đạo          | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 598 | Nguyễn Thành Tâm     | 1988      | 271789328  | 68/2C Tở 5-<br>KP2   | Chạy xe Grab          | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 599 | Nguyễn Minh Châu     | 1959      | 270038488  | 62/3- Tở 5- KP2      | Chạy xe ôm            | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 600 | Nguyễn Văn Tân       | 1963      | 270237850  | 62/3B- Tở 5-<br>KP2  | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 601 | Nguyễn Văn Sang      | 1981      | 271416247  | 68/4/18 Tở 5-<br>KP2 | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 602 | Nguyễn Văn Thi       | 1949      | 270038487  | 62B/3 Tở 5-<br>KP2   | Chạy xe ôm            | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 603 | Nguyễn Văn Nghĩa     | 1974      | 271241554  | 62/3DTở 5-<br>KP2    | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 604 | Phùng Văn Múc        | 1875      | 371085596  | 68/4 Tở 5- KP2       | bốc vắc Không<br>HDLD | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 605 | Nguyễn Thị Kim Di    | 1968      | 330816337  | 68/4 Tở 5- KP2       | Giúp việc gia<br>đình | tở 4 KP2, An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                        |      |           |                 |                      |                                        |            |   |           |  |  |
|-----|------------------------|------|-----------|-----------------|----------------------|----------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 606 | Huỳnh Văn Hào          | 1978 | 371251128 | 68/4 Tổ 5- KP2  | bốc vắc Không HDLD   | Không cố định Phường An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 607 | Nguyễn thị Thương Linh | 1980 | 271493480 | 68/2 Tổ 5- KP2  | Bán vé số dạo        | Không cố định Phường An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 608 | Dương Thị Khoa         | 1970 | 352162139 | Tổ 5- KP2       | Bán vé số dạo        | Không cố định Phường An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 609 | Đinh Thị Bích Thủy     | 1972 | 350983303 | Tổ 5- KP2       | Bán vé số dạo        | Không cố định Phường An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 610 | Trần Văn Phương        | 1947 | 350377984 | Tổ 5- KP2       | Bán vé số dạo        | Không cố định Phường An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 611 | Nguyễn Thị Loan        | 1964 | 272489879 | 67/3B-Tổ 5- KP2 | Uốn tóc tại nhà      | 67/3B-Tổ 5- KP2 P An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 612 | Nguyễn Quốc Phong      | 1990 | 272068006 | Tổ 5- KP2       | bốc vắc Không HDLD   | Không cố định Phường An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 613 | Võ Văn Nhi             | 1963 | 371554747 | Tổ 5- KP2       | bốc vắc Không HDLD   | Tiệm phế liệu Tuấn Hồ Lô KP2 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 614 | Võ Văn Tha             | 1988 | 371123823 | Tổ 5- KP2       | bốc vắc Không HDLD   | Tiệm phế liệu Tuấn Hồ Lô KP2 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 615 | Trịnh Văn Tín          | 1988 | 271991428 | Tổ 5- KP2       | bốc vắc Không HDLD   | Không cố định Phường An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 616 | Lê Thị Mộng Nga        | 1960 | 270044185 | 58/1cTổ 5- KP2  | Phụ quán ăn gia đình | Cửa Long Quán P Hiệp Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 617 | Danh Hồng Cường        | 1989 | 385388752 | Tổ 5- KP2       | bốc vắc Không HDLD   | Không cố định Phường An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 618 | Trần Thị Kim Loan      | 1975 | 272856602 | 56/3-Tổ 5- KP2  | Làm tóc thuê         | 64/5A Kp2 P An Bình                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                     |            |              |               |                      |                              |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|--------------|---------------|----------------------|------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 619 | Nguyễn Hoàng Năng   | 1/1/1967   | 380692831    | 6E-T13-KP2    | bốc vắc Không HDLD   | Sân gôn Long Thành           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 620 | Phạm Thị Út Mót     | 1/1/1968   | 385604040    | 19E-T13-KP2   | Giúp việc gia đình   | Khu vực KP2 Phường An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 621 | Phạm Văn Năm        | 1/1/1953   | 385123404    | 19E-T13-KP2   | bốc vắc Không HDLD   | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 622 | Nguyễn Văn Đen      | 1/1/1962   | 385461872    | 20E-T13-KP2   | Bốc vắc không HDLD   | Công ty Đường BH, KCN BH-1   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 623 | Lê Văn Minh         | 1/1/1964   | 385125371    | 17E-T13-KP2   | bốc vắc Không HDLD   | Cảng Nhất Nam KCN BH-1       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 624 | Phạm Thị Huyền Ngân | 1/1/1965   | 092168001944 | 21H/3-T13-KP2 | Bán xôi, bánh mì dạo | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 625 | Đào Quốc Tuấn       | 9/5/1966   | 361089892    | 20E-T13-KP2   | bốc vắc Không HDLD   | Kho đó KCN BH-1              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 626 | Mai Ngọc Lan        | 1/1/1959   |              | 14H-T13-KP2   | Giúp việc gia đình   | Khu vực KP2 Phường An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 627 | Lâm Bửu Xuân        | 18/10/1946 | 350294237    | 20E-T13-KP2   | bốc vắc Không HDLD   | DN tư nhân Biên Hoà I        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 628 | Nguyễn Thị Sáu      |            | 380882093    | 20E-T13-KP2   | Giúp việc gia đình   | Khu vực KP2 Phường An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 629 | Phạm Văn Đà         | 1/1/1980   | 385231091    | 20E-T14-KP2   | bốc vắc Không HDLD   | Kho phân bón Hồ Nai          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 630 | Nguyễn Văn Minh     | 28/9/1958  | 270032776    | 3DT14-KP2     | Xe ôm                | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 631 | Bùi Bá Phúc         | 1990       | 35271654     | 14H-T13-KP2   | bốc vắc Không HDLD   | Không cố định Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |             |                |                    |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|-------------|----------------|--------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 632 | Nguyễn Thanh Tấn      | 1960       | 380540097   | 14H-T13-KP2    | bốc vắc Không HDLD | Không cố định Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 633 | Đào Thị Kim Ngọc      | 1982       | 0921820041  | 14H-T13-KP2    | Giúp việc gia đình | Khu vực KP2 Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 634 | Mai Thanh Quý         | 1985       | 362080286   | 14H-T13-KP2    | bốc vắc Không HDLD | Không cố định Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 635 | Nguyễn Thị Thùy Dương | 1996       | 272539159   | 20E- T13- Kp2  | Uốn Tóc tại nhà    | 20E- T13- Kp2 P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 636 | Võ Thị Đức Tâm        | 31/12/1970 | 270820121   | 9D-Tổ 12-Kp2   | Uốn Tóc tại nhà    | 9D-Tổ 12-Kp2 P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 637 | Phan văn Phúc         | 3/8/1967   | 271420304   | 29A-Tổ 12-kp2  | Xe Ôm              | Không cố định Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 638 | Đoàn Thị Giữ          | 1/1/1966   | 385813499   | 27A- Tổ 12-Kp2 | Giúp việc gia đình | Khu vực KP2 Phường An Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 639 | Nguyễn Thị Diễm Mi    | 1994       | 363779223   | 27A- Tổ 12-Kp2 | Phụ tiệm tóc       | tiệm Cô Tâm tổ 12 KP2 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 640 | Triệu Thị Kim Liên    | 1/1/1960   | 09210001536 | 17A- Tổ 12-Kp2 | Bán vé số dạo      | Không cố định Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 641 | Lê Bạch Yến           | 1952       | 3638335217  | 17A- Tổ 12-Kp2 | Bán vé số dạo      | Không cố định Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 642 | Nguyễn Thị Dương      | 5/6/1969   | 211321925   | 16A- Tổ 12-Kp2 | Bán vé số dạo      | Không cố định Phường An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 643 | Phạm Thị Giàu         | 1963       |             | 3A- Tổ 11- Kp2 | Làm tóc tại nhà    | 3A- Tổ 11- Kp2 P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 644 | Võ Lam Giang          | 1994       | 272311387   | 8D- Tổ 14- Kp2 | Làm nail tại nhà   | 8D- Tổ 14- Kp2 P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                     |            |           |                     |                        |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-----------|---------------------|------------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 645 | Nguyễn Đỗ Hạ Vi     | 2001       | 272843528 | Tổ 14- Kp2          | Làm nail tại nhà       | 8D- Tổ 14- Kp2<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 646 | Dặng Thị Ngọc Thủy  | 1957       | 272704619 | 2/6E-T15-KP2        | Bán bánh trứng<br>trộn | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 647 | Mai Thị Ngọc Thạch  | 6/9/1975   | 271241628 | 72/3- Tổ 15-<br>Kp2 | Giúp việc gia<br>đình  | Khu vực KP2<br>Phường An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 648 | Trần Ngọc Hải       | 15/06/1980 | 271474170 | 708/22/3 KP2        | Bán hàng giải<br>khất  | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 649 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | 02/01/1964 |           | 66/3A KP2           | Giữ trẻ tại nhà        | 66/3A KP2<br>P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 650 | Đào Thị Liễu        | 08/07/1957 | 270038823 | 66/3E KP2           | Giúp việc gia<br>đình  | Khu vực KP2<br>Phường An Bình   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 651 | Nguyễn Thị Tâm      | 1967       | 334262335 | 66/4A KP2           | Giữ trẻ tại nhà        | 66/4A KP2<br>P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 652 | Dương Thủy Loan     | 24/09/1983 |           | 66/3E KP2           | Bán vé số dạo          | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 653 | Nguyễn Văn Công     | 07/11/1983 | 271545212 | 66/3A KP2           | Bốc vác Phụ xe         | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 654 | Nguyễn Văn Hoàng    | 10/10/1965 | 271461119 | 63/5d KP2           | Chạy xe ôm             | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 655 | Đinh Quang Chánh    | 1973       | 272287916 | 36/6 KP2            | bốc vác Không<br>HDLD  | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 656 | Trương Thị Hương    | 1947       | 363690787 | 63/5A KP2           | Bán bánh mì dạo        | Không có định<br>Phường An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 657 | Châu Hoàng Vũ       | 1973       | 361601022 | 05 KP2              | Bốc vác<br>không HDLD  | cty cầm con cò KP2<br>P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |            |           |                |                             |                                       |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-----------|----------------|-----------------------------|---------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 658 | Danh Tính           | 1987       | 371273694 | 08 KP2         | Bốc vắc<br>không HDLD       | cty cám con cò KP2<br>P An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 659 | Danh Dân            | 1975       | 370883301 | 05 KP2         | Bốc vắc<br>không HDLD       | cty cám con cò KP2<br>P An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 660 | Lê Kim Hoa          | 07/10/1955 | 341699233 | 65/5K KP2      | Nhật ve chai                | Không cố định<br>Phường An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 661 | Châu Thị Kim Hoa    | 01/08/1958 | 270143647 | 65/5M KP2      | Thu gom rác                 | Không cố định<br>Phường An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 662 | Phan Thị Thu Thủy   | 23/03/1982 | 271437177 | 65/6 KP2       | Bán rau dạo                 | Không cố định<br>Phường An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 663 | Hồ Thanh Duy        | 01/01/1989 | 341439099 | tổ 5 KP2       | bốc vắc Không<br>HDLD       | Không cố định<br>Phường An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 664 | Võ Thị Minh Châu    | 03/01/1972 | 271234603 | 61/4A KP2      | Bán nước<br>giải khát dạo   | Không cố định<br>Phường An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 665 | Đào Thị Minh Tuyết  | 14/09/1981 | 23269791  | 20E tổ 13 KP2  | Bán nước<br>giải khát dạo   | Không cố định<br>KV chợ An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 666 | Trương Thanh Hồng   | 17/06/1980 | 271437401 | 73/1 tổ 15 KP2 | Thợ làm tóc                 | Tiệm Thanh nữ<br>KDC KP1 P An<br>Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 667 | Gíp Thị Út          | 27/09/1971 | 270891376 | 59/1B tổ 6 KP2 | Bán bún riêu<br>(không tên) | Tổ 6 KP2 P An<br>Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 668 | Nguyễn Kim Thủy     | 30/09/1959 | 271668285 | 51/3- T2- Kp2  | Lượm ve chai                | Không cố định                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 669 | Hồ Cún Mùi          | 20/06/1965 | 270920817 | 51/1C- T2- Kp2 | Bán nước giải<br>khát       | Không cố định                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 670 | Đặng Thị Diễm Trang | 1975       | 271292628 | 50/6- T2- Kp2  | Bán nước giải<br>khát       | Không cố định                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                    |            |           |                   |                        |                                              |            |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------------|-----------|-------------------|------------------------|----------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 671 | Nguyễn Thị Phúc    | 03/02/1963 | 270112707 | 52/HP- T2-<br>Kp2 | Phụ bán quán<br>phở    | "Thảo Nguyễn<br>Xanh"<br>Dĩ An -Bình Dương   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 672 | Trần Nguyễn Đạt    | 23/4/1996  | 272566646 | 53/HP- T2-<br>Kp2 | Phụ bán quán<br>phở    | "Thảo Nguyễn<br>Xanh", Dĩ An -<br>Bình Dương | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 673 | Ngô Thị Cẩm Hương  | 18/01/1985 | 271610025 | 1A- Tỏ 3-KP4      | Bán nước giải<br>khát  | Quán Cây bàng<br>KP4, P An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 674 | Lê Thị Hà Giang    | 12/08/1999 | 272879209 | 571/54 tỏ 4 KP4   | Phụ quán trà sữa       | 184/17A KP4<br>P Trảng Dài                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 675 | Mai Quang Hoàng    | 09/9/1969  | 270891029 | 571/55- KP4       | bốc vắc Không<br>HDLD  | Không cố định                                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 676 | Vũ Thị Yến         | 23/07/1963 | 270705207 | 43/5 tỏ 7- KP4    | Bán bánh mì dạo        | Khu vực<br>P An Bình                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 677 | Lê Văn Hiên        | 05/03/1955 | 270752252 | 47/5A tỏ 6 KP4    | Giữ xe                 | Bé thu Nhật Hiếu<br>KP2 P An Bình            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 678 | Nguyễn Thị Hoa     | 28/05/1972 | 270985634 | 6/1b -KP4         | Bán bánh mì dạo        | Khu vực<br>P An Bình                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 679 | Lý A Phúc          | 10/10/1967 | 270705401 | 84/3- KP3         | bốc vắc Không<br>HDLD  | Không cố định<br>P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 680 | Vũ Thị Lan         | 1970       | 270891027 | 25/5- KP4         | Bán bánh mì dạo        | Khu vực<br>P An Bình                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 681 | Nguyễn Tôn Mỹ Tâm  | 25/9/1989  | 272087299 | 25/5- KP4         | Lâm tọc (không<br>tên) | KP3 P An Bình                                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 682 | Tôn Thị Thùy Dương | 12/9/1997  | 272579057 | 24/4- KP4         | Phụ quán Bar           | Quán bar KoSho<br>D11A P Thống<br>Nhất       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 683 | Nguyễn Hoài Đức    | 15/08/1996 | 225808835 | 16/1 tỏ 2 KP4     | bốc vắc Không<br>HDLD  | Không cố định<br>P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |           |                 |                         |                                          |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|-----------|-----------------|-------------------------|------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 684 | Nguyễn Thế Hùng      | 14/02/1985 | 261390447 | 16/3 tổ 1 KP4   | Phụ xe giao hàng        | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 685 | Nguyễn Duy Lân       | 03/03/1977 | 340982812 | 16/1 tổ 2 KP4   | Phụ quán ăn             | Quán Thủy Trâm<br>KP2 P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 686 | Nguyễn Hồng Anh Linh | 26/01/1975 |           | 16/1 tổ 2 KP4   | bóc vác Không<br>HDLD   | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 687 | Phạm Ngũ Lão         | 05/08/1962 | 270555762 | 10/1A-Kp4       | Giữ xe quán cà phê      | Cafe Cung Nam<br>Kp1<br>P An Bình        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 688 | Phạm Thị Doa         | 03/09/1965 | 172166192 | 16/3 tổ 2 - Kp4 | Bán vé số dạo           | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 689 | Trần Xuân An         | 17/09/1991 | 272087506 | 40/4 tổ 6 KP4   | Bán cà phê, trà<br>sữa  | khư vực KP Bình<br>Dương, P Long<br>Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 690 | Nguyễn Công Minh Tuệ | 22/06/1967 | 340628026 | 34/5 tổ 5 KP4   | Phụ quán                | Quán Dê Hà Hiếu<br>KP2 P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 691 | Nguyễn Thị Ngát      | 29/05/1968 | 270754379 | 36/4-KP4        | Phụ bán bún, hủ<br>tiếu | Không cố định<br>KP 4 P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 692 | Đông Thị Kim         | 01/11/1961 | 270442511 | 25/5- KP4       | Phụ quán bún<br>mắm     | Hướng Dương,<br>154/33<br>P Quyết Thắng  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 693 | Lý Tường Duy         | 06/09/1982 | 271545119 | 11/1- Kp4       | Bán cháo gà tại<br>nhà  | 11/1- Kp4<br>P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 694 | Lại Minh Hoàng       | 04/12/1985 | 271611116 | 49/8- KP4       | Bán bún riêu tại<br>nhà | 49/8- KP4<br>P An Bình                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 695 | Mai Thị Ngọc Thanh   | 09/05/1972 | 271040573 | 49/4 tổ 10 KP4  | Phụ nấu ăn              | 70/6G tổ 13 KP2<br>P An Bình             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 696 | Phạm Văn Khanh       | 20/07/1954 | 270891037 | 6/2 tổ 9 KP4    | Chạy xe ôm              | Không cố định<br>P An Bình               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                        |            |             |                         |                                  |                                |            |   |           |  |  |
|-----|------------------------|------------|-------------|-------------------------|----------------------------------|--------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 697 | Nguyễn Thanh Đạt       | 08/07/1999 | 272781337   | 15/17/20 KP4            | Chạy xe ôm                       | Không có định<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 698 | Nguyễn Thị Trinh Nương | 30/06/1970 | 270891076   | 12/3-KP4                | bán nước giải<br>khát<br>tại nhà | 12/3-KP4 P An<br>Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 699 | Nguyễn Thiện Hùng      | 27/03/1966 | 7906008280  | 1/2- KP4                | Chạy xe ba gác                   | Không có định<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 700 | Vũ Thị Nhị Thảo        | 13-09-89   | 272087727   | 495/24/11<br>tổ 7 - KP4 | Bán bánh mì dạo                  | Khu vực<br>Kp4 P An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 701 | Nguyễn Thị Thùy        | 04/07/1973 | 271121814   | 15/77 tổ 7 KP4          | Bán nộm dạo                      | Không có định<br>Kp4 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 702 | Nguyễn Thị Đẹp         | 01/01/1968 | 320610872   | 5/5 tổ 9 KP4            | Giúp việc gia<br>đình            | Không có định<br>Kp4 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 703 | Lê Thị Vân             | 1979       | 331857090   | 5/3 Tổ 10- KP4          | Giúp việc gia<br>đình            | Không có định<br>Kp4 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 704 | Nguyễn Văn Lôi         | 1965       | 320565711   | 5/3 Tổ 10- KP4          | bốc vắc Không<br>HDLD            | Không có định<br>Kp4 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 705 | Nguyễn Thị Vân         | 01/07/1976 | 362433232   | 571/27 KP4              | Bán vé số dạo                    | Không có định<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 706 | Bùi Thị Hương          | 1956       | 360526173   | 571/27 KP4              | Bán vé số dạo                    | Không có định<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 707 | Nguyễn Mười Một        | 01/01/1981 | 93081000282 | 571/21 tổ 10<br>KP4     | bốc vắc Không<br>HDLD            | Không có định<br>Kp4 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 708 | Trần Thị Chi           | 1954       | 370337141   | 571/20 KP4              | Bán vé số dạo                    | Không có định<br>P An Bình     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 709 | Nguyễn Thanh Thái      | 10/10/1988 | 341451447   | 571/20 KP4              | bốc vắc Không<br>HDLD            | Không có định<br>Kp4 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                           |            |           |                 |                          |                                |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------------|------------|-----------|-----------------|--------------------------|--------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 710 | Bùi Ngọc Thuận            | 04/10/1983 | 172069667 | 32/3 Tổ 10- KP4 | Bốc xếp tự do            | Không cố định<br>Kp4 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 711 | Ngô Thị Bảo Ngân          | 24/02/1989 | 271940860 | 575 Tổ 10- KP4  | Nail tại nhà             | 575 Tổ 10- KP4<br>P an Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 712 | Phan Tú Mua               | 1970       | 365698486 | 37/1 KP4        | Giúp việc nhà            | Không cố định<br>Kp4 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 713 | Nguyễn Thị Thanh<br>Hương | 13-02-89   | 280979260 | 1/8A tổ 4 KP4   | Phụ quán<br>cà phê Smile | KP1 P An Bình                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 714 | Lương Trung Huy           | 07-04-95   | 272379101 | 8/5 KP4         | Hớt tóc tại nhà          | 8/5 KP4<br>P An Bình           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 715 | Von Lê Hằng               | 07/11/1986 | 271760686 | 20/4C tổ 4 KP4  | Bán bánh mì dạo          | Khu vực<br>Kp4 P An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 716 | Nguyễn Thị Hồng           | 15/11/1963 | 270034120 | 49/2 tổ 10 KP4  | Phụ Bán cháo             | Tổ 10 KP4<br>P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 717 | Nguyễn Thị Đen            | 01/01/1961 | 270034119 | 49/2 tổ 10 KP4  | Phụ Bán cháo             | Tổ 10 KP4<br>P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 718 | Nguyễn Thị Thu            | 04/10/1964 | 270034121 | 49/2 tổ 10 KP4  | Phụ Bán cháo             | Tổ 10 KP4<br>P An Bình         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 719 | Nguyễn Thị Phương         | 01/01/1959 | 371407245 | 5/5 tổ 9 KP4    | Phụ quán cơm<br>Anh Tú   | KP 4 P An Bình                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 720 | Trần Thị Lùng             | 31-12-56   | 270040650 | 25- T4- KP9     | Bán bún riêu             | tổ 5 KP9<br>P An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 721 | Vũ Thị Lý                 | 08-10-68   | 150144244 | Tổ 7 -KP9       | thu gom rác              | không cố định                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 722 | Trần Ngọc Hoàng           | 10-08-73   | 272529760 | Tổ 8 -KP9       | bốc vác Không<br>HDLĐ    | Không cố định                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                      |            |               |               |                         |                         |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|---------------|---------------|-------------------------|-------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 723 | Nguyễn Tấn Tài       | 06/05/1982 | 172941798     | 25/4 tổ 2 KP9 | Dịch vụ cắt tóc tại nhà | 25/4 tổ 2 KP9 P An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 724 | Mai Văn Trung        | 15-06-95   | 038095005221  | T4- KP9       | Bán vé số dạo           | không có định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 725 | Mai Thị Hồng         | 06-05-81   | 173057734     | Tổ 4 -KP9     | Bán vé số dạo           | Không có định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 726 | Trần Bình An         | 24-05-60   | 038060001505  | Tổ 4 -KP9     | Bán vé số dạo           | Không có định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 727 | Trần Thị Xuân        | 06-09-58   | 174663397     | Tổ 4 -KP9     | Bán vé số dạo           | Không có định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 728 | Nguyễn Thị Ngọc Giàu | 1984       | 363741328     | Tổ 4 -KP9     | bốc vắc Không HDLD      | Tân Cảng Long Bình      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 729 | Trần Thị Thanh Bình  | 1975       | 364039658     | Tổ 4 -KP9     | Phụ nấu ăn              | bãi gỗ Long Bình        | 09/7/2021  | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 730 | Nguyễn Ngọc Út       | 17-01-76   | 0920760004289 | Tổ 4 -KP9     | Bốc vắc tự do           | Không có định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 731 | Vũ Văn Nhi           | 01-01-61   | 38118515      | Tổ 4 -KP9     | Bốc vắc tự do           | Không có định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 732 | Trần Hữu Tân         | 27-02-74   | 331038184     | Tổ 4 -KP9     | Bốc vắc tự do           | không có định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 733 | Hồng Thị Nguyệt      | 15-03-02   | 038302000203  | Tổ 4 -KP9     | Bán vé số dạo           | không có định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 734 | Nguyễn Văn Tâm       | 28-01-86   | 037086002143  | Tổ 5-KP9      | Lái xe ôm               | không có định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 735 | Thạch Đình           | 18-06-90   | 334480873     | Tổ 7 -KP9     | bốc vắc Không HDLD      | Không có định           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                           |             |              |           |                        |                                |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------------|-------------|--------------|-----------|------------------------|--------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 736 | Thạch Thị Tươi            | 10-07-71    |              | Tổ 7 -KP9 | Đẩy xe<br>Bán nước mía | Không cố định                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 737 | Trần Thị Thu Hà           | 06-10-80    | 132183762    | Tổ 7 -KP9 | Bán vé số dạo          | không cố định                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 738 | Phan Văn Trảng            | 1976        |              | Tổ 7 -KP9 | Xe ôm                  | không cố định                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 739 | Đặng Thị Thúy Nhi         | 122/03/2003 | 335032205    | Tổ 7 -KP9 | Giúp việc nhà          | Không cố định                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 740 | Nguyễn Huy Quang          | 07-06-95    | 184240190    | Tổ 7 -KP9 | bóc vác Không<br>HDLD  | không cố định                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 741 | Đoàn Quốc Quỳnh           | 23-05-90    | 077090002923 | Tổ 7 -KP9 | Xe ôm công nghệ        | không cố định                  | 15/5/2021  | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 742 | Nguyễn Thị Ngọc<br>Phượng | 01-01-82    |              | Tổ 7 -KP9 | làm tóc                | Tổ 7 -KP9                      | 15/5/2021  | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 743 | Hồ Thị Trúc Nhi           | 15-04-75    | 271684897    | Tổ 7 -KP9 | Giữ trẻ                | Không cố định                  | 15/5/2021  | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 744 | Nguyễn Thị Nga            | 1974        | 082174007600 | Tổ 7 -KP9 | Giúp việc gia<br>đình  | Không cố định<br>Kp9 P An Bình | 15/5/2021  | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 745 | Nguyễn Thị Quý            | 1962        | 381074981    | Tổ 7 -KP9 | Giúp việc gia<br>đình  | Không cố định                  | 15/5/2021  | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 746 | Nguyễn Văn Bé Năm         | 1971        | 320730585    | Tổ 7 -KP9 | Xe ôm                  | không cố định                  | 15/5/2021  | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 747 | Dương Hoàng Phi           | 2004        | 087204010779 | Tổ 7 -KP9 | Xe ôm công nghệ        | Không cố định                  | 15/5/2021  | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 748 | Lâm Thị Quyền             | 1975        | 365041666    | Tổ 7 -KP9 | Giúp việc gia<br>đình  | 181 tổ 16 KP10<br>P An Bình    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                       |            |           |              |                    |                    |           |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|-----------|--------------|--------------------|--------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 749 | Nguyễn Văn Luận       | 12-01-87   | 135670497 | Tổ 7 -KP9    | Bán bún riêu       | Tổ 7 -KP9          | 18/6/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 750 | Nguyễn Văn Tim        | 1986       |           | Tổ 7 -KP9    | bốc vắc Không HDLD | Không có định      | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 751 | Nguyễn Văn Tuấn       | 1984       | 341213880 | Tổ 7 -KP9    | bốc vắc Không HDLD | Không có định      | 15/6/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 752 | Nguyễn Văn Lực        | 01/01/1987 | 272006891 | 79B KP9      | bốc vắc Không HDLD | Không có định      | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 753 | Trương Thị Tuyền      | 1984       | 361991632 | A46 KP9      | Bán vé số dạo      | không có định      | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 754 | Nguyễn Thị Bảo Trâm   | 09/02/1989 | 351893326 | A46 KP9      | Bán vé số dạo      | không có định      | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 755 | Phan Văn Minh Chuối   | 10/11/1988 | 62149097  | A46 T 12 KP9 | bốc vắc Không HDLD | Không có định      | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 756 | Đỗ Hoàng Quí          | 10/05/1996 | 363899792 | A51 KP9      | bốc vắc Không HDLD | Không có định      | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 757 | Trần Tuấn Anh         | 08/03/2001 | 272795985 | A25 KP9      | Xe ôm              | không có định      | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 758 | Vũ Quang Lương        | 05/10/1978 | 272599529 | 25 tổ 7 KP9  | Thu gom rác        | Tổ 7 KP9 P An Bình | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 759 | Nguyễn Phạm Hồng Nhân | 1991       | 301397894 | Tổ 7 -KP9    | bán trái cây       | Tổ 7 KP9 P An Bình | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 760 | Nguyễn Thị Xuân Mỹ    | 05/11/1958 | 270045767 | Tổ 7 -KP9    | Bán rau, củ, quả   | Chợ KP10           | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 761 | Trần Quang Vinh       | 08/09/1997 | 334868593 | Tổ 7 -KP9    | Chạy xe ôm         | không có định      | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                 |            |              |           |                    |                        |           |   |           |  |  |
|-----|-----------------|------------|--------------|-----------|--------------------|------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 762 | Ngô Trọng Sơn   | 02/11/1998 | 038098011573 | Tổ 7 -KP9 | bốc vắc Không HDLD | không cổ định          | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 763 | Lý Thành Long   | 03/04/1991 | 215261169    | Tổ 7 -KP9 | Chạy xe ôm         | không cổ định          | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 764 | Phan Trà Vĩnh   | 28/06/1988 |              | Tổ 7 -KP9 | bốc vắc Không HDLD | không cổ định          | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 765 | Lê Văn Lực      | 28/03/1995 | 174674910    | Tổ 7 -KP9 | Chạy xe ôm         | không cổ định          | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 766 | Mai Thanh Bình  | 1989       | 363576803    | Tổ 4 -KP9 | bốc vắc Không HDLD | không cổ định          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 767 | Nguyễn Văn Dũng | 1984       | 363664024    | Tổ 4 -KP9 | Bốc vắc không HDLD | Vina cà phê            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 768 | Lý Văn Hận      | 1985       | 381419381    | Tổ 4 -KP9 | bốc vắc Không HDLD | không cổ định          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 769 | Danh Nền        | 1979       | 370833998    | Tổ 4 -KP9 | Bốc vắc không HDLD | Cty Vina cà phê        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 770 | Trịnh Văn Chi   | 1966       | 381885416    | Tổ 4 -KP9 | Bốc vắc không HDLD | Cty Vina cà phê        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 771 | Lê Tấn Sỹ       | 1965       | 391631388    | Tổ 4 -KP9 | Bốc vắc không HDLD | Cty Vina cà phê        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 772 | Danh Thanh      | 1986       | 371185329    | Tổ 4 -KP9 | Bốc vắc không HDLD | Cty Vina cà phê        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 773 | Phạm Quốc Hà    | 01/04/1992 | 371726722    | Tổ 4 -KP9 | Bốc vắc không HDLD | Cty Vina cà phê        | 28/6/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 774 | Phạm Ngọc Trí   | 12/01/1987 | 08387000731  | Tổ 4 -KP9 | bán dĩa            | Không cổ định chợ KP10 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                  |            |           |                |                    |                        |           |   |           |  |  |
|-----|------------------|------------|-----------|----------------|--------------------|------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 775 | Bùi Văn Trọng    | 16/08/2002 | 352761585 | Tổ 4 - KP9     | Bán bánh cuốn dạo  | Không cố định chợ KP10 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 776 | Bùi Văn Hôn      | 19/09/1999 | 352449662 | Tổ 4 - KP9     | Phụ bán bánh cuốn  | Không cố định chợ KP11 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 777 | Võ Thị Kiều Oanh | 18/12/1976 | 271744258 | 158/1/24 KP10  | Bán cà phê         | Ngã tư Vũng Tàu        | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 778 | Cho Thị Mỹ Loan  | 1983       | 272079108 | KP10           | Bán nước giải khát | không cố định          | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 779 | Nguyễn Phi công  | 1985       |           | KP10           | Chạy xe ôm         | Không cố định          | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 780 | Nguyễn Vũ Sơn    | 12/09/1987 | 271178201 | 39A CX gỗ KP10 | Bán vé số dạo      | Không cố định          | 01/5/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

## 2. Phường Bửu Hòa

|     |                     |           |              |              |                           |                                    |           |   |           |  |  |
|-----|---------------------|-----------|--------------|--------------|---------------------------|------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 781 | Võ Thụy Cẩm Thảo    | 19/3/1983 | 271535103    | K1/103A, KP2 | cắt tóc                   | K1/103A, KP2                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 782 | Nguyễn Văn Tòng     | 15/4/1962 | 075062000712 | K4/88D, KP2  | bán vé số lưu động        | phường Bửu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 783 | Võ Thành Trung      | 1976      | 271290856    | K4/195, KP2  | bốc vác                   | khu vực phường Bửu Hòa             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 784 | Kiều Trọng Nhân     | 04/8/1997 | 381863481    | KP2          | bán hàng rong (hành, tỏi) | phường Bửu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 785 | Kiều Minh Út        | 1969      | 381029726    | KP2          | bán hàng rong (trái cây)  | chợ Hòa An, công sau Pouchen       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 786 | Ngô Thị Hồng Phương | 06/9/1990 | 271989814    | K4/285D, KP2 | làm nail                  | cơ sở làm đẹp Xinh Nguyễn, Tân Vạn | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |           |                |                                    |                |                               |           |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|-----------|----------------|------------------------------------|----------------|-------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 787 | Lê Thị Mỹ Tuyên      | 01/6/1984  | 212196221 | K4/219D, KP2   | uốn tóc                            | K4/219D, KP2   | trước công chùa Cao Đài       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 788 | Lâm Thị Phương Thảo  | 01/8/1985  | 271705173 | K4/107D, KP2   | bán cơm tấm vỉa hè                 | K4/107D, KP2   | K1/111, KP2, Bưu Hòa          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 789 | Huỳnh Thị Cẩm Vân    | 10/6/1969  | 270771735 | K4/122D, KP2   | giúp việc nhà                      | K4/122D, KP2   | Tân Ba, Bình Dương            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 790 | Quan Thị Tôn         | 1955       | 271990354 | K4/120, KP5    | phụ quán hủ tiếu                   | K4/120, KP5    | KP5, Bưu Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 791 | Võ Hồng Tâm          | 28/6/1982  | 271593422 | 531/63/2A, KP5 | giúp việc gia đình                 | 531/63/2A, KP5 | KP5, Bưu Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 792 | Dương Hồng Tuấn      | 08/02/1996 | 272457198 | 531/63/2A, KP5 | giúp việc gia đình                 | 531/63/2A, KP5 | Phường Thống Nhất, Biên Hoà   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 793 | Đặng Thị Ngọc Linh   | 23/8/1995  | 272466050 | K4/78, KP5     | giúp việc nhà                      | K4/78, KP5     | quán cà phê Mộc, đường 5      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 794 | Phan Văn Tâm         | 15/4/1954  | 270121679 | K4/37, KP5     | bảo vệ quán cà phê (không có HDLĐ) | K4/37, KP5     | Bưu Hòa                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 795 | Nguyễn Phương Bích   | 04/2/1969  | 271282603 | K4/115B, KP5   | giúp việc nhà                      | K4/115B, KP5   | nhà thờ Biên Hoà              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 796 | Trần Thị Thu Hiếu    | 15/6/1980  | 272437783 | K3/98, KP5     | phụ nấu bếp                        | K3/98, KP5     | shop Thailen Unisex, Biên Hoà | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 797 | Huỳnh Thị Mai Phương | 03/07/1999 | 272738391 | K4/72B, KP5    | phụ giúp việc gia đình             | K4/72B, KP5    | KP5, Bưu Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 798 | Nguyễn Thị Huyền     | 1967       | 270752219 | K4/55, KP5     | giúp việc nhà                      | K4/55, KP5     | quán Rừng Xanh, Hiệp Hòa      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 799 | Phạm Thành Đô        | 16/7/1979  | 272369545 | K4/82B, KP5    | phục vụ quán nhậu                  | K4/82B, KP5    |                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                      |            |           |             |                                           |                                        |           |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|-------------------------------------------|----------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 800 | Nguyễn Văn Phước     | 19/6/1960  | 270157842 | K4/91B, KP5 | bảo vệ quán bia<br>hơi (không có<br>HDLĐ) | bia hơi Huỳnh Đen,<br>Hiệp Hòa         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 801 | Phan Văn Kiển        | 29/3/1998  | 187752301 | Tổ 89, KP5  | thu gom phế liệu                          | Phường Bùn Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 802 | Đặng Mỹ Dung         | 04/9/1969  | 270887847 | K4/76D, KP5 | phụ bán nước<br>giải khát cần tin         | cty gỗ Long Việt,<br>Đi An Bình Dương  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 803 | Trần Thanh Bình      | 15/10/1981 | 312433063 | K4/56B, KP5 | bán hàng rong<br>(bán cá và rau)          | tưóc cty Taiwan,<br>Long Bình          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 804 | Lý Thị Hồng Vân      | 1979       | 272379820 | K4/55A, KP5 | bán vé số lưu<br>động                     | Tp. Biên Hoà                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 805 | Nguyễn Văn Lâm       | 1980       | 370841205 | K4/36, KP5  | giúp việc gia<br>đình (làm vườn)          | KP5, Bùn Hoà                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 806 | Trần Thị Ngọc Huỳnh  | 1996       | 272647843 | K1/65, KP4  | phụ bán cần tin<br>trung trường           | Trường Trần Văn<br>On,<br>KP5, Bùn Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 807 | Nguyễn Hồ Anh Tuấn   | 13/12/1997 | 272610885 | K3/18G, KP4 | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách          | TP.HCM                                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 808 | Võ Huy Trường        | 12/01/1973 | 271043247 | K4/14C, KP4 | bốc vác (bốc xếp<br>gạch)                 | khu vực Bùn Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 809 | Lê Thị Lang          | 13/11/1958 | 270150851 | K1/7, KP4   | bán hàng rong<br>(bán xôi)                | chợ Bùn Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 810 | Nguyễn Thị Hoàng Hoa | 19/02/1970 | 271116953 | K3/21B, KP4 | bán vé số lưu<br>động                     | phường Bùn Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 811 | Nguyễn Kim Hoàng     | 20/10/1960 | 270005869 | K2/21, KP4  | giúp việc nhà                             | phường Tam Hiệp                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 812 | Lê Văn Phái          | 1989       | 371610608 | K4/12B, KP4 | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách          | không cố định                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |              |            |                                      |                            |           |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|--------------|------------|--------------------------------------|----------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 813 | Trần Kim Tuyến       | 08/8/1967  | 270750015    | K3/18, KP4 | phụ quán cơm                         | phường An Hòa              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 814 | Lương Hoàng Minh     | 08/9/1990  | 790005971    | K4/33, KP4 | bốc vắc                              | không cố định              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 815 | Nguyễn Thị Bích Dung | 1975       | 271142617    | K3/1C, KP4 | giúp việc nhà                        | K4/10B, KP4                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 816 | Võ Văn Vân           | 7/7/1994   | 281059315    | KP4        | bốc vắc hàng trong kho lên Container | kho TBS, Dĩ An, Bình Dương | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 817 | Trần Hữu Phát        | 10/1/2000  | 281263440    | KP4        | bốc vắc hàng trong kho lên Container | kho TBS, Dĩ An, Bình Dương | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 818 | Phùng Bá Dũng        | 15/1/1982  | 038082021506 | K4/30, KP4 | thu gom phế liệu                     | phường Bửu Hòa             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 819 | Nguyễn Thị Hải       | 25/11/1982 | 272915481    | K4/30, KP4 | thu gom phế liệu                     | phường Bửu Hòa             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 820 | Lê Thị Thanh         | 15/1/1961  | 270168353    | K4/28, KP4 | bán đồ ăn sáng (bán hủ tiếu)         | cổng sau Taiwan, Bửu Hòa   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 821 | Phạm Thị Anh         | 15/4/1965  | 210966869    | K4/10, KP4 | giúp việc nhà                        | KP4, Bửu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 822 | Đặng Thị Thu Hiền    | 6/10/1995  | 215292767    | K4/10, KP4 | giúp việc nhà                        | KP5, Bửu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 823 | La Phương Duy        | 7/3/1989   | 27219622     | K1/6, KP4  | bán bánh hot dog trên vỉa hè         | Dĩ An, Bình Dương          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 824 | Lê Thị Hồng Huỳnh    | 17/3/1962  | 270150452    | K1/6, KP4  | bán bánh hot dog trên vỉa hè         | Bửu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 825 | Quách Thị Trúc       | 15/5/1990  | 363591321    | K1/6, KP4  | bán khoai tây lắc vỉa hè             | Dĩ An, Bình Dương          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                     |            |             |                              |                                                           |                                              |           |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 826 | La Thanh Vân        | 16/1/1984  | 271698140   | K1/6, KP4                    | bán bánh hot<br>dog trên vỉa hè                           | Bưu Hòa                                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 827 | Nguyễn Duy Hưng     | 15/7/1964  | 270641998   | đỉnh<br>Nguyễn Trí<br>Phương | bán vé số lưu<br>động                                     | Bưu Hòa                                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 828 | Lê Thị Ngọc Đoàn    | 9/8/1957   | 270008550   | K1/63E, KP4                  | bán trâu cau,<br>sương sâm<br>vía hè chợ                  | chợ Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 829 | Nguyễn Bá Tân       | 14/11/1993 | 272369145   | 533/17/26, KP4               | nhân viên phục<br>vụ (không có<br>HDLĐ)                   | Karaoke Kim<br>Song, Biên Hoà                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 830 | Lê Thanh Hào        | 14/4/1979  | 272224243   | K1/73, KP4                   | thu gom phế liệu                                          | Bưu Hòa                                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 831 | Phạm Lê Diễm Quỳnh  | 24/12/2001 | 272806511   | K2/2A, KP4                   | giúp việc nhà                                             | Shop Hàng Baby,<br>Thanh Bình                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 832 | Lê Hùng Nhân        | 17/7/1979  | 271471036   | K2/2A, KP4                   | tài xế vận<br>chuyển hàng hóa<br>thuê (giao bình<br>gas). | K2/2A, KP4                                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 833 | Phạm Thị Thanh Thùy | 29/10/1989 | 272740789   | K4/30, KP4                   | làm nail                                                  | K4/30, KP4                                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 834 | Trịnh Minh Khoa     | 26/3/2001  | 272836000   | K2/64, KP4                   | phục vụ bàn                                               | nhà hàng Cỏ Dầu/<br>Ngọc Hoa Trang           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 835 | Nguyễn Thị Tuyết    | 14/3/1965  | 75165000984 | K2/65, KP4                   | phụ bếp (không<br>có HDLĐ)                                | nhà trẻ Tuổi Trẻ-<br>Đồng Hòa, Bình<br>Dương | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 836 | Trịnh Kim Sa        | 3/5/1969   | 75169000931 | K2/64, KP4                   | thu gom phế liệu                                          | Bình Dương                                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 837 | Nguyễn Văn Quyền    | 10/4/1994  | 276032287   | 533/17/62, KP4               | cắt tóc nam                                               | K1/129B, KP4                                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 838 | Lê Thị Kim Ngân     | 6/4/1994   | 276023895   | 533/17/62, KP4               | cắt tóc nữ                                                | K1/129, KP4                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |           |             |                                        |                                 |           |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------|----------------------------------------|---------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 839 | Trần Ngọc Phương      | 1963       | 310460454 | K1/79A, KP4 | bán hàng rong<br>(bóng kiếng dạo)      | Bưu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 840 | Lê Thị Ninh           | 10/9/1955  | 270150741 | K1/65, KP4  | thu gom phế liệu                       | Bưu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 841 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | 26/9/1970  | 270869010 | K1/68, KP4  | phụ nấu ăn tiệc<br>cưới                | Phường Quyết<br>Thắng, Biên Hoà | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 842 | Đặng Thành Dự         | 30/6/1964  | 272299326 | K1/76, KP4  | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách       | Bưu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 843 | Trần Thị Danh         | 1955       | 270150937 | K1/67, KP4  | làm nail dạo                           | Bưu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 844 | Nguy Sang             | 23/6/1983  | 271535067 | K1/60, KP4  | chở hàng hóa<br>thuê bằng xe 2<br>bánh | Bưu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 845 | Huỳnh Hoàng Sơn       | 20/3/1966  | 270670587 | K1/80B, KP4 | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách       | Bưu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 846 | Trần Thị Thơm         | 5/5/1958   | 270056248 | K1/67, KP4  | bán cơm                                | cổng sau Pouchen                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 847 | Nguyễn Thị Thu Nhi    | 17/11/1969 | 272445243 | K1/112, KP4 | giúp việc nhà                          | Bưu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 848 | Nguyễn Mạnh Huy       | 7/10/1968  | 271401532 | K1/112, KP4 | cắt tóc                                | 154, KP3, Quyết<br>Thắng        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 849 | Huỳnh Thị Yến Nhi     | 22/11/1991 | 272098812 | K4/12C, KP4 | bán hàng rong<br>(bán bánh cam )       | Bưu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 850 | Trần Thị Bích Hồng    | 15/11/1975 | 271966734 | K4/12B, KP4 | bán cơm tấm vỉa<br>hè                  | Bưu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 851 | Ngô Vương Thanh Thủy  | 26/4/1981  | 271671538 | K4/12C, KP4 | phụ bán bánh mì                        | cổng viên Quyết<br>Thắng        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



11.11.2021

|     |                      |            |              |                      |                                         |                                         |           |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 852 | Phạm Thị Hà          | 19/3/1951  | 075151000230 | K4/17K, KP4          | bán nón, khâu<br>trang vỉa hè           | chợ Bưu Hòa                             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 853 | Nguyễn Thị Phương    | 29/1/1975  | 290530603    | K4/16, KP4           | giúp việc nhà                           | rèn chữ cô Khánh,<br>K2/32A, KP1        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 854 | Lâm Bảo Hân          | 27/11/1998 | 272735726    | K1/20, KP4           | thợ nail                                | K1/88, KP3                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 855 | Huỳnh Thị Mai        | 1966       | 363796660    | K4/33, KP4           | giúp việc nhà                           | KP2, Bưu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 856 | Nguyễn Minh Cường    | 13/1/1985  | 271657544    | K1/112, KP4          | cắt tóc                                 | Tiệm Huy, 154,<br>KP3,<br>Quyết Thắng   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 857 | Nguyễn Thị Thủy      | 26/12/1972 | 186820811    | K4/33, tổ 81,<br>KP4 | thu gom phế liệu                        | không cố định                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 858 | Đỗ Thị Mai           | 02/4/1973  | 271233580    | hẻm 553, tổ 82       | cắt tóc                                 | hẻm 553, tổ 82                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 859 | Trần Thị Lan         | 05/5/1977  | 272895721    | K4/12B, KP4          | giúp việc nhà                           | Bưu Hòa                                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 860 | Dặng Ngọc Linh       | 9/7/1990   | 272193847    | K4/27G, KP4          | giao hàng công<br>nghệ (shipper)        | Biên Hoà                                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 861 | Võ Ngọc Hiệp         | 2/1/1973   | 271043103    | K4/20B, KP4          | vận chuyển hàng<br>hóa thuê             | Bình Dương                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 862 | Cao Thị Út           | 1/9/1952   | 270157343    | K2/17, KP4           | bán nước mắm<br>vía hè                  | K2/17, KP4                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 863 | Bùi Diệp Hồng        | 24/12/1963 | 270150279    | K1/107, KP4          | giúp việc nhà                           | Bưu Hòa                                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 864 | Nguyễn Thị Huỳnh Như | 29/7/1996  | 362435649    | K4/33, KP4           | nhân viên phục<br>vụ (không có<br>HDLĐ) | Karaoke Hoàng<br>Kim<br>Nguyễn, Bưu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |              |             |                                   |                                   |           |   |           |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|-------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------|---|-----------|--|
| 865 | Phạm Phương Kiều Ngọc | 29/6/1993  | 272358225    | K4/20, KP4  | bán cà phê vỉa hè (mang đi)       | Biên Hoà                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 866 | Võ Thị Phương Trúc    | 23/9/1997  | 092197002579 | K4/33, KP4  | nhân viên phục vụ (không có HDLD) | Karaoke Hoàng Kim Nguyễn, Bưu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 867 | Võ Nguyễn Trúc Viên   | 8/7/1991   | 272119790    | K1/9A, KP4  | phụ bếp                           | Song Phụng quán                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 868 | Huỳnh Thanh Trang     | 18/10/1985 | 271730029    | K1/99C, KP4 | rửa chén quán hủ tiếu             | Bưu Hòa                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 869 | Huỳnh Minh Hùng       | 27/1/1962  | 270157001    | K1/99C, KP4 | bốc vác tại lò heo                | Bưu Hòa                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 870 | Lê Văn Lành           | 22/6/1978  | 271371166    | K3/24, KP4  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách     | Bưu Hòa                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 871 | Đoàn Thị Thanh Hà     | 13/2/1975  | 271248439    | K3/21, KP4  | phụ bán hủ tiếu                   | KP5, Bưu Hòa                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 872 | Đoàn Thị Hoa Lan      | 15/10/1969 | 270892723    | K3/23C, KP4 | thợ uốn tóc, nail                 | K3/23C, KP4                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 873 | Nguyễn Văn Phương     | 29/8/1963  | 270451144    | KP3         | bán vé số lưu động                | Bưu Hòa                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 874 | Hồ Thị Như Pha        | 25/2/1988  | 024803489    | K3/17, KP4  | bán hàng rong (cơm học sinh)      | Bưu Hòa                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 875 | Đoàn Thị Thanh Xuân   | 03/6/1977  | 271323009    | K2/6A, KP4  | phục vụ quán (không có HDLD)      | hoa viên Song Phụng               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 876 | Đoàn Minh Quân        | 25/3/1991  | 272184244    | K2/6A, KP4  | phục vụ quán (không có HDLD)      | hoa viên Song Phụng               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 877 | Nguyễn Thị Ngọc Sương | 17/11/1980 | 271535026    | K2/22B, KP4 | dọn dẹp vệ sinh (không có HDLD)   | city baskee pratner, Biên Hoà     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |



|     |                       |            |           |             |                                   |                             |           |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 878 | Trần Văn Hòa          | 17/5/1961  | 270157397 | K1/95A, KP4 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách     | Bưu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 879 | Nguyễn Thị Trúc Thanh | 09/11/1982 | 271471011 | K1/85B, KP4 | bán hàng rong (gà nướng, xôi)     | Bưu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 880 | Nguyễn Văn Mạnh       | 17/1/1956  | 271599078 | K4/14, KP4  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách     | Phường Quyết Thắng          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 881 | Nguyễn Diệp Thu Trang | 10/10/1995 | 321512382 | K4/33, KP4  | nhân viên phục vụ (không có HDLE) | nhà hàng The Venus, Bưu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 882 | Nguyễn Văn Quý        | 10/7/1957  | 270161538 | K1/95, KP4  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách     | Bưu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 883 | Trịnh Minh Hạnh       | 19/7/1972  | 271442270 | K4/33, KP4  | giúp việc nhà                     | Bưu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 884 | Lê Thị Huyền          | 11/3/1994  | 272388435 | K4/33, KP4  | bán hàng rong (bán dừa)           | Bưu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 885 | Lưu Thị Quỳnh         | 13/10/1998 | 174632473 | K4/33, KP4  | phục vụ quán lẩu                  | lẩu dê 668, Bưu Hòa         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 886 | Đỗ Thị Hồng           | 28/7/1953  | 270150980 | K4/33, KP4  | phụ nấu đảm tiệc                  | Bưu hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 887 | Lê Thị Thu Vân        | 08/10/1953 | 270951568 | K4/11, KP4  | bán vé số lưu động                | Bưu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 888 | Trương Thị Thanh Mai  | 08/12/1958 | 270157924 | K4/6, KP4   | giúp việc nhà                     | Bưu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 889 | Huỳnh Thị Liên        | 30/1/1960  | 270163090 | K4/8, KP4   | giúp việc nhà                     | Hóa An                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 890 | Nguyễn Thị Phương     | 13/9/1977  | 271263451 | K4/33, KP4  | bán nước cam, cà phê vỉa hè       | Bưu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |              |              |                                 |                        |           |   |           |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|--------------|---------------------------------|------------------------|-----------|---|-----------|--|
| 891 | Lăng Ngọc Hùng        | 10/2/1967  | 270750830    | K4/11C, KP4  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách   | Bừu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 892 | Nguyễn Thụy Thanh Tâm | 23/9/1982  | 271460252    | K4/11, KP4   | bán cá phiê via hè              | hẻm 553, Bửu Hữu Nghĩa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 893 | Dương Văn Tuấn        | 20/7/1970  | 270934895    | hẻm 553, KP4 | bán cá via hè                   | đầu cầu Bửu Hòa        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 894 | Nguyễn Thị Áu Mai     | 1954       | 340018894    | K4/11C, KP4  | bán vé số lưu động              | Bừu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 895 | Đào Thanh Nhã         | 19/11/2001 | 342081048    | K4/11C, KP4  | tải xé vận chuyển hàng hóa thuê | K2/59, KP3, Bửu Hòa    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 896 | Trương Nho Tú         | 20/1/1969  | 272729423    | K4/11, KP4   | bốc vác (gạch)                  | Bừu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 897 | Nguyễn Thị Liễu       | 7/4/1976   | 361596308    | K4/11, KP4   | phụ bán cơm                     | Bừu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 898 | Bùi Viết Thành        | 10/7/1993  | 037093006086 | K4/6B, KP4   | tải xé vận chuyển hàng hóa thuê | Hố Nai                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 899 | Nguyễn Thị Thủy Trinh | 12/2/1985  | 271737905    | K1/9A, KP4   | phụ bếp                         | hoa viên Song Phụng    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 900 | Vũ Thị Hoàng Anh      | 2/9/2000   | 272719345    | K1/98, KP4   | phụ quán nhậu                   | phường Bình Đa         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 901 | Phạm Văn Cường        | 16/1/1961  | 270750142    | K1/118, KP4  | bán vé số lưu động              | Bừu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 902 | Châu Ngọc Dung        | 1950       | 381427007    | K4/15D, KP4  | giữ trẻ tại phòng trọ           | K4/15D, KP4            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 903 | Thạch Cảnh Dự         | 20/6/1979  | 212035352    | K1/41, KP4   | bán hủ tiếu                     | K1/41, KP4             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |





|     |                     |            |           |               |                                              |                                |           |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-----------|---------------|----------------------------------------------|--------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 904 | Phạm Quan Long      | 03/11/1973 | 271248395 | K1/23B, KP4   | chạy xe 3 bánh<br>chở hàng                   | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 905 | Nguyễn Văn Dũng     | 14/10/1967 | 270709464 | K1/6, KP4     | chạy xe 3 bánh<br>chở hàng                   | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 906 | Mai Quốc Đạt        | 15/10/1984 | 271698198 | K1/9A, KP4    | phụ nấu ăn<br>(không có<br>HDLĐ)             | hoa viên Song<br>Phụng         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 907 | Võ Cẩm Loan         | 31/7/1978  | 271290841 | K1/38, KP4    | bán hàng rong<br>(cá viên chiên,<br>bắp xào) | trước trường Trần<br>Văn Ôn    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 908 | Đỗ Kim Lộc          | 20/10/1971 | 270948278 | K1/38A, KP4   | bán thịt heo lẻ<br>đường                     | chợ nhỏ dốc sỏi,<br>Bưu Hòa    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 909 | Nguyễn Thị Liên     | 1972       | 271348501 | K4/11D, KP4   | giúp việc nhà,<br>chạy xe ôm                 | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 910 | Nguyễn Tuấn Sơn     | 01/01/1980 | 271364755 | K1/41, KP4    | chạy xe 3 bánh<br>chở hàng                   | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 911 | Võ Thị Nguyễn       | 01/01/1954 | 270150804 | K1/41, KP4    | phụ nấu ăn đám<br>tiệc                       | nấu dân Song<br>Phụng          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 912 | Nguyễn Thị Công     | 07/4/1959  | 270150950 | 557/9/2A, KP4 | giúp việc nhà                                | K2/37, KP4, Bưu<br>Hòa         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 913 | Trần Ngọc Châu      | 12/4/1979  | 272834058 | K1/39, KP4    | phụ quán nem<br>nướng                        | quán Hồng Hòa,<br>KP1, Bưu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 914 | Trần Thanh Trà      | 10/11/1976 | 211947360 | K4/33, KP4    | bốc vắc                                      | không có định                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 915 | Nguyễn Thị Gái      | 08/12/1956 | 270150763 | K1/39, KP4    | giúp việc nhà                                | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 916 | Nguyễn Thị Bé Hương | 02/2/1983  | 272740459 | K4/310, KP4   | cắt tóc                                      | K4/310, KP4                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                    |            |           |              |                               |                           |           |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------------|-----------|--------------|-------------------------------|---------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 917 | Nguyễn Thị Cúc     | 10/12/1961 | 270150805 | K1/99C, KP4  | bán vé số lưu động            | Bừu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 918 | Nguyễn Thị Găng    | 1966       | 316520109 | K4/15D, KP4  | giúp việc nhà                 | K4/16, KP4                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 919 | Đặng Ngọc Luân     | 09/6/1984  | 271737725 | K4/27G, KP4  | bốc vắc                       | không cố định             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 920 | Nguyễn Bích Như    | 1988       | 385405184 | K3/12, KP4   | uốn tóc                       | KP4, Bừu Hòa              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 921 | Đỗ Cao Luận        | 20/1/1978  | 271292084 | K1/107, KP4  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | không cố định             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 922 | Lê Thị Dung        | 1955       | 270081199 | K1/99A, KP4  | bán bún mọc                   | KP5, Bừu Hòa              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 923 | Lâm Hoàng Tâm      | 1966       | 271104426 | K1/103C, KP4 | thu gom phế liệu              | không cố định             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 924 | Thái Thị Thanh Tâm | 12/12/1984 | 271657627 | K1/92C, KP4  | bán hàng rong (dồ gia dụng)   | tại các chợ ở Biên Hoà    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 925 | Mai Thị Phương     | 12/3/1987  | 271737910 | K1/85B, KP4  | làm nail                      | K1/85B, KP4               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 926 | Lê Kim Ván         | 1953       | 270150979 | K1/92C, KP4  | bán hàng rong (rau củ)        | trước cty Pouchen, Hòa An | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 927 | Đỗ Thị Kim Ngân    | 10/8/1988  | 272019925 | K1/91, KP4   | bán bánh xèo                  | KP5, Bừu Hòa              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 928 | Trần Tấn Trị       | 24/2/1970  | 272378702 | K4/14C, KP4  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Quyết Thắng               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 929 | Nguyễn Văn Vĩnh    | 03/5/1985  | 264254026 | K4/33, KP4   | bốc vắc                       | không cố định             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                       |            |              |             |                                                  |                                |           |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|-------------|--------------------------------------------------|--------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 930 | Lê Thị Thanh Hương    | 07/6/1975  | 271248455    | K4/12, KP4  | bốc vắc                                          | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 931 | Vũ Thị Thu            | 11/9/1958  | 079158007773 | K4/11, KP4  | giúp việc nhà                                    | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 932 | Huỳnh Võ Hoàng Yến    | 21/2/2002  | 272807856    | K1/38, KP4  | bán hàng rong<br>(gọi cuốn và<br>gọi du du)      | canh trường học<br>Trần Văn Ôn | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 933 | Thái Trường Chính     | 29/8/1979  | 27132309     | K4/11C, KP4 | bốc vắc                                          | không có định                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 934 | Bành Phú Tài          | 3/5/1993   | 272224401    | K3/83B, KP3 | bán cá viên<br>chiến vỉa hè                      | K3/83B, KP3                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 935 | Trần Ngọc Hùng        | 22/7/1995  | 272470798    | K3/14B, KP3 | hương dân viên<br>du lịch<br>(không có<br>HDL D) | Biên Hoà                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 936 | Trần Ngọc Thảo        | 29/5/1994  | 272338314    | K3/14B, KP3 | cắt, uốn tóc, nail                               | K3/14, KP3                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 937 | Trần Thị Ngọc Hương   | 20/9/1988  | 271891551    | K3/14B, KP3 | bán bánh mì                                      | K3/14B, KP3                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 938 | Hoàng Thị Mỹ Xuân     | 3/8/1983   | 271524982    | K2/83A, KP3 | uốn tóc                                          | K3/83, KP3                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 939 | Nguyễn Trang Minh Thy | 29/12/2002 | 075002002446 | K2/84, KP3  | phụ tiệm tóc                                     | K2/83E, KP3                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 940 | Võ Thị Mỹ Vân         | 29/5/1983  | 075183003118 | K3/33, KP3  | giữ trẻ tại nhà                                  | K3/33, KP3                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 941 | Trần Thị Duyên        | 1950       | 270363530    | K3/14, KP3  | phụ bếp                                          | quán nhậu 368,<br>Bưu Hòa      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 942 | Trần Thị Lan          | 14/9/1980  | 271415916    | K3/14, KP3  | bán quán nhậu                                    | quán nhậu 368,<br>Bưu Hòa      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |              |             |                                  |                                    |           |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|--------------|-------------|----------------------------------|------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 943 | Trần Thị Quốc        | 3/12/1974  | 271248313    | K3/14, KP3  | phụ bếp                          | quán nhậu 368,<br>Bửu Hòa          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 944 | Nguyễn Phương Trường | 3/3/1973   | 271362999    | K2/16, KP3  | lái xe mô tô 2<br>bánh chờ khách | Ngã tư Cầu Hang                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 945 | Đỗ Thị Tươi          | 20/5/1958  | 270165129    | K5/2, KP3   | bán vé số lưu<br>động            | Bửu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 946 | Vô Thị Hương         | 1953       | 270590463    | K5/46B, KP3 | phụ quán hủ tiếu                 | tiệm hủ tiếu Bà<br>Bảy,<br>Bửu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 947 | Ngô Thị Huệ          | 1/1/1971   | 240451841    | hẻm 51, KP3 | giúp việc gia<br>đình            | đường Đ10, Thống<br>Nhất           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 948 | Đặng Văn Tâm         | 1967       | 365620297    | KP3         | bán vé số lưu<br>động            | Bửu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 949 | Nguyễn Văn Đồng      | 26/8/1984  | 212209268    | K5/33, KP3  | bán hàng rong<br>(dừa tươi)      | Bửu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 950 | Trần Thị Duyên       | 14/8/1987  | 038187001137 | K5/33, KP3  | bán hàng rong<br>(nón vải)       | Bửu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 951 | Nguyễn Thanh Phương  | 6/3/1961   | 270163024    | K4/52, KP3  | bán cà phê tại<br>nhà            | K4/52, KP3                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 952 | Đỗ Thị Thu Tâm       | 1/1/1963   | 086163009190 | K3/56, KP3  | bán vé số lưu<br>động            | Bửu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 953 | Nguyễn Bình Minh     | 25/11/1994 | 272489504    | K4/52, KP3  | bán hàng rong<br>(thảm chân)     | Bửu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 954 | Phan Thị Ngọc Huyền  | 23/12/2001 | 079301029302 | KP3         | phụ bán quán trà<br>sữa          | Trà sữa Alley, Hòa<br>An           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 955 | Cao Thị Lợi          | 1/1/1955   | 270046920    | K2/35A, KP3 | phụ quán cơm                     | quán cơm Phương,<br>Bửu<br>Hòa     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                           |            |              |              |                                    |                                |           |   |           |  |  |
|-----|---------------------------|------------|--------------|--------------|------------------------------------|--------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 956 | Nguyễn Thị Hồng Ngọc      | 20/7/2001  | 272806360    | K2/34A, KP3  | phụ bán hủ tiếu                    | K2/14, KP3                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 957 | Nguyễn Thị Kim Anh        | 13/7/1965  | 280421702    | K4/66, KP3   | bán hàng rong<br>(rau củ)          | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 958 | Nguyễn Minh Trung         | 1/1/1971   | 092071003879 | K5/21D, KP3  | bán vé số lưu<br>động              | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 959 | Nguyễn Thị Lý             | 3/6/1946   | 270163321    | K4/47, KP3   | bán hàng rong<br>(bún riêu)        | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 960 | Tiết Ngọc Lan             | 1/6/1969   | 079169013516 | KP3          | giúp việc nhà                      | 1/1, KP4, Bưu<br>Long          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 961 | Huỳnh Thị Bé              | 1/1/1966   | 272119869    | K4/33, KP3   | bán vé số lưu<br>động              | cồng sau pouchen               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 962 | Bùi Thị Yến Nhi           | 13/2/1991  | 272039784    | K1/19, KP3   | uốn tóc, nail                      | K1/19, KP3                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 963 | Nguyễn Thị Thanh<br>Thanh | 20/4/1966  | 270666575    | K4/34, KP3   | thu gom phế liệu                   | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 964 | Khưu Thị Lệ Thu           | 9/9/1965   | 270670178    | K5/72, KP3   | bán sữa đậu nành                   | cây xăng Cầu Hang              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 965 | Nguyễn Thành Sang         | 14/9/1961  | 270163918    | K1/5B, K3    | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách   | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 966 | Trần Thị Kim Tiên         | 20/11/1990 | 272203567    | 13/4/9C, KP3 | phụ làm bánh<br>(không có<br>HDLĐ) | tiệm bánh Sầu Sầu,<br>Biển Hoà | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 967 | Nguyễn Thị Thanh Nga      | 6/6/1962   | 270163875    | K3/44, KP3   | phụ quán cơm                       | K5/31B, KP3                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 968 | Hồ Thị Tư                 | 21/9/1964  | 270670714    | K1/33, KP3   | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách   | thuốc tây Minh<br>Hoàng        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |              |             |                                           |                                       |           |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|-------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 969 | Đỗ Tấn Vàng           | 2/12/1960  | 270150773    | K5/31G, KP3 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách             | Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 970 | Ngô Thị Gái           | 1/1/1963   | 280269568    | K5/31G, KP3 | bán vé số lưu động                        | Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 971 | Phạm Thanh Nga        | 20/10/1962 | 271812891    | K3/42, KP3  | giúp việc nhà                             | K3/46, KP3                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 972 | Nguyễn Thị Thanh Tháo | 6/2/1973   | 048173001014 | K1/52, KP3  | làm nail                                  | tiệm Vy Anh                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 973 | Trần Thị Mộng Tuyền   | 9/10/1977  | 092177001555 | K5/10C, KP3 | bán vé số lưu động                        | Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 974 | Nguyễn Văn Sinh       | 1/10/1963  | 270369523    | K5/40B, KP3 | bán vé số lưu động                        | Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 975 | La Ngọc Cẩm           | 29/9/1954  | 270157072    | K5/40B, KP3 | bán vé số lưu động                        | Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 976 | Trương Quốc Cường     | 7/4/1980   | 271458874    | K5/17, KP3  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách             | Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 977 | Nguyễn Hồng Huệ       | 22/12/1962 | 270366790    | K3/85, KP3  | vận chuyển hàng hóa thuê (không có HDL Đ) | Công ty TNHH dịch vụ thương mại Lê Mỹ | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 978 | Trần Văn Hữu          | 1970       | 272544960    | K2/25, KP3  | bán vé số lưu động                        | Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 979 | Huỳnh Thị Kim Liễu    | 22/7/1971  | 271006987    | K2/47, KP3  | bán đồ ăn sáng (hủ tiếu mì)               | K2/47, KP3                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 980 | Lê Thị Ngân           | 1988       | 363527368    | K2/71, KP3  | giúp việc nhà                             | KP3, Bừu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 981 | Đoàn Đình Quán        | 7/7/1980   | 271364915    | H5/12, KP3  | giữ xe phòng Gym                          | Phòng gym HD-SPORT, Bừu Hòa           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                       |            |              |             |                                  |                                          |           |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|-------------|----------------------------------|------------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 982 | Hoàng Thị Loan        | 30/3/1966  | 034166008142 | K5/22, KP3  | bán đồ ăn sáng<br>(hũ túu mì)    | K5/22, KP3                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 983 | Trương Quốc Bình      | 1/11/1988  | 271898224    | K5/41A, KP3 | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | bến xe Cầu Hàng                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 984 | Nguyễn Thị Diễm My    | 25/4/2003  | 272944673    | K5/44, KP3  | phụ quán cà phê                  | cà phê Bali, Bưu<br>Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 985 | Nguyễn Thị Hương      | 1957       | 272388489    | K1/66, KP3  | phụ quán phở                     | K2/63, KP3                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 986 | Võ Thị Thúy           | 1968       | 320699517    | K1/87A, KP3 | bán vé số lưu<br>động            | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 987 | Trịnh Thị Tuyết Thanh | 25/8/1970  | 272299128    | K3/80A, KP3 | bán vé số lưu<br>động            | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 988 | Trần Văn Nhung        | 21/5/1959  | 270750224    | K5/1C, KP3  | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Biển Hoà                                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 989 | Nguyễn Thị Lan        | 1949       | 270163512    | K4/34, KP3  | thu gom phế liệu                 | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 990 | Nguyễn Thị Lan Thanh  | 1966       | 300492801    | K5/43A, KP3 | giúp việc nhà                    | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 991 | Nguyễn Văn Chuyên     | 1/1/1975   | 270892816    | K2/36B, KP3 | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 992 | Lê Thị Ngọc Dung      | 17/11/1985 | 272970956    | K4/46, KP3  | phụ quán lẩu                     | quán lẩu bò Bảy<br>Cung                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 993 | Phạm Thị Lệ Hồng      | 25/9/1972  | 272337149    | K4/35, KP3  | phụ quán lẩu                     | quán lẩu bò Bảy<br>Cung                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 994 | Nguyễn Thị Kim Hoàng  | 20/10/1963 | 272993673    | K2/25B, KP3 | phụ nấu ăn<br>(không có<br>HDLĐ) | trường mầm non<br>Anh<br>Sao, Bình Dương | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                    |            |           |              |                                 |                                  |           |   |           |  |
|------|--------------------|------------|-----------|--------------|---------------------------------|----------------------------------|-----------|---|-----------|--|
| 995  | Quản Kiều Lợi      | 23/8/1966  | 270666573 | K2/70, KP3   | bán phở                         | KP3, Bưu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 996  | Tăng Thị Thuận     | 1955       | 365189460 | K3/41, KP3   | bán vé số lưu động              | Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 997  | Trần Thị Bằng      | 1/1/1969   | 361205499 | KP3          | phụ bếp (không có HDLD)         | trường mầm non Sao Khuê, Bưu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 998  | Nguyễn Thị Huệ     | 17/4/1967  | 270709293 | K2/70E, KP3  | dọn dẹp vệ sinh (không có HDLD) | công ty giải trí Mười Chín       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 999  | Huỳnh Thị Thu Vân  | 12/7/1968  | 350781416 | K3/41, KP3   | giúp việc nhà                   | Biển Hoà                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1000 | Phan Bá Niêm       | 2/12/1965  | 270849897 | K2/38, KP3   | hớt tóc                         | Tiệm hớt tóc Anh Tài             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1001 | Lê Công Trọng      | 1/7/1970   | 270858536 | K4/34, KP3   | lái xe mô tô 2 bánh chở khách   | Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1002 | Thái Hữu Hiệp      | 1/10/1955  |           | K5/012E, KP3 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách   | Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1003 | Cao Thị Hoài Mỹ    | 29/10/1957 | 270163267 | K5/17H, KP3  | bán bánh mì                     | Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1004 | Phan Thị Ngọc Giàu | 13/2/1962  | 272648099 | K2/54H, KP3  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách   | KP3, Bưu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1005 | Nguyễn Văn Chính   | 1970       | 331672876 | K5/40B, KP3  | bán vé số lưu động              | Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1006 | Phạm Thị Kim Phụng | 15/1/1965  | 270666898 | K4/34, KP3   | bán hàng rong (hoa)             | Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1007 | Hoàng Nhất Trí     | 19/7/1986  | 024276208 | K3/42A, KP3  | cắt tóc                         | K3/42A, KP3                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |



|      |                    |            |              |             |                               |                                          |           |   |           |  |  |
|------|--------------------|------------|--------------|-------------|-------------------------------|------------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1008 | Trần Thị Phúc      | 10/2/1992  | 025628187    | K3/42A, KP3 | cắt tóc                       | K3/42A, KP3                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1009 | Lê Thị Minh Phương | 12/3/1957  | 270163952    | K5/40B, KP3 | bán vé số lưu động            | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1010 | Lương Minh Nhật    | 1/4/1990   | 271949861    | K5/40B, KP3 | bán vé số lưu động            | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1011 | Nguyễn Thị Thủy    | 28/10/1971 | 079171010622 | K3/23, KP3  | giúp việc nhà hàng            | Jun Jun Thái, Biên Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1012 | Nguyễn Thị Hà      | 1959       | 280232255    | K1/111, KP3 | phụ quán bún riêu             | quán bún riêu, nem nướng Chí Lý, Bưu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1013 | Trần Thị Kim Anh   | 19/6/2000  | 272828052    | K2/32A, KP3 | phụ quán nhậu                 | quán nhậu Năm Liễu                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1014 | Lê Thị Xuân        | 1937       | 270062391    | KP3         | bán vé số lưu động            | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1015 | Lê Thị Bích Hạnh   | 8/3/1985   | 272330734    | K1/90D, KP3 | cắt-uốn tóc                   | K1/90D, KP3                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1016 | Nguyễn Thị Chính   | 1963       | 270153099    | K1/97, KP3  | giúp việc cho phòng Yoga      | Yoga Biên Hoà, 55 Võ Thị Sáu, Biên Hoà   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1017 | Trịnh Văn Vân      | 10/5/1959  | 270463230    | K2/53B, KP3 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Ngã tư Cầu Hàng                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1018 | Phạm Chu Ngọc      | 10/9/2002  | 272917394    | K3/54E, KP3 | phục vụ quán ăn gia đình      | quán Bò Hổ, Hiệp Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1019 | Trần Thị Thu Hằng  | 16/3/1967  | 270750112    | K3/76, KP3  | giúp việc nhà                 | K3/66, KP3, Bưu Hòa                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1020 | Nguyễn Long Hưng   | 23/6/1966  | 074066001532 | K1/81, KP3  | phụ bán quán cao              | Thế giới Ca cao, KP3, Bưu Hòa            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                     |            |           |             |                                                |                                                                |           |   |           |  |  |
|------|---------------------|------------|-----------|-------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1021 | Lê Thị Tuyết Vân    | 18/2/1968  | 270771719 | K2/51D, KP3 | thu gom phế liệu                               | Bừu Hòa                                                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1022 | Lê Thị Tở           | 1950       | 270150338 | K2/51A, KP3 | phụ bán quán phở                               | quán Ba Thông, Bừu Hòa                                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1023 | Huỳnh Văn Lâm       | 15/10/1982 | 272239213 | KP3, tổ 57  | nhân viên phục vụ quán Karaoke (không có HDLD) | quán Hùng Be, Hóa An                                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1024 | Dương Thanh Hằng    | 15/7/1995  | 272446641 | KP3, tổ 57  | NV phục vụ quán Karaoke (không có HDLD)        | quán Hùng Be, Hóa An                                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1025 | Trịnh Thị Hiền      | 1967       | 270705852 | K4/53, KP3  | bán vé số lưu động                             | Bừu Hòa                                                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1026 | Võ Trường Vân       | 14/03/1980 | 271415878 | K4/054, KP3 | phục vụ                                        | khu du lịch sinh thái Ngọc Hoa Trang, Hiệp Hòa (không có HDLD) | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1027 | Đặng Ngọc Thành     | 1964       | 270666537 | K4/53, KP3  | bán vé số lưu động                             | Bừu Hòa                                                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1028 | Khâu Thị Hải        | 1955       | 270230151 | K1/50, KP3  | bán cháo vỉa hè                                | KP3, Bừu Hòa                                                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1029 | Nguyễn Văn Quý      | 1962       | 270163741 | K2/35B, KP3 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách                  | Biên Hoà                                                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1030 | Hồ Nhật Anh Khoa    | 03/5/2003  | 272992340 | K2/51A, KP3 | phụ bán quán gà                                | quán gà SUGAR, Tân Mai                                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1031 | Trần Thị Thanh Ngân | 08/7/1997  | 272547726 | K3/29, KP3  | phụ bán cá ở chợ                               | chợ cá Hóa An                                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1032 | Huỳnh Thị Giới      | 14/5/1957  | 270963089 | K2/25E, KP3 | phụ bán quán cơm                               | quán cơm Huỳnh Thu Thủy, Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1033 | Đỗ Thị Bé Trang     | 09/3/1972  | 330504418 | K3/56, KP3  | bán vé số lưu động                             | Bừu Hòa                                                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|      |                      |            |              |             |                               |                         |           |   |           |  |  |
|------|----------------------|------------|--------------|-------------|-------------------------------|-------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1034 | Hồ Văn Lâu           | 1962       | 270161783    | K5/7E, KP3  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | vòng xoay Cầu Hàng, KP3 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1035 | Lý Thị Xuân          | 1963       | 270135425    | K4/70C, KP3 | bán nước mía vỉa hè           | KP3, Bưu Hòa            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1036 | Nguyễn Thị Sự        | 11/6/1964  | 272040942    | K3/17, KP3  | giúp việc nhà                 | K1/72, KP3, Bưu Hòa     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1037 | Đặng Thị Huyền Trang | 15/7/1984  | 271588858    | K2/1, KP3   | bán vé số lưu động            | Biên Hoà                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1038 | Mou Li Hiêng         | 01/6/1955  | 271043164    | K3/44, KP3  | giúp việc nhà                 | Bưu Hòa                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1039 | Nguyễn Thị Sâm       | 1968       | 36615506     | K5/70, KP3  | bán vé số lưu động            | Bưu Hòa                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1040 | Hoàng Thị Kim Phương | 15/8/1974  | 271104719    | K1/4, KP3   | bán nước giải khát vỉa hè     | tại nhà K1/4, KP3       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1041 | Võ Kim Tung          | 30/5/1979  | 095079000119 | K5/11, KP3  | bán vé số lưu động            | không cố định           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1042 | Đặng Thị Huyền Linh  | 1981       | 271446397    | K2/1, KP3   | bán vé số lưu động            | Biên Hoà                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1043 | Trương Thanh Tĩnh    | 13/10/1962 | 0            | K2/48, KP3  | bán cà phê tại nhà            | K2/48, KP3              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1044 | Trương Văn Bình      | 1964       | 270660195    | K4/66, KP3  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bưu Hòa                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1045 | Võ Văn Quang         | 20/7/1971  | 271921086    | K2/51A, KP3 | bán vé số lưu động            | không cố định           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1046 | Nguyễn Thị Cẩm Hồng  | 08/1/1972  | 341245466    | K3/76, KP3  | phụ bán quán cơm              | cơm chị Lý, KP3         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                     |            |              |             |                               |                                    |           |   |           |  |  |
|------|---------------------|------------|--------------|-------------|-------------------------------|------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1047 | Phạm Thị Châu       | 16/11/1973 | 272224465    | K2/54C, KP3 | bán vé số lưu động            | Bừu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1048 | Ngô Thị Kiều        | 12/5/1981  | 276002074    | K5/55E, KP3 | bán trà sữa vỉa hè            | KP3, Bừu Hòa                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1049 | Trà Thị Mẫu Đơn     | 15/7/1967  | 080157000143 | K2/12A, KP3 | bán vé số lưu động            | không cố định                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1050 | Tạ Kinh Quốc        | 1954       | 020257655    | K5/17, KP3  | phụ bán quán cơm              | quán cơm Phương<br>Phương, Bừu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1051 | Nguyễn Văn Phụng    | 21/8/1974  | 272917063    | K1/18, KP3  | bán dừa tươi dạo              | không cố định                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1052 | Trịnh Thị Thanh Hoa | 26/5/1970  | 270858921    | K2/25B, KP3 | bán bánh mì dạo               | Bừu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1053 | Đinh Thị Thu Phúc   | 10/8/1993  | 225656402    | K1/22C, KP3 | cắt tóc                       | K1/22C, KP3                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1054 | Nguyễn Thanh Phong  | 16/4/1974  | 272369016    | K5/015, KP3 | bốc vác                       | không cố định                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1055 | Trần Ngọc Sơn       | 03/8/1962  | 270163301    | K3/29C, KP3 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | ngã 3 Vũng Tàu                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1056 | Trần Đình Tuấn      | 06/9/1983  | 183317849    | tổ 68, KP3  | lái xe công nghệ 2 bánh       | không cố định                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1057 | Võ Thị Thu Nga      | 19/9/1996  | 272448742    | K3/33, KP3  | làm nail                      | 104, Thống Nhất,<br>Biên Hoà       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1058 | Phạm Văn Lan        | 12/4/1956  | 270047020    | K2/50E, KP3 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Biên Hoà                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1059 | Cao Thị Ngọc Hạnh   | 25/10/1972 | 270970787    | K5/56, KP3  | phụ giữ trẻ (không có HDLD)   | nhóm trẻ Hoàng<br>Văn, KP3         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|      |                     |            |              |             |                               |                          |           |   |           |  |  |
|------|---------------------|------------|--------------|-------------|-------------------------------|--------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1060 | Hồng Phương Loan    | 15/9/1999  | 272885806    | K2/34B, KP3 | phụ bán hu tiêu               | K2/14, KP3               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1061 | Phạm Thanh Lâm      | 1/2/1981   | 271415945    | K1/44, KP3  | cắt tóc                       | K1/44, KP3               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1062 | Bùi Thị Hạnh        | 5/5/1962   | 270135950    | K2/48, KP3  | bán trà sữa trước nhà         | K2/48, KP3               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1063 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 10/1/1987  | 191585169    | K1/39A, KP3 | bán giấy dẹp rong             | Gần tỉnh xá Ngọc Uyên    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1064 | Nguyễn Hà           | 1/1/1961   | 271043060    | K4/39D, KP3 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bưu Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1065 | Lê Thị Hạnh         | 15/3/1960  | 210580596    | K5/44, KP3  | phụ bán cơm                   | quán cơm Cầu Mới, Hòa An | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1066 | Nguyễn Thế Kiệt     | 1976       | 271364820    | K2/53, KP3  | chạy xe ba gác                | Bưu Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1067 | Châu Ngọc Quận      | 15/8/1952  | 270150953    | K2/64B, KP3 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bưu Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1068 | Võ Ngọc Trang       | 1/1/1981   | 079181017617 | K3/11B, KP3 | bán vé số lưu động            | Bưu Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1069 | Phạm Thị Kim Hồng   | 13/5/1955  | 272940686    | K3/11B, KP3 | bán vé số lưu động            | Bưu Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1070 | Phạm Thị Ngọc Nhi   | 17/1/2001  | 079301029301 | KP3         | phụ quán trà sữa              | quán ChangHi, Biền Hoà   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1071 | Phan Quốc Cường     | 15/10/1976 | 079076005818 | KP3         | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Biền Hoà                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1072 | Lê Văn Bình         | 12/3/1970  | 280495544    | K4/34, KP3  | bán vé số lưu động            | Bưu Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                     |            |           |              |                                  |                                    |           |   |           |  |  |
|------|---------------------|------------|-----------|--------------|----------------------------------|------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1073 | Nguyễn Hoàng Oanh   | 10/11/1983 | 271535119 | K2/1B, KP3   | bán bánh trắng<br>trộn vữa hè    | KP3, Bưu Hòa                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1074 | Lê Nguyễn Tấn Tài   | 11/8/1995  | 261360250 | K1/49, KP3   | cắt tóc                          | K2/49, KP3, Bưu<br>Hòa             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1075 | Lâm Thông           | 20/9/1958  | 270640695 | KP3          | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | ngã tư chợ Đồn                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1076 | Nguyễn Hoài Thu     | 12/10/1959 | 270157157 | Tổ 67, KP3   | giữ trẻ, giúp việc<br>nhà        | 13G, KP3, Bưu Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1077 | Trần Quốc Nhân      | 25/9/1985  | 271767323 | Tổ 67, KP3   | bán vé số lưu<br>động            | Bưu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1078 | Trịnh Thị Mỹ Chi    | 1/1/1962   | 272918872 | K4/39D, KP3  | bán hàng rong<br>(bán rau, củ)   | Bưu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1079 | Bùi Thị Thảo        | 8/1/1961   | 270031329 | K2/97, KP1   | giúp việc nhà                    | KP3                                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1080 | Mai Thị Ráng        | 1952       | 272237515 | K2/48, KP1   | bán vé số lưu<br>động            | Bưu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1081 | Nguyễn Thị Hồng Xen | 5/11/1987  | 272993295 | K3/155A, KP1 | bảo mẫu (chưa<br>có HDLD)        | mầm non Văn<br>Thủy, KP2           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1082 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên | 20/1/1989  | 271951092 | K2/43, KP1   | bán rau vữa hè                   | chợ Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1083 | La Văn Hữu          | 1992       | 352091119 | KP1          | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Công ty TNHH<br>Giao<br>Hàng Nhanh | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1084 | Mai Thanh Tuấn      | 1/1/1962   | 270930809 | K2/159, KP1  | bán cà phê nhỏ<br>lê vữa hè      | Quyết Thắng                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1085 | Trương Thị Linh Lan | 3/5/1961   | 270056641 | K3/154C, KP1 | bán chè                          | quán Lan,<br>K3/154C, KP1          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|      |                     |            |              |              |                                  |                                                        |           |   |           |  |  |
|------|---------------------|------------|--------------|--------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1086 | Võ Văn Dũng         | 30/1/1960  | 270378521    | K3/154C, KP1 | phụ bán chè                      | quán Lan,<br>K3/154C, KP1                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1087 | Nguyễn Thị Cúc      | 3/4/1950   | 272298785    | K2/136B, KP1 | giúp việc nhà                    | Bưu Hòa                                                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1088 | Trần Thị Phương Đào | 5/8/1975   | 271142791    | K3/219, KP1  | giúp việc nhà                    | phương Bưu Hòa                                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1089 | Đỗ Hữu Nghĩa        | 2/8/1960   | 270135837    | K2/121B, KP1 | thu gom phế liệu                 | Bưu Hòa                                                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1090 | Bùi Tuyết Nhi       | 15/3/1996  | 272479459    | K3/6C, KP1   | phụ bếp (không<br>có HDLD)       | trưởng mẫu giáo tư<br>thực Hòa Phương<br>Đỗ, Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1091 | Nguyễn Thành Nhân   | 4/1/1980   | 271364911    | K2/118B, KP1 | lái xe công nghệ<br>2 bánh.      | Biên Hoà                                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1092 | Trần Đức Căn        | 5/5/1948   | 270039298    | K2/149B, KP1 | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Bưu Hòa                                                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1093 | Bùi Thị Nguyệt      | 16/5/1965  | 270666739    | K3/6C, KP1   | nấu ăn đảm tiệc                  | dịch vụ nấu ăn Ông<br>Ba,<br>Bưu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1094 | Doãn Thị Mỹ Hạnh    | 13/10/1966 | 075166001362 | K2/172B, KP1 | giúp việc nhà                    | Bưu Hòa                                                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1095 | Nguyễn Thị Bình     | 28/6/1968  | 270747954    | K4/54A, KP1  | phụ bán cơm                      | Bưu Hòa                                                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1096 | Nguyễn Thanh Hóa    | 14/6/1958  | 270162021    | K2/163B, KP1 | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Bưu Hòa                                                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1097 | Phạm Cao Dũng       | 22/4/1982  | 271517900    | K2/135B, KP1 | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Bưu Hòa                                                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1098 | Trần Văn Bu L.L     | 1/1/1990   | 341464562    | K2/164, KP1  | bốc vác                          | Bưu Hòa                                                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                       |            |           |              |                               |                            |           |   |           |  |  |
|------|-----------------------|------------|-----------|--------------|-------------------------------|----------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1099 | Nguyễn Thị Tuyết      | 1/1/1974   | 341978025 | K2/164, KP1  | bán vé số lưu động            | Bưu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1100 | Nguyễn Văn Kìa        | 1/1/1973   | 351906022 | K2/164, KP1  | bốc vắc                       | Bưu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1101 | Nguyễn Thị Hòa        | 1966       | 350948136 | K2/164, KP1  | giữ trẻ tại nhà trợ           | Bưu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1102 | Nguyễn Văn Anh        | 16/1/2002  | 372002034 | K2/164, KP1  | phụ giữ trẻ tại nhà trợ       | Bưu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1103 | Nguyễn Văn Nhà        | 1966       | 300564718 | K2/164, KP1  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bưu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1104 | Hà Phương             | 2/8/1970   | 270860300 | K2/174C, KP1 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bưu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1105 | Nguyễn Vũ Phương      | 1985       | 341370287 | K3/63D, KP1  | bốc vắc                       | Công ty xây dựng Thanh Nga | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1106 | Nguyễn Minh Thành     | 2/2/1988   | 271921718 | K3/185C, KP1 | lái xe công nghệ 2 bánh.      | Biên Hoà                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1107 | Cao Thị Út Nừa        | 01/01/1985 | 272709103 | K3/28, KP1   | bán chè đạo                   | khv vực chợ Bưu Hòa        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1108 | Võ Thị Hương          | 07/6/1964  | 270153499 | K3/26D, KP1  | bán chè đạo                   | khv vực chợ Bưu Hòa        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1109 | Lê Văn Huỳnh          | 12/7/1984  | 271737841 | K3/22C, KP1  | Lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bưu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1110 | Hùng Phúc Xuân        | 02/1/1971  | 271862742 | K2/105, KP1  | bốc vắc                       | Bưu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1111 | Nguyễn Thị Huyền Trân | 21/3/1978  | 271290915 | K3/48, KP1   | cắt tóc                       | Bưu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|      |                      |            |              |              |                                  |                           |           |   |           |  |  |
|------|----------------------|------------|--------------|--------------|----------------------------------|---------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1112 | Trần Đức Thanh       | 29/7/1979  | 271862242    | K3/45C, KP1  | Lái xe ba gác                    | Không có định             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1113 | Phạm Đăng Nhật Thanh | 1979       | 271891034    | K3/36, KP1   | bốc vác                          | ông 6 Hùng, Bưu<br>Hòa    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1114 | Châu Thị Phương Xuân | 26/12/1979 | 271323103    | K3/110, KP1  | bán đồ ăn sáng<br>(hủ tầu)       | chợ Bưu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1115 | Bùi Hữu Phước        | 11/11/1958 | 270306088    | K2/75, KP1   | Lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Tân Vạn                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1116 | Nguyễn Văn Tài       | 17/12/1977 | 280896089    | K2/140, KP1  | phụ coi tiệm trò<br>chơi điện tử | Bưu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1117 | Bùi Hiếu Dũng        | 05/1/1964  | đang chờ cấp | K3/336C, KP1 | bán vé số lưu<br>động            | Bưu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1118 | Nguyễn Thanh Dũng    | 1982       | 272816039    | K2/24, KP1   | bốc vác đá                       | mỏ đá Tân Cang            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1119 | Hoàng Phương         | 08/2/1978  | 271543026    | K3/101C, KP1 | bán hàng rong<br>(trái cây)      | Bưu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1120 | Huỳnh Hữu Do         | 1958       | 270135680    | K2/322, KP1  | Lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | KP1, Bưu Hòa              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1121 | Trương Văn Dũng      | 03/4/1960  | 270376828    | tổ 10, KP1   | Lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Bưu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1122 | Nguyễn Văn Thành     | 12/8/1969  | 074069001711 | K2/172B, KP1 | Bốc vác                          | gồm Thái Dương,<br>Hòa An | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1123 | Lưu Thái Hoàng       | 1970       | 272049103    | K2/19C, KP1  | bốc vác cá                       | chợ cá Hòa An             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1124 | Nguyễn Kim Phụng     | 01/01/1972 | 271690241    | K2/108, KP1  | thu gom phế liệu                 | Phước Tân                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                       |            |              |                        |                             |                                      |           |   |           |  |  |
|------|-----------------------|------------|--------------|------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1125 | Trần Thị Thu          | 12/10/1953 | 270150061    | K3/108, KP1            | bán nước giải khát vỉa hè   | hẻm 863, KP1                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1126 | Trần Thị Tuyết Nhung  | 07/11/1995 | 272439152    | K2/310, KP1            | giúp việc gia đình          | K4/324, KP1                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1127 | Lê Thị Lương          | 1947       | 371748334    | K3/63, KP1             | bán vé số lưu động          | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1128 | Huỳnh Hữu Hạnh        | 21/3/1966  | 270666746    | K2/322B, KP1           | bốc vác                     | trại hòe Thành Tâm, Tân Phong        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1129 | Trần Văn Lành         | 30/6/1978  | 075078002010 | K3/42C, KP1            | bán vé số lưu động          | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1130 | Trần Thị Cúc          | 01/01/1977 | 272854121    | Tổ 7, KP1              | bán rau vỉa hè              | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1131 | Trần Thị Giàu         | 1971       | 272735222    | Tổ 7, KP1              | bán vé số lưu động          | Biển Hoà                             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1132 | Nguyễn Lâm Duy        | 12/10/1984 | 271737950    | K2/144A, KP1           | chạy xe công nghệ           | Không cố định                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1133 | Nguyễn Phước Thanh    | 09/11/1959 | 270948011    | K2/110B, KP1           | bốc vác                     | vừa ve chai ông Trần Minh Phước, KP3 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1134 | Nguyễn Thị Thu Liễu   | 01/01/1972 | 271248733    | K2/49B, KP1            | thu gom phế liệu            | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1135 | Phan Trọng Vũ         | 1975       | 271248370    | K3/3C, KP1             | chạy xe ba gác              | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1136 | Nguyễn Thị Mỹ Linh    | 14/3/1977  | 271248531    | K1/84, KP1             | bán vé số lưu động          | Biển Hoà                             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1137 | Nguyễn Thị Kim Phương | 02/1/1987  | 272991559    | nhà trọ Thanh nga, KP1 | bán hàng rong (chối, chiếu) | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|      |                   |            |              |                        |                               |                               |           |   |           |  |  |
|------|-------------------|------------|--------------|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1138 | Nguyễn Thị Út Cờn | 08/3/1982  | 371302576    | K2/246B, KP1           | phụ bán cà phê                | cà phê cây xăng 26, Trảng Dài | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1139 | Lê Thị Phương Anh | 11/10/1991 | 334761768    | K2/246B, KP1           | phụ bán cà phê                | tại phường Tân Phong          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1140 | Nguyễn Kim Liên   | 10/10/1958 | 273171674    | K3/266, KP1            | bán vé số lưu động            | không cố định                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1141 | Thạch Thảo        | 08/8/2001  | 272834698    | nhà trọ Thanh nga, KP1 | uốn tóc                       | tiệm tóc Spa Hoàng Thy, KP3   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1142 | Mai Thị Bích Nga  | 21/11/1967 | 079167004308 | nhà trọ Thanh nga, KP1 | phụ bán quán cơm              | 127, Hà Huy Giáp, Quyết Thắng | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1143 | Nguyễn Lệ Hằng    | 1962       | 270135705    | K2/17C, KP1            | tạp vụ (không có HDLE)        | trường Song Ngự Lạc Hồng      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1144 | Phạm Văn Vị       | 29/10/1964 | 271777552    | K2/75D, KP1            | Lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Không cố định                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1145 | Trương Tường Sơn  | 24/11/1984 | 075084001952 | K2/56A, KP1            | bán đồ ăn sáng (bún cơm tấm)  | K2/56A, KP1                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1146 | Trần Minh Phúc    | 17/6/1968  | 270771305    | K2/19A, KP1            | Lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bùn Hòa                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1147 | Mai Thị Nở        | 01/01/1968 | 270737963    | K2/31, KP1             | giúp việc gia đình            | Bùn Hòa                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1148 | Doãn Tuyết Mai    | 22/11/1959 | 270032005    | K3/338C, KP1           | bán hàng rong (bún rau củ)    | chợ Bùn Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1149 | Trương Văn Hoàng  | 22/9/1962  | 270135679    | K2/39B, KP1            | bán vé số lưu động            | Bùn Hòa                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1150 | Tăng Thị Mỹ Hoàng | 03/11/1970 | 075170001286 | K1/8C, KP1             | bán vé số lưu động            | Bùn Hòa                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                      |            |              |              |                                      |                        |           |   |           |  |  |
|------|----------------------|------------|--------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1151 | Nguyễn Tấn Phước     | 10/2/1972  | 270970717    | K2/99B, KP1  | giúp việc gia đình                   | Hồ Nai 3, Trảng Bom    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1152 | Hà Thị Hạnh          | 26/6/1983  | 271737963    | K3/30C, KP1  | bán vé số lưu động                   | Bửu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1153 | Nguyễn Thị Ngọc Bích | 21/8/1968  | 271255400    | 1A, KP1      | giúp việc gia đình                   | K2/140, KP1            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1154 | Mai Đình Đức         | 10-12-61   | 171718947    | K2/167B, KP1 | bốc vắc                              | VLXD Nam Hưng, Bửu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1155 | Nguyễn Phi Hùng      | 20/7/1969  | 270771789    | K3/313C, KP1 | bốc vắc                              | VLXD Thanh Nga         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1156 | Đỗ Thị Kim Châu      | 1980       | 272719897    | K2/164, KP1  | giúp việc nhà                        | Bửu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1157 | Bùi Hữu Thọ          | 10/9/1975  | 271247856    | K2/133, KP1  | lái xe công nghệ 2 bánh.             | Đồng Nai               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1158 | Nguyễn Thanh Tùng    | 06/1/1970  | 271143682    | K2/134B, KP1 | thu gom phế liệu                     | Bửu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1159 | Nguyễn Minh Hoàng    | 30/10/1996 | 272645929    | K3/338, KP1  | giúp việc tại phòng Gym              | phòng Gym Bửu Hòa      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1160 | Nguyễn Thanh Long    | 01/01/1974 | 271142649    | K3/187C, KP1 | phục vụ tiệc cưới                    | Bửu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1161 | Hồ Thị Kim Ngọc      | 20/11/1971 | 074171001734 | K3/187C, KP1 | cắt tóc, làm nail                    | K3/187C, KP1           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1162 | Nguyễn Thị Lan       | 1959       | 270892913    | K2/17B, KP1  | giúp việc gia đình                   | Bửu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1163 | Võ Minh Luân         | 28/12/1981 | 271415938    | K3/40A, KP1  | vận chuyển hàng hóa thuê (xe ba gác) | Bửu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|      |                        |            |           |                            |                                             |                           |           |   |           |  |  |
|------|------------------------|------------|-----------|----------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1164 | Trần Hoàng Nam         | 01/01/1963 | 371319103 | K2/246B, KP1               | Bốc vắc                                     | Bừu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1165 | Trương Văn Tạo         | 02/9/1967  | 270771903 | K2/75C, KP1                | phụ bán cá                                  | chợ Bừu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1166 | Trần Thị Hòa           | 1965       | 280325800 | nhà tình thương<br>Bừu Hòa | bán vé số lưu<br>động                       | Bừu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1167 | Nguyễn Thị Tuyết Trang | 10/7/197   | 271323217 | K3/228, KP1                | bán cơm ở chợ                               | chợ Bừu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1168 | Lê Thị Mai Trang       | 31/8/1971  | 270948095 | K3/312C, KP1               | phụ nấu quán<br>phở                         | Phường Tân Mai            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1169 | Lê Văn Rớt             | 1/6/1990   | 35190082  | K2/246B, KP1               | bốc vắc                                     | VLXD Nam Hưng,<br>Bừu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1170 | Từ Thị Nga             | 1966       | 270709337 | K2/165A, KP1               | phụ việc nhà                                | Tổ 16, KP1, Tân<br>Hạnh   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1171 | Nguyễn Thị Hồng Vân    | 13/11/1953 | 270045140 | K3/313C, KP1               | bán hàng rong<br>(rau củ)                   | Bừu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1172 | Võ Thanh Toàn          | 24/2/1959  | 270150369 | K2/298B, KP1               | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách            | Không cố định             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1173 | Phạm Nguyễn Ngọc Hân   | 29/3/2003  | 272989762 | K3/256C, KP1               | phụ bán quán cà<br>phê                      | quán Napoli, KP1          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1174 | Quảng Kim Quang        | 11/10/1987 | 272272866 | K3/63D, KP1                | Thu gom rác                                 | Bừu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1175 | Bùi Hoàng Tài          | 04/9/1998  | 37178869  | K2/164, KP1                | phục vụ quán<br>karaoke (không có<br>HDL D) | quán Hùng Bè,<br>Hóa An   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1176 | Huỳnh Cao Nguyễn       | 1988       | 334627608 | K2/164, KP1                | bốc vắc                                     | Bừu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                     |            |              |              |                                               |                                                |           |   |           |  |  |
|------|---------------------|------------|--------------|--------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1177 | Nguyễn Phước Hậu    | 1996       | 363859462    | K2/164, KP1  | lái xe mô tô 2 bánh chờ khách                 | Không cố định                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1178 | Lương Thị Yến Nhi   | 19/2/2002  | 341978830    | K2/164, KP1  | nhân viên phục vụ quán karaoke(không có HDLD) | Karaoke Hoàng Kim Nguyễn                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1179 | Mai Thọ Lộc         | 03/4/1974  | 271234793    | K2/164, KP1  | bốc vắc                                       | cảng Hồng Tiến, Biên Hoà                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1180 | Huỳnh Tuấn Anh      | 05/11/1991 | 080091000185 | K2/164, KP1  | lái xe mô tô 2 bánh chờ khách                 | Không cố định                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1181 | Lê Xuân Thơ         | 1960       | 385271528    | K2/164, KP1  | bán vé số lưu động                            | Không cố định                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1182 | Trần Văn Thu        | 11/11/1952 | 270858313    | K3/316C, Kp1 | lái xe mô tô 2 bánh chờ khách                 | Bừu Hòa                                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1183 | Nguyễn Thị Kim Tháo | 03/6/1973  | 271104445    | K1/39B, KP1  | giúp việc nhà                                 | tiệm tóc Minh Thư, KP1, Bừu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1184 | Lê Thị Bích Phượng  | 24/8/1984  | 271791951    | K2/233B, KP1 | cắt, uốn tóc                                  | tiệm tóc Minh Thư, KP1, Bừu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1185 | Lê Thị Chanh        | 1956       | 370181866    | K3/63D, KP1  | giữ trẻ tại nhà chủ                           | An Hòa, Hòa An                                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1186 | Trần Phạm Ngọc Lam  | 13/2/1996  | 272545754    | 7B, KP1      | dọn dẹp vệ sinh (không có HDLD)               | cty năng lượng xanh Mạnh Quỳnh Phát, Trảng Bom | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1187 | Nguyễn Thanh Phong  | 1986       | 381295840    | K3/63D, KP1  | bốc vắc gach                                  | VLXD Hai Ván, Biên Hoà                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1188 | Trần Thị Hằng       | 25/10/1992 | 371610572    | K3/63, KP1   | phục vụ quán cà phê, kem                      | cà phê, kem Những người bạn, Biên Hoà          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1189 | Bùi Thị Hiệp        | 21/12/1964 | 272069465    | K2/76, KP1   | phụ bán quán cơm tấm                          | KP1, Bừu Hòa                                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|      |                             |            |              |                           |                                              |                                  |           |   |           |  |  |
|------|-----------------------------|------------|--------------|---------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1190 | Nguyễn Thị Kim Ngân         | 13/8/2000  | 272765413    | K2/307, KP1               | phụ bán quán hủ<br>tầu mì                    | cô 9, KP1, Bưu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1191 | Nguyễn Thị Bích Thuận       | 26/9/1969  | 270771887    | K1/25C, KP1               | bán cơm tấm                                  | cổng chùa Hút Gió,<br>KP1        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1192 | Đinh Quang Hùng             | 08/10/1960 | 079060006145 | nhà trọ Thanh<br>Nga, KP1 | bảo vệ, giữ xe                               | quán cà phê Gò<br>Vấp,<br>TP.HCM | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1193 | Đặng Sĩ Tâm                 | 04/1/1980  | 271415873    | K3/77C, KP1               | giao hàng cho<br>tạp hóa<br>(bằng xe 2 bánh) | Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1194 | Trương Kim Ngọc             | 20/12/1970 | 271159546    | K3/323C, KP1              | bán vé số lưu<br>động                        | Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1195 | Nguyễn Thị Út               | 10/3/1985  | 272224478    | K2/53, KP1                | thu gom phế liệu                             | Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1196 | Nguyễn Tấn Giàu             | 18/5/1974  | 271104548    | K2/99B, KP1               | vận chuyển hàng<br>hóa bằng<br>xe 2 bánh     | 78 Nguyễn thị Tôn,<br>KP3        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1197 | Hoàng Thị Đặng Dung         | 07/8/1971  | 271849696    | K2/269B, KP1              | bán sữa đậu nành                             | chợ Bưu Hòa                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1198 | Thái Thanh Tuyên            | 03/3/1968  | 271949210    | K2/326B, KP1              | bán chè                                      | chợ Bưu Hòa                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1199 | Phạm Thị Hiền               | 07/1/1975  | 272345748    | K2/87, KP1                | bán vé số lưu<br>động                        | không cố định                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1200 | Nguyễn Trường               | 10/6/1982  | 245376683    | K3/266, KP1               | bán bánh mì dạo                              | Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1201 | Nguyễn Huỳnh Thảo<br>Nguyễn | 13/3/2001  | 272835714    | K2/304, KP1               | phụ bán quán<br>com                          | bà Vân, KP3, Bưu<br>Hòa          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1202 | Nguyễn Hằng Thu             | 22/11/1964 | 271812012    | K2/20, KP1                | giúp việc nhà                                | 6A, KP1, Bưu Hòa                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                         |            |           |                        |                                |                                 |           |   |           |  |  |
|------|-------------------------|------------|-----------|------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1203 | Nguyễn Thị Phương Trang | 08/6/1973  | 271104349 | K4/261, KP1            | bán vé số lưu động             | không cố định                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1204 | Nguyễn Tuyết Lệ         | 21/9/1960  | 270057194 | K2/18A, KP1            | phụ bán cà phê                 | K2/18A, KP1                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1205 | Bùi Thị Kim Sinh        | 08/11/1978 | 271290761 | K2/301B, KP1           | bán quần áo công chợ           | chợ Bình Dương                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1206 | Lý Ngọc Thùy Trang      | 01/01/1973 | 271599507 | K2/72A, KP1            | bán vé số lưu động             | Bừu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1207 | Trần Thị Ngọc Lan       | 1957       | 270048270 | K2/57B, KP1            | giúp việc nhà                  | 10, Phạm Văn Dịu, Tân Hạnh      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1208 | Lê Anh Thắng            | 29/6/1992  | 272289901 | K2/24B, KP1            | chạy xe mô tô 2 bánh chở khách | Biển Hoà                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1209 | Nguyễn Tuấn Anh         | 03/10/1965 | 271043057 | K2/163B, KP1           | bán gà nướng nhỏ lẻ            | Bừu Hòa                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1210 | Lý Thị Kim Hồng         | 25/10/1963 | 270135802 | K2/67B, KP1            | giúp việc nhà                  | Dĩ An, Bình Dương               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1211 | Lê Thị Diễm Thắm        | 09/8/1975  | 331173099 | K3/336, KP1            | bán rau vĩa hè                 | cổng sau Pouchen                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1212 | Nguyễn Văn Toàn         | 06/10/1976 | 271248471 | K2/299B, KP            | lái xe mô tô 2 bánh chở khách  | không cố định                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1213 | Nguyễn Ngọc Hà          | 1967       | 271020270 | nhà trọ Thanh Nga, KP1 | giúp việc nhà                  | Tân Vạn                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1214 | Phạm Thị Kim Hồng       | 1956       | 272358214 | K3/30C, KP1            | bán hàng bông (rau củ)         | chợ Bừu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1215 | Nguyễn Phước Bình       | 22/7/1966  | 271076902 | K2/84C, KP1            | bảo vệ quán cà phê             | 117, KP8, Đồng Khởi, Tân Phong. | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|      |                      |            |              |                           |                                    |                                |           |   |           |  |  |
|------|----------------------|------------|--------------|---------------------------|------------------------------------|--------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1216 | Nguyễn Thị Thu Vân   | 1978       | 271353007    | K2/240B, KP1              | bán rau via hè                     | công sau Pouchen               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1217 | Nguyễn Cao Trí       | 10/8/1980  | 271458936    | tổ 28, KP1                | chạy xe ba gác<br>chở hàng         | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1218 | Huỳnh Thị Bích Ngọc  | 02/12/1969 | 270793458    | K3/108C, KP1              | bán bún riêu                       | K3/108C, KP1                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1219 | Đinh Thị Kim Dung    | 02/7/1979  | 075179002360 | K3/42C, KP1               | làm nail lưu động                  | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1220 | Huỳnh thị Thanh Tùng | 15/5/1963  | 270227989    | K3/201C, KP1              | bán hàng rong<br>(sữa đậu nành)    | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1221 | Lê Hoàng Tuấn        | 12/3/1972  | 270970729    | K3/242C, KP1              | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách   | không cố định                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1222 | Nguyễn Thị Như Mai   | 22/10/1968 | 271546295    | K2/320C, KP1              | bán cháo trắng                     | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1223 | Nguyễn Thị Như Ý     | 10/8/1988  | 271940994    | K2/89B, KP1               | bán cơm tấm thịt<br>nước           | K2/89B, KP1                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1224 | Trịnh Văn Nhân       | 1960       | 271248213    | nhà trọ Thanh<br>Nga, KP1 | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách   | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1225 | Mai Thị Lâm          | 21/7/1971  | 271537819    | K2/64B, KP1               | giúp việc gia<br>đình, trông em bé | Hòa An                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1226 | Nguyễn Văn Thành     | 25/4/1962  | 270869141    | K3/327C, KP1              | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách   | Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1227 | Lê Quốc Huy          | 09/9/1979  | 271364785    | K3/28, KP1                | bốc vác                            | VLXD Nam Hưng,<br>Bưu Hòa      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1228 | Lý Thị Thái Vinh     | 23/7/1970  | 271999184    | K3/329C, KP1              | phụ việc gia đình                  | cơ sở nem nướng<br>K3/340, KP1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                        |            |              |              |                                    |                             |           |   |           |  |  |
|------|------------------------|------------|--------------|--------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1229 | Lê Thị Lan             | 25/4/1973  | 272687267    | K3/328, KP1  | phụ việc gia đình                  | cơ sở nem nướng K3/340, KP1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1230 | Nguyễn Thị Ngọc Phượng | 15/4/1976  | 271248171    | K3/208C, KP1 | bán hàng rong (bán nước giải khát) | cổng sau Pouchen            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1231 | Lý Xuân Tài            | 05/1/1959  | 271248327    | K2/18A, KP1  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách      | Bừu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1232 | Phạm Thị Thủy Dung     | 12/12/1977 | 271323222    | K3/30C, KP1  | cắt, uốn tóc                       | tại nhà K3/30C, KP1         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1233 | Đoàn Thanh Tuấn        | 07/3/1995  | 740133004879 | K2/18A, KP1  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách      | Bừu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1234 | Phạm Thị Hoa           | 24/7/1968  | 270771736    | K3/39E, KP1  | giúp việc nhà                      | K3/87C, KP1                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1235 | Lê Văn Út              | 1965       | 270750183    | K2/297B, KP1 | bán vé số lưu động                 | không cố định               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1236 | Bùi Văn Nhân           | 10/4/1963  | 276076731    | K2/301, KP1  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách      | Bừu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1237 | Nguyễn Trọng Hiếu      | 19/10/1974 | 271142691    | K2/41B, KP1  | bốc vác                            | DNTN Hai Ván, Biên Hoà      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1238 | Trần Tấn Đại           | 1974       | 271142723    | K2/310, KP1  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách      | Bừu Hòa                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1239 | Nguyễn Bắc Hương       | 14/3/1967  | 270772150    | K2/275D, KP1 | bán cơm tấm                        | phường Tam Hòa              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1240 | Nguyễn Thanh Tùng      | 08/7/1966  | 270709386    | K2/41C, KP1  | bốc vác gạch                       | DNTN Hai Ván, Biên Hoà      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1241 | Lê Ngọc Anh Thy        | 17/8/2002  | 272927007    | K2/57D, KP1  | phục vụ quán cà phê                | Dakland Coffee Sonadezi     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|      |                       |            |              |              |                               |                        |           |   |           |  |  |
|------|-----------------------|------------|--------------|--------------|-------------------------------|------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1242 | Nguyễn Thị Minh Ngọc  | 07/3/1985  | 271668800    | K2/87, KP1   | bốc vác                       | xưởng của KP3, Bưu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1243 | Trần Thị Phụng        | 19/3/1950  | 270135971    | K2/87, KP1   | giúp việc nhà                 | Bưu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1244 | Nguyễn Thị Út         | 20/4/1974  | 271142721    | K2/304, KP1  | phụ quán hủ tầu mì            | có 9, KP1, Bưu Hòa     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1245 | Nguyễn Thị Bích Huyền | 14/9/1961  | 270165098    | K2/78B, KP1  | bán bánh bao vỉa hè           | K2/78B, KP1            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1246 | Phạm Huỳnh Cẩm Như Ý  | 22/9/2002  | 276068085    | K2/75B, KP1  | làm nail, cắt tóc             | KP1, Bưu Hòa           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1247 | Hồ Thanh Long         | 1976       | 311419645    | K2/323, KP1  | chạy xe ba gác chở hàng       | Bưu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1248 | Nguyễn Thị Hồng       | 01/12/1968 | 272229740    | K3/10C, KP1  | quét dọn, vệ sinh             | karaoke DC, Hóa An     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1249 | Nguyễn Thanh Thủy     | 05/2/1957  | 270163081    | K2/53A, KP1  | giúp việc nhà                 | chị Hải, KP1           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1250 | Nguyễn Phước Châu     | 12/12/1966 | 270666745    | K2/17B, KP1  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bưu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1251 | Nguyễn Văn Minh       | 28/1/1976  | 271317064    | K2/17A, KP1  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | không cố định          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1252 | Nguyễn Văn Tiên       | 1973       | 272156722    | K3/11E, KP1  | thu gom phế liệu              | Bưu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1253 | Từ Ngọc Bích          | 15/7/1960  | 270135818    | K2/67B, KP1  | giúp việc nhà                 | 2/1, Hóa An            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1254 | Nguyễn Văn Kiệt       | 7/1/1960   | 079060013527 | K3/109A, KP1 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bưu Hòa                | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                     |           |              |                    |                            |                                |           |   |           |  |  |
|------|---------------------|-----------|--------------|--------------------|----------------------------|--------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1255 | Đỗ Văn Chính        | 1972      | 280746232    | K2/276, KP1        | bán vé số lưu động         | Bừu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1256 | Trần Thị Kim Nga    | 1968      | 270869025    | K2/120B, KP1       | giúp việc nhà, giữ trẻ     | 20/1A, Hóa An                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1257 | Phan Thị Ngọc Diệp  | 19/7/1966 | 270624702    | K2/309B, KP1       | bán gà nướng vỉa hè        | Bừu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1258 | Châu Thanh Tân      | 10/3/1959 | 270010546    | K3/355B, KP1       | bảo vệ, giữ xe quán lẩu dê | lẩu dê cầu suối 3, Thống Nhất  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1259 | Phan Đăng Trình     | 26/7/1973 | 271296291    | K3/179C, KP1       | giúp việc gia đình         | Bừu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1260 | Nguyễn Thị Mỹ Hương | 4/2/1988  | 272935755    | 246D, KP1          | phụ bán rau                | chợ Bừu Hòa                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1261 | Trần Thị Thu Hà     | 1/2/1994  | 272726234    | K3/124, KP1        | bán chổi, chiếu lưu động   | Bừu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1262 | Vương Hoài Thương   | 8/2/1999  | 272738377    | K3/32D, KP1        | Giúp việc nhà              | Dĩ An, Bình Dương              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1263 | Lê Thị Dung         | 1955      | 270163742    | K5/17, KP1         | bán vé số lưu động         | Bừu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1264 | Đặng Thị Ánh        | 14/6/1981 | 079181009454 | K2/315B, KP1       | bán vé số lưu động         | Bừu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1265 | Hứa Thị Gấm         | 1/1/1991  | 381533583    | 140, Bùi Hữu Nghĩa | phục vụ quán nhậu          | quán ao sen chủ Sang, Hiệp Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1266 | Huỳnh Thanh Bạch    | 9/9/1962  | 270076891    | K3/13A, KP1        | thu gom phế liệu           | Bừu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1267 | Huỳnh Kim Thanh     | 26/8/1971 | 27157188     | K4/324D, KP1       | phụ nấu ăn đám tiệc        | Bừu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|      |                       |            |           |              |                                   |                       |           |   |           |  |  |
|------|-----------------------|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|-----------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1268 | Phạm Thị Kim Ngọc     | 28/9/1971  | 271537830 | K4/324D, KP1 | phụ nấu ăn đám tiệc               | K2/324D, KP1          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1269 | Dương Thị Ngọc        | 18/10/1951 | 271965546 | K2/15, KP1   | giúp việc nhà                     | Bưu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1270 | Lâm Thị Kim Anh       | 16/8/1978  | 271391305 | K2/25D, KP1  | bán vé số lưu động                | Bưu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1271 | Nguyễn Thị Ngọc Hoa   | 20/10/1982 | 271760892 | K2/58C       | giúp việc nhà                     | 1431/13, KP5          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1272 | Nguyễn Thị Lệ         | 1/1/1966   | 270709254 | K2/39B, KP1  | bán nước giải khát vỉa hè         | cổng sau Pouchen      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1273 | Trình Thị Mỹ Tiên     | 30/4/1975  | 271415948 | K2/323, KP1  | bán vé số lưu động                | chợ Bưu Hòa           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1274 | Nguyễn Thị Phương     | 1960       | 270150187 | K3/63C, KP1  | bán cơm                           | K3/63C, KP1           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1275 | Đoàn Nhật Thảo        | 25/1/1985  | 271698255 | K2/246, KP1  | phụ bán vịt nướng                 | Vị nương Năm Vân      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1276 | Nguyễn Thị Bích Trâm  | 8/1/1993   | 272319807 | K2/309B, KP1 | làm nail, uốn tóc                 | Quyết Thắng           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1277 | Hồng Ngọc Tuấn        | 20/12/1976 | 271247944 | IB1, KP1     | lái xe ôm công nghệ               | Bưu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1278 | Nguyễn Thị Ngọc Thanh | 24/8/1971  | 270948056 | K2/169, KP1  | bán hủ tíu                        | K2/169, KP1           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1279 | Nguyễn Tấn Đức        | 1966       | 270949323 | K2/67B, KP1  | bán vé số lưu động                | Bưu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1280 | Phan Thị Xuân Mai     | 29/2/1956  | 271104390 | K2/309B, KP1 | bán cà phê, nước giải khát vỉa hè | trước trạm xá Bưu Hòa | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                    |            |           |              |                                                |                                      |           |   |           |  |  |
|------|--------------------|------------|-----------|--------------|------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1281 | Lê Thị Thủy Phương | 18/9/1960  | 270135795 | K2/312A, KP1 | bán gà nướng<br>đạo                            | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1282 | Bùi Thị Lệ         | 20/9/1969  | 271387438 | K3/80C, KP1  | phụ bán quán mì                                | quán mì Gia Hân,<br>KP1              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1283 | Lê Văn Tý          | 11/1/1970  | 025453048 | K2/301B, KP1 | lái xe công nghệ<br>2 bánh                     | Biên Hoà, TP.HCM                     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1284 | Mai Thị Thoa       | 1955       | 385224164 | K2/264, KP1  | bán vé số lưu<br>động                          | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1285 | Nguyễn Trọng Kha   | 01/6/1990  | 301386669 | K3/152C, KP1 | bóc vác                                        | gốm Phương Hạnh,<br>Bừu Hòa          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1286 | Mai Trang          | 14/12/2003 | 385860622 | K2/264, KP1  | uốn tóc                                        | tiệm tóc Phương<br>Vy,<br>K3/12, KP4 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1287 | Bùi Thị Kim Hương  | 10/11/1971 | 271043242 | K2/301B, KP1 | bán vé số lưu<br>động                          | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1288 | Trịnh Văn Phụng    | 1967       | 271364953 | K2/323, KP1  | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách               | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1289 | Nguyễn Văn Đức     | 1961       | 272546077 | K2/264, KP1  | bảo vệ cỡ sở<br>massage tư nhân                | đường D10,<br>Phường Thống Nhất      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1290 | Trần Thu Tuyết     | 11/5/2000  | 272799403 | K3/174, KP1  | phục vụ quán cà<br>phê                         | K3/174, KP1                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1291 | Huỳnh Tiến Thuận   | 03/5/1973  | 271076484 | K2/268, KP1  | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách               | Bừu Hòa                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1292 | Nguyễn Thị Dung    | 27/1/1960  | 270018035 | K3/335B, KP1 | bán bánh mì<br>trước trường<br>Ngô Gia Tự, KP5 | gần trường học<br>Ngô Gia Tự         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1293 | Nguyễn Thị Phương  | 08/6/1974  | 271142616 | K2/319B, KP1 | phụ bán quán<br>com                            | trước trạm xá Bừu<br>Hòa             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|      |                      |            |              |              |                               |                                       |           |   |           |  |  |
|------|----------------------|------------|--------------|--------------|-------------------------------|---------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1294 | Ngô Thị Bích         | 1971       | 271511021    | K3/108, KP1  | bán vé số lưu động            | Biên Hoà                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1295 | Phạm Thị Hồng Xuân   | 1962       | 270135718    | K2/75A, KP1  | giúp việc nhà                 | VLXD Nam Hưng                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1296 | Nguyễn Thanh Vũ      | 07/6/1972  | 272831199    | K2/148, KP1  | bán bún măng vịt vỉa hè       | K2/148, KP1                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1297 | Phạm Văn Tính        | 09/10/1968 | 270948085    | K2/75B, KP1  | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Biên Hoà                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1298 | Lê Thị Thu Nguyệt    | 17/7/1964  | 270095819    | K3/124, KP1  | bán hàng rong (chiếu, chổi)   | Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1299 | Đoàn Thị Thu Vân     | 05/10/1970 | 270948187    | K2/246B, KP1 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1300 | Nguyễn Quỳnh Như     | 10/5/1994  | 381787960    | K2/246B, KP1 | cắt tóc, làm nail             | Long Bình Tân, Biên Hoà               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1301 | Nguyễn Văn Toàn      | 18/2/1983  | 271535081    | K2/87, KP1   | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | không có định                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1302 | Nguyễn Thị như Vân   | 30/10/1976 | 271148386    | K2/307, KP1  | bán cơm tấm vỉa hè            | KP3, Bừu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1303 | Bùi Thị Bè Mai       | 10/6/1986  | 276070449    | KP1          | giúp việc nhà                 | chị Thủy, Phường Thanh Bình, Biên Hoà | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1304 | Lê Hoàng Hải         | 21/3/1960  | 075060000631 | K3/242C, KP1 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách | Bừu Hòa                               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1305 | Nguyễn Thị Kim Hương | 10/4/1953  | 270150537    | K3/230, KP1  | bán cà phê vỉa hè             | K3/230, KP1                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1306 | Lâm Thị Ánh          | 18/2/1958  | 270056654    | K2/144A, KP1 | lau dọn vệ sinh               | nhà thờ Tin Lành, Bừu Hòa             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                      |            |           |              |                                  |                               |           |   |           |  |  |
|------|----------------------|------------|-----------|--------------|----------------------------------|-------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1307 | Lâm Thị Ngọc Oanh    | 26/3/1955  | 272155086 | K2/144D, KP1 | lau dọn vệ sinh                  | nhà thờ Tin Lành,<br>Bửu Hòa  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1308 | Lê Hoàng Vũ          | 16/2/1975  | 271248271 | K3/242C, KP1 | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Biển Hoà                      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1309 | Nguyễn Văn Tuấn      | 01/01/1986 | 290809814 | K3/343C, KP1 | lái xe công nghệ<br>2 bánh       | Biển Hoà, Bửu Hòa             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1310 | Bùi Thị Hiếu Hoa     | 06/10/1964 | 271387009 | K3/336, KP1  | bán vé số lưu<br>động            | Bửu Hòa                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1311 | Huỳnh Tuấn Khải      | 25/8/1984  | 271698496 | K2/251, KP1  | phụ bán quán mì                  | quán mì Gia Hân,<br>KP1       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1312 | Huỳnh Kim Thành      | 30/7/1987  | 271898440 | K2/262C, KP1 | bốc vác                          | góm Bảo Trinh,<br>Bửu Hòa     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1313 | Trần Kim Tiếng       | 1956       | 272189304 | K2/265, KP1  | phụ nấu đám tiệc                 | dịch vụ nấu ăn ông<br>Ba, KP1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1314 | Đoàn Thị Hoa         | 21/11/1953 | 270098522 | K2/263B, KP1 | phụ nấu đám tiệc                 | dịch vụ nấu ăn ông<br>Ba, KP1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1315 | Nguyễn Thị Bích Liên | 27/7/1970  | 270993122 | K2/319E, KP1 | bán cơm                          | trước trạm xá Bửu<br>Hòa      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1316 | Nguyễn Thiện Tâm     | 09/1/1994  | 363734665 | K2/297D, KP1 | bán vé số lưu<br>động            | không cố định                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1317 | Nguyễn Hoàng Phước   | 28/8/1989  | 272179392 | K2/254, KP1  | phụ bán quán<br>cơm tấm          | chủ Hùng, KP1                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1318 | Trịnh Ngọc Lệ        | 07/3/1973  | 271792954 | K2/240A, KP1 | phụ bán quán<br>cơm tấm          | chủ Hùng, KP1                 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1319 | Trần Ngọc Anh        | 03/1/1984  | 271730655 | K2/52, KP1   | phụ bán quán cà<br>phê           | K2/53, KP1, Bửu<br>Hòa        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|      |                        |            |           |              |                                  |                                          |           |   |           |  |  |
|------|------------------------|------------|-----------|--------------|----------------------------------|------------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1320 | Nguyễn Thị Thu Nở      | 27/1/1987  | 301798930 | K2/49B, KP1  | phụ bán bún riêu                 | gắn chợ Bưu Hòa                          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1321 | Đinh Thị Ngọc Hà       | 28/8/1965  | 270670739 | K3/16C, KP1  | giúp việc nhà<br>cho lớp rèn chữ | K2/32A, KP1                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1322 | Nguyễn Thị Trúc Phương | 01/4/1979  | 271364892 | K2/312B, KP1 | bán hàng rong<br>(gà nướng)      | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1323 | Trần Thị Kim Loan      | 02/9/1993  | 352301681 | K2/25B, KP1  | phục vụ quán ăn<br>nhậu          | quán Dương tàu,<br>Quyết Thắng.          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1324 | Trà Thị Lan            | 14/10/1971 | 270940494 | K2/24B, KP1  | bán cà phê, nước<br>đá           | K2/24B, KP1                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1325 | Nguyễn Thị Hồng Châu   | 28/8/1955  | 270015880 | K3/128C, KP1 | bán cơm                          | K4/11A, KP2                              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1326 | Lê Văn Lạc             | 6/6/1964   | 271426183 | K2/168A, KP1 | bán bún xào                      | K2/168A, KP1                             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1327 | Nguyễn Văn Sự          | 29/11/1978 | 272337642 | K2/301B, KP1 | chạy xe ba gác                   | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1328 | Lâm Hồng Hào           | 22/12/1965 | 270666663 | K3/249, KP1  | bán bánh mì                      | K3/249B, KP1                             | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1329 | Trương Tiết Hoa        | 1955       | 272118508 | K2/84B1, KP1 | bán vé số lưu<br>động            | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1330 | Tăng Thị Lệ Hoa        | 1957       | 270135462 | K1, 8B, KP1  | phụ nấu ăn đám<br>tiệc           | dịch vụ nấu ăn<br>Huỳnh Hương, Hòa<br>An | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1331 | Ngô Văn Liêm           | 16/6/1979  | 290963736 | K3/31, KP1   | bán vé số lưu<br>động            | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1332 | Nguyễn Văn Tiền        | 10/12/1955 | 271571591 | K2/76, KP1   | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Bưu Hòa                                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                   |           |              |              |                                  |                                    |           |   |           |  |  |
|------|-------------------|-----------|--------------|--------------|----------------------------------|------------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1333 | Võ Văn Hoành      | 7/5/1959  | 270135636    | K2/288B, KP1 | bảo vệ, giữ xe<br>phòng tập Gym  | Bưu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1334 | Đoàn Phúc Nhị     | 1/12/1955 | 270150113    | K3/64C, KP1  | lái xe mô tô 2<br>bánh chở khách | Bưu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1335 | Vòng Lệ Hoa       | 26/5/1965 | 270546094    | K2/167B, KP1 | bán vé số lưu<br>động            | Biên Hoà                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1336 | Liều Lợi          | 26/9/1959 | 270040329    | K3/231C, KP1 | bán vé số lưu<br>động            | Bưu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1337 | Phạm Thị Thu Hiền | 9/10/1963 | 270930153    | K3/230, KP1  | giúp việc nhà                    | Bưu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1338 | Nguyễn Thị Hà     | 2/11/1958 | 270163438    | K3/342A, KP1 | phụ bán cháo<br>lòng             | chợ Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1339 | Nguyễn Ái Quốc    | 7/8/1990  | 183839074    | K2/71C, KP1  | lái xe công nghệ<br>2 bánh       | Biên Hoà                           | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1340 | Tống Thị Tuyết    | 19/5/1961 | 075161001012 | K2/102B, KP1 | phụ bán cơm                      | quán cơm Chủ<br>Hùng, Bưu Hòa      | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1341 | Nguyễn Tuấn Dũng  | 5/7/1993  | 272224237    | K2/262, KP1  | Lái xe ba gác<br>chở hàng        | Bưu Hòa                            | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1342 | Hồ Sâm Múi        | 23/3/1968 | 272683464    | K2/102B, KP1 | phụ bán hủ tiếu                  | K2/102B, KP1                       | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1343 | Lê Thành Nguyên   | 13/8/1970 | 272289785    | K2/51D, KP1  | phụ nấu ăn                       | Quán Bảo Hân, Bà<br>Rịa - Vũng Tàu | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1344 | Nguyễn Thị Mỹ Ván | 1972      | 300784523    | K3/152, KP1  | làm nail                         | K3/152, KP1                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1345 | Nguyễn Hoàng Vinh | 6/11/1986 | 190349522    | K3/115C, KP1 | phụ bán thịt heo                 | chợ Bưu Hòa                        | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|      |                     |            |           |              |                                         |                           |           |   |           |  |  |
|------|---------------------|------------|-----------|--------------|-----------------------------------------|---------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1346 | Đoàn Minh Thuận     | 24/6/1988  | 271913707 | K2/246, KP1  | phụ bán vịt<br>nướng Năm Vân            | K1/111C, KP1              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1347 | Trần Thị Thanh      | 1/1/1958   | 363685265 | K2/246A, KP1 | bán vé số lưu<br>động                   | Bưu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1348 | Ngô Thị Chín        | 10/7/1956  | 270060853 | K3/148, KP1  | phụ bán quán cà<br>phê                  | Nguyễn Như, Bưu<br>Hòa    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1349 | Nguyễn Viết Kiệt    | 24/6/1970  | 270869182 | K3/100C, KP1 | bảo vệ, giữ xe<br>phòng Gym Mai<br>Thảo | Hiệp Hòa                  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1350 | Mai Ngọc Thảo       | 25/7/1998  | 272615165 | K3/137C, KP1 | bán bánh cuốn                           | Chợ Bưu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1351 | Hồ Kim Loan         | 1/1/1970   | 272009646 | K1/227, KP1  | bán bún măng gà                         | K2/121B, KP1              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1352 | Đoàn Kim Phổ        | 7/1/1965   | 270709133 | K2/246, KP1  | phụ bán vịt<br>nướng Năm Vân            | K1/111C, KP1              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1353 | Võ Thị Nam Phương   | 25/7/1978  | 271323211 | K3/11C, KP1  | bán bưởi via hè                         | chợ Bưu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1354 | Nguyễn Văn Chung    | 1/1/1975   | 272179012 | KP1          | bán vé số lưu<br>động                   | Bưu Hòa                   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1355 | Hồ Thị Hoa          | 1975       | 271248348 | K2/156B, KP1 | phụ bán hủ tiếu                         | K2/156B, KP1              | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1356 | Võ Thị Thu          | 1/9/1966   | 271059919 | K2/209, KP1  | giúp việc nhà                           | 238/76 phường Tân<br>Tiến | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1357 | Trương Thị Kim Oanh | 22/11/1965 | 270666784 | K3/306C, KP1 | giữ xe via hè                           | chợ Bưu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1358 | Mai Ngọc Hiền       | 7/5/1980   | 271471047 | K3/148D, KP1 | bán xôi via hè                          | chợ Bưu Hòa               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                           |           |              |              |                                         |              |           |   |           |  |  |
|------|---------------------------|-----------|--------------|--------------|-----------------------------------------|--------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1359 | Từ Thị Tuyết Hằng         | 6/9/1970  | 270858859    | K2/40B, KP1  | bán nước mía<br>vía hè                  | K2/40B, KP1  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1360 | Bùi Thị Ngọc Phương       | 1977      | 272577000    | K2/148, KP1  | bán vé số lưu<br>động                   | K2/148, KP1  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1361 | Hồng Thị Thủy Anh         | 7/11/1973 | 271004460    | K3/223C, KP1 | bán bún riêu                            | K3/223C, KP1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1362 | Mai Trần Anh Thy          | 3/2/2001  | 079301025068 | K2/172B, KP1 | nhân viên phục<br>vụ (không có<br>HDLĐ) | K2/172B, KP1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1363 | Bùi Thị Liễu              | 31/5/1976 | 271384171    | K3/90C, KP1  | phụ bán bún<br>măng vịt                 | K3/90C, KP1  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1364 | Lê Thị Sáu                | 10/6/1970 | 079170019682 | K2/43, KP1   | bán hàng rong<br>(nước ngọt)            | K2/43, KP1   | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1365 | Lê Trương Khánh<br>Phương | 20/9/1977 | 271248441    | K2/250, KP1  | phụ bán phở                             | K2/250, KP1  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1366 | Nguyễn Văn Thiện          | 16/1/1961 | 270135836    | K2/173B, KP1 | bán vé số lưu<br>động                   | K2/173B, KP1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1367 | Trần Văn Tâm              | 7/3/1969  | 205449753    | KP2          | bán vé số lưu<br>động                   | KP2          | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1368 | Trần Văn Trước            | 1/1/1975  | 271142703    | K3/140C, KP1 | phụ bán mì                              | K3/140C, KP1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1369 | Nguyễn Thị Hiền           | 27/3/1970 | 270869774    | K3/10C, KP1  | phụ bán hủ tiếu                         | K3/10C, KP1  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1370 | Trần Thị Đùn              | 15/5/1971 | đang chờ cấp | K2/271B, KP1 | bán vé số lưu<br>động                   | K2/271B, KP1 | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1371 | Nguyễn Thành Châu         | 06/1/1960 | 270150684    | K3/230, Kp1  | bảo vệ (không<br>có HDLĐ)               | K3/230, Kp1  | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|      |                      |            |           |              |                                                |                                 |           |   |           |  |  |
|------|----------------------|------------|-----------|--------------|------------------------------------------------|---------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1372 | Nguyễn Thị Lan       | 29/11/1958 | 272189163 | K3/124, KP1  | đơn dẹp vệ sinh                                | cơ sở Massage Pro, Biên Hoà     | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1373 | Nguyễn Thị Phước     | 1953       | 272156810 | K/110, KP1   | bán vé số lưu động                             | Bưu Hoà                         | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1374 | Nguyễn Thị Thủy Hằng | 20/2/2000  | 272781271 | K3/117E, KP1 | nhân viên pha chế                              | Zen Tea, Quảng Trường, Biên Hoà | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1375 | Nguyễn Hữu Nhật      | 25/8/1995  | 272353262 | K3/138C, KP1 | vận chuyển hàng hóa (giao hàng bằng xe 2 bánh) | Phường Quang Vinh               | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1376 | Nguyễn Hữu Minh      | 14/7/2002  | 272926096 | K3/138C, KP1 | lái xe mô tô 2 bánh chở khách                  | Ngã tư chùa Long Thiền, Bưu Hoà | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1377 | Võ Kim Chi           | 30/5/1960  | 270135649 | K2/263A, KP1 | giúp việc gia đình                             | 24/1, Hòa An                    | 01/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

### 3. Phường Hiệp Hòa

|      |                      |            |              |                     |                  |                                   |           |   |           |  |  |
|------|----------------------|------------|--------------|---------------------|------------------|-----------------------------------|-----------|---|-----------|--|--|
| 1378 | Hồng Thị Bích Liên   | 02/11/1973 | 271339292    | 392, kp Nhị Hòa     | Bán mì, hủ tiếu  | P. Hiệp Hòa                       | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1379 | Võ Thị Thu Hương     | 07/04/1986 | 271870074    | 106A2, kp Nhị Hòa   | Bán phở          | KP Nhị Hòa, P Hiệp Hòa            | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1380 | Nguyễn T. Thanh Thủy | 1961       | 075166001349 | 56B/A2, kp Nhị Hòa  | Bán nước mía     | Khu vực chùa ông (Hiệp Hòa)       | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1381 | Nguyễn Văn Sỹ        | 17/4/1983  | 271525828    | 475A/A2, kp Nhị Hòa | Chạy xe ôm       | khu vực Hiệp Hòa                  | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1382 | Phạm Thị Bích Thủy   | 08/01/1983 | 270911491    | 126D/2, kp Nhị Hòa  | Bán cá lè dương  | khu vực Quán lam viên P. Hiệp Hòa | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 1383 | Mai Trúc Lệ          | 05/12/1965 | 270671245    | 3/A2, kp Nhị Hòa    | Bán sữa đậu nành | P. Hiệp Hòa                       | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|      |                      |            |              |                        |                                          |                                         |           |   |           |  |
|------|----------------------|------------|--------------|------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------|---|-----------|--|
| 1384 | Lương Văn Phước      | 1/1/1967   | 270650823    | 278D/A2, kp<br>Nhị Hòa | Vận chuyển<br>hàng hóa bằng<br>xe ba gác | Cầu hang, P.Hóa<br>An                   | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1385 | Phạm Thị Thơm        | 01/01/1963 | 270095748    | 273/A2, kp Nhị<br>Hòa  | giúp việc nhà                            | 49/13 cầu hang<br>P. Hòa An             | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1386 | Phạm Thị Lan         | 06/02/1968 | 270750875    | 140/A2, kp Nhị<br>Hòa  | giúp việc nhà                            | 397A/A2 KP Nhị<br>Hòa Hiệp Hòa          | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1387 | Ngô Thị Nguyệt Ánh   | 08/01/1994 | 363701977    | kp Nhị Hòa             | phục vụ quán ăn                          | Quán Thảo Quyền<br>P. Hiệp Hòa          | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1388 | Nguyễn Đình Quý      | 04/11/1968 | 270750802    | 273/A2, kp Nhị<br>Hòa  | Chạy xe ôm                               | BX Biên Hoà                             | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1389 | Nguyễn Hữu Sang      | 1977       | 271416000    | 490D/A2, kp<br>Nhị Hòa | vận chuyển hàng<br>hóa bằng xe ba<br>gác | cửa hàng Sáu Nốp,<br>P. Quyết Thắng     | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1390 | Phạm Thị Thiện       | 30/9/1983  | 272534784    | 566/A2, kp Nhị<br>Hòa  | Bán rau dạo                              | kp Nhất Hòa,<br>P. Hiệp Hòa             | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1391 | Trịnh Văn Thành      | 30/11/1951 | 270145421    | 194/2, kp Nhị<br>Hòa   | Chạy xe ôm                               | khu vực chợ Biên<br>Hoà                 | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1392 | T' Sần A Bình        | 18/6/1994  | 273461241    | 205/A2, kp Nhị<br>Hòa  | phụ quán ăn                              | Quán 5,6,7,8 Nhất<br>Hòa<br>KP Nhất Hòa | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1393 | Nguyễn Văn Thành     | 01/01/1951 | 270145548    | 312/A2, kp Nhị<br>Hòa  | Bán vé số                                | Khu vực P Thống<br>Nhất                 | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1394 | Bùi Văn Toàn         | 25/8/1987  | 079087000799 | 274/3, kp Tam<br>Hòa   | bán rau, trái cây<br>lưu động            | khu vực Hiệp Hòa                        | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1395 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 20/7/1985  | 276032194    | 167/A3, kp Tam<br>Hòa  | Bán bánh                                 | Bán rong khu vực<br>P. Hiệp Hòa         | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |
| 1396 | Phạm Thị Vàng        | 11/06/1962 | 075162000365 | 167/A3, kp Tam<br>Hòa  | Bán bánh                                 | Bán rong khu vực<br>P. Hiệp Hòa         | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000 |  |